

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 20...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Ông Trần Minh Bình**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu ra công chúng của VietinBank

MR

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: 024. 3941 8868

Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

Email: contact@vietinbank.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HÀ NỘI

- Tên trái phiếu** : Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (CTG2230T2/02)
(sau đây được gọi tắt là “**Trái Phiếu**”)
- Loại trái phiếu** : Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.
- Mã trái phiếu** : **CTG123033**
- Thời điểm đáo hạn** : Ngày 01/11/2031
- Lãi suất** : Lãi Suất Trái Phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu + **1,2%/năm**.

Trong đó: “Lãi Suất Tham Chiếu”: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

- Kỳ trả lãi** : Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.
- Mệnh giá** : 100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/01 (một) Trái Phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu niêm yết** : 15.000.000 (Mười lăm triệu) Trái Phiếu
- Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)** : 1.500.000.000.000 (Một nghìn năm trăm tỷ) đồng

Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý nhà đầu tư vui lòng xem nội dung tại Mục V có tiêu đề “Trái phiếu niêm yết” và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.

M R

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 31/12/2021:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100

Fax: 024. 3831 5090

Website: www.ey.com/vn

Từ ngày 01/01/2022 - nay:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000

Fax: 024. 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

*[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của
Bản Cáo Bạch]*

NH R

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro về ngành.....	9
4. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	14
1. Tổ Chức Niêm Yết	14
2. Tổ Chức Tư Vấn	14
III. CÁC KHÁI NIỆM	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	17
2. Cơ cấu tổ chức của VietinBank	27
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank	29
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	33
5. Danh sách các công ty mẹ và công ty con của VietinBank, các công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank.....	33
6. Hoạt động kinh doanh của VietinBank	38
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	63
8. Vị thế của VietinBank so với các ngân hàng khác trong ngành.....	71
9. Chính sách đối với người lao động.....	74
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank.....	76
11. Tình hình hoạt động tài chính	77
12. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng.....	82
13. Tài sản.....	107
14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	108
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức	109
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VietinBank.....	110
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VietinBank có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết (nếu có)	110
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT.....	111
1. Tên trái phiếu.....	111
2. Loại trái phiếu.....	111
3. Mệnh giá	111
4. Mã trái phiếu.....	111
5. Số lượng trái phiếu phát hành.....	111
6. Tổng giá trị theo mệnh giá	111
7. Ngày phát hành.....	111
8. Ngày đáo hạn	111

9.	Thời hạn trái phiếu.....	111
10.	Mục đích phát hành trái phiếu.....	111
11.	Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu	111
12.	Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết.....	112
13.	Lãi suất	112
14.	Kỳ Trả Lãi.....	112
15.	Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Niêm Yết.....	112
16.	Xếp hạng tín nhiệm.....	112
17.	Phương pháp tính giá.....	112
18.	Tính lợi suất đáo hạn.....	114
19.	Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền..	115
20.	Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết	115
21.	Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	116
22.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	116
23.	Các loại thuế có liên quan	116
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU	119
1.	Tổ Chức Tư Vấn	119
2.	Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu	119
3.	Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính	119
VII.	PHỤ LỤC.....	120
VIII.	TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	121

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Handwritten signature/initials

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của VietinBank, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà VietinBank hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, VietinBank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp, rủi ro về ngành và các rủi ro khác. Mặc dù, VietinBank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của VietinBank.

1. Rủi ro về kinh tế

a) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất (RRLS) gồm (i) rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của VietinBank – được gọi là RRLS trên Sổ Ngân hàng; và (ii) rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của Giấy tờ có giá (GTCG), công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên Sổ Kinh doanh. VietinBank thiết lập Quy định phân tách Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng nhằm quy định các điều kiện, tiêu chí xác định các khoản mục thuộc phạm vi từng sổ, từ đó có chính sách quản lý rủi ro tương ứng.

Đối với RRLS trên Sổ Ngân hàng: Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng là một trong bốn rủi ro trọng yếu theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Rủi ro này phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. VietinBank có thể gặp bất lợi về thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế VCSH (*Economic Value of Equity – EVE là giá trị hiện tại ròng giữa dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả trên cả nội bảng và ngoại bảng thuộc Sổ Ngân hàng*) khi lãi suất tăng tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng (*số dư nợ phải trả chịu lãi suất tăng lớn hơn số dư tài sản có lãi suất tăng*) và/hoặc lãi suất giảm tại các thang kỳ hạn còn lại.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới NII và EVE của VietinBank trong phạm vi cho phép, VietinBank đã áp dụng chính sách quản lý tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Cụ thể, VietinBank đã thiết lập quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ hạn định giá lại lãi suất, thiết lập hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi NII và EVE; đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho

phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất...

Mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường.

Đối với RRLS trên Sổ Kinh doanh: Đây là một trong bốn loại rủi ro thuộc rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN ban hành. Để quản lý rủi ro này, VietinBank thiết lập các hạn mức trạng thái, hạn mức dừng lỗ, hạn mức VaR đối với danh mục GTCG thuộc Sổ Kinh doanh nhằm kiểm soát RRLS. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên giá trị danh mục theo lợi suất thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

b) Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

Trong năm 2021, những diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế. HĐKD của rất nhiều khách hàng vay vốn tại VietinBank gặp khó khăn, tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trước tình hình đó, VietinBank đã chủ động tăng cường kiểm soát chất lượng nợ, nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ, giảm thiểu tổn thất cho Ngân hàng đồng thời triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua đại dịch như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất...

Từ năm 2022 đến hết 9 tháng năm 2023, dịch COVID-19 đã được kiểm soát nhưng nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều diễn biến khó lường. Để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững cho khách hàng, Ngân hàng cũng như nền kinh tế, VietinBank tăng cường kiện toàn, chuẩn hóa văn bản chính sách hướng tới thông lệ quốc tế và tiếp tục tận dụng các thành tựu của việc chuyển đổi số trong công tác QTRR tín dụng từ cấp độ tổng thể đến cấp độ giao dịch. VietinBank cũng đồng thời triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế nợ xấu mới phát sinh, tăng cường cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngoài ra, VietinBank tiếp tục ưu tiên đầu tư cải tiến hệ thống CNTT hỗ trợ công tác quản lý danh mục tín dụng, cảnh báo sớm khách hàng tiềm ẩn rủi ro, phân luồng thu hồi xử lý nợ.

Bên cạnh đó, hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng được VietinBank ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát, cập nhật đáp ứng quy định của NHNN (bao gồm Thông tư số 13/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/05/2018) cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời, Vietinbank cũng quản lý tài sản có rủi ro bao gồm tài sản có rủi ro tín dụng đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30/12/2016.

c) *Rủi ro về ngoại hối*

Rủi ro ngoại hối (hay rủi ro tiền tệ) là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản - nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

VietinBank quy định toàn bộ trạng thái ngoại tệ phát sinh được tập trung về quản lý tại Trụ sở chính thông qua phòng đầu mối là Phòng Kinh doanh vốn - Khối Kinh doanh vốn & Thị trường. Rủi ro ngoại hối cũng là một trong bốn loại rủi ro thuộc rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/05/2018. Ngân hàng thiết lập các hạn mức về trạng thái tiền tệ với từng đồng tiền, các hạn mức dừng lỗ, hạn mức giá trị chịu rủi ro VaR... nhằm kiểm soát rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận của Ngân hàng và tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai ứng dụng thành công, cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên lợi nhuận theo giá trị thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ: VietinBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

d) *Rủi ro về thanh toán*

Rủi ro thanh toán là rủi ro phát sinh khi Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

VietinBank thực hiện chiến lược QLRR thanh khoản với các mục tiêu chính như: duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; chiến lược nguồn vốn đảm bảo đa dạng hoá về kênh huy động và cấu trúc kỳ hạn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn; tăng cường các nguồn vốn có chi phí hợp lý như tiền gửi không kỳ hạn (*Current Account Savings Account – CASA*), nguồn tiền gửi Kho bạc Nhà nước, kết hợp linh hoạt khai thác nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng; thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các TCTD khác để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn; định kỳ kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy với Phòng Quản lý cân đối vốn đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn và các đơn vị liên quan thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất; Phòng QLRR thị trường đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ hai theo dõi giám sát độc lập, và Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản được theo dõi hàng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hàng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hệ thống quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) được xây dựng theo thông lệ quốc tế, tiếp tục cung cấp tự

động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày của Ngân hàng, đồng thời phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai. Qua đó, rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu Tài sản/Nợ phải trả và dòng tiền của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

e) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình HĐKD, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn; cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Tại thời điểm 30/09/2023, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng theo số liệu hợp nhất của VietinBank là hơn 751.706 tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ L/C và bảo lãnh khác) là 156.793 tỷ đồng (chiếm 20,86%) và các cam kết đưa ra (gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác) là 594.913 tỷ đồng (chiếm 79,14%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh...). Khi đó, VietinBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, VietinBank đã ban hành các quy trình thẩm định, cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại khách hàng; các quy định về tỷ lệ tài sản bảo đảm, ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng và mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- *Đối với các cam kết bảo lãnh:* VietinBank thực hiện phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần theo thứ tự lần lượt: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn... Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, VietinBank sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản bảo đảm/ký quỹ phù hợp để có biện pháp hạn chế, giảm thiểu rủi ro.
- *Đối với các cam kết thanh toán L/C:* VietinBank quản lý rủi ro xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ và tài sản bảo đảm tương đương với mức độ tin cậy và tín nhiệm của từng nhóm khách hàng do VietinBank đánh giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về pháp luật là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam, trong đó có VietinBank. Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành nhằm hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp như (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật

Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư...). Đồng thời, Chính phủ và các bộ, ngành (trong đó có NHNN) cũng ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật về TCTD tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Tại VietinBank, công tác QLRR pháp lý/luat pháp luôn được ưu tiên hàng đầu nhằm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng bất lợi đến HĐKD và quản trị nội bộ của VietinBank, cụ thể như sau:

- VietinBank đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, bộ mẫu biểu hợp đồng phải tuân thủ trong quá trình thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa, pháp điển hóa định kỳ để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản.
- Bộ phận Pháp chế tại VietinBank chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý và HĐKD, phù hợp với quy định pháp luật; tối đa hóa quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank; cử đại diện tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank trong các hoạt động tố tụng mà VietinBank là một bên tham gia.
- Bộ phận Tuân thủ tại VietinBank có trách nhiệm quản lý thay đổi văn bản chính sách nội bộ trong hệ thống VietinBank; phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/cấm vận; phòng chống gian lận; tuân thủ Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Mỹ (*Foreign Account Tax Compliance Act – FATCA*) và quản lý tuân thủ các cam kết quốc tế khác, cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác; quản lý xung đột lợi ích; bảo vệ quyền lợi khách hàng; bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống tham nhũng và các vấn đề tuân thủ khác theo quy định của VietinBank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật; xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giám sát, quản lý tuân thủ trên toàn hàng định kỳ hoặc đột xuất nhằm giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro phát sinh.
- VietinBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng HĐKD cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng.
- Công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng luôn được chú trọng để nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của từng cán bộ trong toàn hệ thống.
- Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, VietinBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro về ngành

VietinBank là một ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (chiếm tỷ lệ 64,46%). Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng

ngành. Theo đó, VietinBank không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối khác, mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

4. Rủi ro khác

a) Rủi ro kinh tế vĩ mô

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Niêm Yết

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây (giai đoạn 2012-2021) đạt 5,6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù vậy, Tổ Chức Niêm Yết không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Niêm Yết.

Theo Tổng cục Thống kê, ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Báo cáo "Kinh tế Việt Nam năm 2022, triển vọng năm 2023" của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương công bố mới đây đã đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023. Cụ thể, kịch bản thứ nhất, tăng trưởng GDP đạt 6,47%; lạm phát bình quân 4,08%; tăng trưởng xuất khẩu 7,21% và cán cân thương mại là 5,64 tỷ USD. Kịch bản thứ hai tích cực hơn khi tăng trưởng GDP tăng 6,83%; lạm phát 3,69%; tăng trưởng xuất khẩu 8,43% và cán cân thương mại là 8,15 tỷ USD.

Theo Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023, và có xu hướng tích cực (quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,72%, đóng góp 8,03% vào mức tăng tổng giá trị tăng

thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,19%, đóng góp 38,63%; khu vực dịch vụ tăng 6,24%, đóng góp 53,34%.

GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%, đóng góp 9,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,41%, đóng góp 22,27%; khu vực dịch vụ tăng 6,32%, đóng góp 68,57%. Tính đến thời điểm 30/9/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,75% so với cuối năm 2022; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,8%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 5,73%. Tổng doanh thu phí bảo hiểm quý III/2023 ước đạt 52,9 nghìn tỷ đồng, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2022; tính chung 9 tháng năm 2023, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 165,6 nghìn tỷ đồng, giảm 6,9%. Tính từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 16.940 tỷ đồng/phiên, giảm 16% so với bình quân năm 2022; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 5.770 tỷ đồng/phiên, giảm 24,9%; khối lượng giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán phái sinh đạt 225.613 hợp đồng/phiên, giảm 17%.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Niêm Yết

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 05 năm gần nhất (giai đoạn 2017-2021) tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân các năm so với năm trước có xu hướng giảm và duy trì ở mức dưới 4% từ mức 3,53% năm 2017 xuống còn 1,84% năm 2021.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Niêm Yết không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Niêm Yết gia tăng. Nếu Tổ Chức Niêm Yết không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Niêm Yết. Ngoài ra, Tổ Chức Niêm Yết không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Năm 2021, CPI bình quân tăng 1,84% so với năm 2020. Bình quân năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,81% so với năm 2020 và là mức thấp nhất kể từ năm 2011. Tuy nhiên, trong năm 2022, khi các hoạt động kinh tế trở lại bình thường, áp lực về lạm phát của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng do những ảnh hưởng đến từ lạm phát chuỗi cung ứng, giá nguyên, nhiên vật liệu thế giới tăng cao, đặc biệt là tình trạng bất ổn của giá dầu toàn cầu do cuộc chiến Nga – Ukraine và tổng cầu trong nước tăng đột biến.

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 09/2023 tăng 3,12% và so với tháng 09/2022 tăng 3,66%. CPI bình quân quý III/2023 tăng 2,89% so với quý III/2022. Tính chung 9 tháng năm 2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%. Chỉ số giá vàng tháng 9/2023 tăng 0,94% so với tháng trước; tăng 4,91% so với tháng 12/2022; tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 2,22% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng

9/2023 tăng 1,53% so với tháng trước; tăng 0,35% so với tháng 12/2022; tăng 2,43% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2023 tăng 2,29% so với cùng kỳ năm trước.

b) *Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin*

Hệ thống CNTT của VietinBank thuộc quy mô lớn, triển khai nhiều SPDV mới trên nhiều nền tảng CNTT. Quá trình số hóa hệ thống CNTT của VietinBank đang được triển khai mạnh mẽ với thay đổi cấu hình thường xuyên hơn, kết nối với nhiều hệ thống đối tác hơn. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn bảo mật giao dịch, dữ liệu của Ngân hàng luôn được coi là then chốt khi triển khai các hệ thống CNTT nhằm đem lại sự tin cậy cho khách hàng. VietinBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn trên toàn hệ thống, đồng thời triển khai nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro như:

- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Bộ Thông tin và Truyền thông hay các đối tác tổ chức;
- Tăng cường phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách về an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng như các công ty bảo mật tại Việt Nam và trên thế giới;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật (SIEM); triển khai trung tâm giám sát An toàn thông tin (SOC) trong hệ thống CNTT của VietinBank để có thể giám sát tập trung các hệ thống bảo mật đơn lẻ, phát hiện sớm các nguy cơ để có hành động xử lý kịp thời;
- Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác đối với các SPDV trước khi xây dựng để triển khai biện pháp kiểm soát phù hợp;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của các hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống sang trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi xảy ra thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn Chương trình An ninh Khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT, ISO27001:2013 cho hệ thống Internet Banking (ngân hàng điện tử), Bộ Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ Thanh Toán (PCI-DSS) cho hệ thống thẻ;
- Văn bản hóa, triển khai các quy trình, chính sách bảo mật: đánh giá bảo mật, xử lý sự kiện bảo mật...;
- Triển khai hệ thống truy cập Internet tập trung với công nghệ tiên tiến hơn; tăng cường bảo mật và triển khai các giải pháp cho làm việc từ xa;
- Kiểm soát chặt chẽ kết nối giữa VietinBank với các công ty con, đơn vị thành viên cũng như với các đối tác của VietinBank phải đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về bảo mật;
- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng giải pháp xác thực sinh trắc học trong các giao dịch tại quầy và thiết bị di động; Thực hiện bảo mật ở mức cao nhất đối với các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng, tuân thủ các quy định của Chính phủ, NHNN về quản lý dữ liệu sinh trắc học;
- Triển khai nhiều hệ thống bảo mật để phát hiện và ngăn chặn việc rò quét tấn công vào hệ thống, ngăn chặn gửi email đính kèm mã độc vào hệ thống;
- Nghiên cứu, thử nghiệm các hệ thống, giải pháp phòng thủ thụ động, chủ động phát hiện các

dấu hiệu gian lận, thất thoát tài sản thông tin;

- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật thông tin trong các dịch vụ của Ngân hàng.

c) Rủi ro đối với Trái Phiếu

- Trái Phiếu là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm vì vậy, trường hợp VietinBank bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi VietinBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp);
- Trong thời hạn của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu khi sở hữu Trái Phiếu có thể chịu rủi ro không được thanh toán lãi do VietinBank được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của VietinBank bị lỗ (theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN);
- Tính thanh khoản của Trái Phiếu khi đã được niêm yết trên HNX: Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Ngoài ra, sau khi đã được niêm yết đi vào giao dịch, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn so với giá Trái Phiếu tại thời điểm phát hành, điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động kinh doanh của VietinBank...

d) Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng: như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (*tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng*) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HĐKD của VietinBank.

Mình chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HĐKD của Tổ Chức Niêm Yết là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ năm 2020 đến nay. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc...

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA VIETINBANK.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Handwritten signature/initials

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông **Trần Minh Bình**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Đỗ Thanh Sơn**

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành**

(theo Quyết định số 666/QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 ngày 25/08/2023 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank, Ông Đỗ Thanh Sơn thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 01/09/2023 cho đến khi có quyết định khác thay thế).

Bà **Lê Anh Hà**

Chức vụ: **Trưởng Ban Kiểm soát**

Ông **Lê Duy Hải**

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

Ông **Nguyễn Hải Hưng**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông **Phạm Ngọc Hiệp**

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo ủy quyền tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 186/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/12/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Giấy ủy quyền số 34/2022/UQ-CKCT ngày 22/12/2022 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 02/2023/TVTP/VIETINBANK SECURITIES-VIETINBANK ngày 21/02/2023 ký kết với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Handwritten initials: R

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ Chức Niêm Yết hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc VietinBank hoặc Ngân hàng hoặc NHCT VN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
Tổ Chức Tư Vấn/Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TMCP	Thương mại cổ phần
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTW	Ngân hàng trung ương
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
HSX / HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
NSLĐ	Năng suất lao động
CNTT	Công nghệ thông tin
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu hoặc Vốn và các quỹ (tùy từng trường hợp)
VĐL	Vốn điều lệ
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn (Current Account Savings Account)
GTCG	Giá trị có giá
FTP	Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
VaR	Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk)
RWA	Tài sản chịu rủi ro trọng yếu (Risk Weighted Assets)
ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)
VND / VNĐ	Đồng Việt Nam (đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam)

M R

TSC	Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
SPDV	Sản phẩm dịch vụ
BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
DNNVV / SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment).
DPRR	Dự phòng rủi ro
QLRR	Quản lý rủi ro
QTRR	Quản trị rủi ro
ROAE (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / VCSH bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAE (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / (VCSH – Lợi ích cổ đông không kiểm soát) bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
GTCL	Giá trị còn lại
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TP	Trái phiếu
LC	Thư tín dụng
KH	Khách hàng
CN	Chi nhánh


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Tổ Chức Niêm Yết

- Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên đầy đủ tiếng nước ngoài : **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt : **VietinBank hoặc VIETINBANK**
- Logo : 
- Địa chỉ trụ sở chính : **Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**
- Điện thoại : **1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868**
- Fax : **(84-24) 3942 1032**
- Website : **www.vietinbank.vn**
- Vốn điều lệ đăng ký : **48.057.506.090.000 đồng (Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)**
- Vốn điều lệ thực góp : **53.699.917.480.000 (Năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín tỷ chín trăm mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)**
Ngày 01/12/2023, VietinBank đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 và đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 53.699.917.480.000 đồng. VietinBank đang thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung vốn điều lệ trên GCNĐKDN với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và sửa đổi vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động với NHNN.
- Giấy phép thành lập và hoạt động : **Số 13/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 17/06/2022**
- GCNĐKDN : **Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.**
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT**
- Mã cổ phiếu : **CTG**
- Sàn niêm yết cổ phiếu : **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngành nghề kinh doanh chính

VietinBank là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng, với ngành nghề kinh doanh chính thuộc mã ngành 6419 là “Hoạt động trung gian tiền tệ khác”. VietinBank được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN. Các hoạt động được cấp phép bởi NHNN theo Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank và Quyết định số 2080/QĐ-

M R

NHNN về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của VietinBank bao gồm:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCG khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản: mở tài khoản tại NHNN; mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các GTCG khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.
- Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- Lưu ký chứng khoán.
- Kinh doanh vàng miếng.
- Ví điện tử.
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.

- Ngân hàng giám sát theo quy định pháp luật về chứng khoán.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện quan trọng
1988	<ul style="list-style-type: none"> • Tiền thân là Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức bộ máy NHNN.
1990	<ul style="list-style-type: none"> • Chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). • Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập Ngân hàng Liên doanh Indovina vào ngày 21/11/1990.
1993 - 1996	<ul style="list-style-type: none"> • Thống đốc NHNN ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 ngày 27/03/1993 về việc thành lập Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc NHNN. • Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN ký Quyết định 285/QĐ-NH5 ngày 21/09/1996 về việc thành lập lại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước.
2008	<ul style="list-style-type: none"> • Ra mắt thương hiệu mới VietinBank vào tháng 4/2008. • Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 02/11/2008, NHNN ký Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công Thương Việt Nam. • Ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công Thương Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa thành công.
2009	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày 03/07/2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKKD lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2009; • Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “CTG” vào ngày 16/7/2009 với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 40.100 đồng/cổ phiếu.
2010	<ul style="list-style-type: none"> • VietinBank tăng vốn điều lệ từ 11.252.972.800.000 đồng lên 15.172.291.210.000 đồng (tăng thêm 3.919.318.410.000 đồng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%)).
2011	<ul style="list-style-type: none"> • Là NHTMCP Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài khi thực hiện bán 10% vốn điều lệ cho IFC (số lượng cổ phần phát hành thêm là 168.581.013 cổ phiếu, tương đương 1.685.810.130.000 đồng tính theo mệnh giá). Vốn điều lệ sau khi chào bán cho IFC: 16.858.101.340.000 đồng. • Khai trương chi nhánh tại Frankfurt, Đức. • Cũng trong năm 2011, VietinBank đã thực hiện tăng vốn lần 2 thông qua phương thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá trị vốn tăng thêm là 3.371.620.270.000 đồng. Vốn điều lệ sau tăng là 20.229.721.610.000 đồng.

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2012	<ul style="list-style-type: none"> Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế và niêm yết tại SGDCK Singapore (SGX). Trái phiếu được phát hành ngày 17/5/2012, có kỳ hạn 5 năm và lãi suất cố định 8%/năm. Mở chi nhánh tại Thủ đô Vientian, Lào. Vốn điều lệ tăng thêm 5.987.823.760.000 đồng, ở mức 26.217.545.370.000 đồng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục bán 19,73% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là MUFG Bank (Nhật Bản) và trở thành NHTMCP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm này (số lượng cổ phần phát hành thêm là 644.389.811 cổ phần, tương đương 6.443.898.110.000 đồng tính theo mệnh giá). Vốn điều lệ sau khi bán cổ phần là 32.661.443.480.000 đồng. Tăng vốn lần 2 năm 2013 theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ sau tăng vốn là 37.234.045.560.000 đồng (chào bán theo tỷ lệ 14% với số lượng cổ phiếu chào bán thêm là 457.260.208 cổ phần).
2014	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chiến lược bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.
2015	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp từ Chi nhánh trở thành Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con); Định hướng chuyển dịch cơ cấu khách hàng sang bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thu ngoài lãi.
2017	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại bậc nhất trong Ngành Ngân hàng Việt Nam.
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế, giá trị thương hiệu VietinBank được nâng cao và tăng trưởng liên tục.
2020	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 tại VietinBank và Kế hoạch Kinh doanh trung hạn 2018-2020. Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, Kế hoạch Kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2023.
2021	<ul style="list-style-type: none"> VietinBank tăng vốn điều lệ từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu (để trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) với tỷ lệ 29,0695%, tương đương phát hành thêm 1.082.346.053 cổ phần.
2023	<ul style="list-style-type: none"> VietinBank đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020) với tỷ lệ 11,7415%. Số cổ phần phát hành thêm là 564.241.139 cổ phần. Sau đợt phát hành này, vốn điều lệ của Ngân hàng đã tăng từ 48.057.506.090.000 đồng lên 53.699.917.480.000 đồng.

1.3 Các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu năm 2021, 2022, 2023 của VietinBank

- Top 10 Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa Kinh doanh Việt Nam 2021** do Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam (VNABC) tổ chức nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc hướng ứng cuộc vận động "Xây dựng Văn hóa Doanh

ngiệp Việt Nam" do Thủ tướng Chính phủ phát động, góp phần hiện thực hóa các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- **Top 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2021 (CSI 100) ở lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ:** Giải thưởng này do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh & Xã hội tổ chức.
- **Top 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới:** Năm 2021, VietinBank lần thứ 3 liên tiếp lọt vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới xác lập cú hăng hạng ngoạn mục nhất trong số 9 ngân hàng Việt Nam trong danh sách, xác lập vị trí 216, tăng 61 bậc so với năm 2020. Về Giá trị Thương hiệu, VietinBank cũng là ngân hàng xếp thứ 8 trong Top 20 Ngân hàng thế giới có Giá trị Thương hiệu tăng cao nhất và là ngân hàng tăng trưởng mạnh nhất về Giá trị Thương hiệu tại Việt Nam (tăng 56%).
- **Giải thưởng Sao Khuê 2021 và Giải thưởng Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc 2021:** Năm 2021 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số. 3 SPDV Ngân hàng của VietinBank gồm: Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile (iPay Mobile), Dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho KHDN - VietinBank eFAST và Dịch vụ kết nối ERP dành cho KHDN - VietinBank ERP-Connect đã đạt Giải thưởng Sao Khuê 2021. Trong đó, VietinBank iPay Mobile tiếp tục lọt vào Top 10 Sao Khuê 2 năm liên tiếp. VietinBank cũng vinh dự được bình chọn là đơn vị đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Xuất sắc Việt Nam 2021 - giải thưởng uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay về chuyển đổi số - ở hạng mục Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) tổ chức.
- **Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker), Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker) và Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2021 (International Finance Magazine):** Liên tiếp trong nhiều năm qua, VietinBank đã vinh dự được các tổ chức đánh giá, xếp hạng trao các giải thưởng, danh hiệu xuất sắc trong các mảng kinh doanh Bán lẻ. Năm 2021, VietinBank tiếp tục được Tạp chí International Finance Magazine trao giải thưởng "Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam" và nhiều giải thưởng uy tín khác như giải thưởng Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 và giải thưởng Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 đều do tạp chí nổi tiếng The Asian Banker trao tặng.
- **Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker và Global Banking and Finance Review) và Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021 (Global Banking and Finance Review):** Năm 2021, VietinBank đã xuất sắc giành Giải thưởng "Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021" do The Asian Banker và Global Banking & Finance Review trao tặng, qua đó khẳng định định hướng phát triển đúng đắn, khả năng cung ứng cũng như chất lượng và lợi ích vượt trội của các SPDV dành cho khách hàng SME. Đồng thời, trong năm 2021, Global Banking and Finance Review cũng đã vinh danh VietinBank là ngân hàng có "Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021".
- **Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2021 (Global Finance):** VietinBank được Tạp chí Global Finance vinh danh giải thưởng "Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" năm thứ tư liên tiếp, khẳng định thành công của VietinBank trong đổi mới, cải tiến không ngừng hoạt động ngoại hối, nâng cao vị thế của VietinBank trên thị trường.

Nb
A

- **VietinBank nằm trong Top 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới; Top 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Bảng xếp hạng của Brand Finance:** Theo đó, VietinBank có Giá trị thương hiệu đạt 1,064 tỷ USD và Sức mạnh thương hiệu (BSI) là 83.7, xếp loại AAA-.
- **Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới theo Bảng xếp hạng của Forbes.**
- **“Thương hiệu Quốc gia” năm 2022 do Bộ Công Thương xét chọn:** Đây là lần thứ 7 liên tiếp VietinBank được lựa chọn và vinh danh.
- **Top 10 Doanh nghiệp bền vững năm 2022 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Hội đồng Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam và VCCI xét chọn:** Đây là giải thưởng uy tín hàng đầu hiện nay tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển bền vững. VietinBank vinh dự 2 lần hiện diện trong TOP10 của Chương trình này.
- **VietinBank thắng lớn tại các hạng mục giải thưởng của The Asian Banker.** VietinBank được vinh danh và trao tặng tới 4 giải thưởng gồm: Giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất Châu Á - Thái Bình Dương; Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam; Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam và Giải thưởng Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam. 4 giải thưởng danh giá do The Asian Banker trao tặng đã ghi nhận và khẳng định uy tín, chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ xuất sắc do VietinBank cung cấp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.
- **Giải thưởng Sao Khuê 2022:** Cụ thể: Ứng dụng “all in one” - VietinBank iPay Mobile dành cho khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng số (VietinBank eFAST) và Dịch vụ Kết nối ERP (VietinBank ERP-Connect) dành cho khách hàng doanh nghiệp đã chiến thắng vang dội tại Giải thưởng Sao Khuê. Đặc biệt, VietinBank eFAST vinh dự góp mặt vào Top 10 Sao Khuê năm 2022.
- **Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối Tốt nhất Việt Nam 2022” do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên:** Giải thưởng được thực hiện khảo sát, đánh giá tại 113 quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên các tiêu chí về khối lượng giao dịch, thị phần, phạm vi phủ sóng toàn cầu, dịch vụ khách hàng, giá cả cạnh tranh, công nghệ tiên tiến và tham khảo ý kiến chuyên gia từ các nhà phân tích trong ngành, các giám đốc điều hành, chuyên gia công nghệ... Đặc biệt năm qua, Global Finance đánh giá cao tầm quan trọng của các đối tác đã có những giải pháp về ngoại hối trong hoàn cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt đoạn. Sự công nhận và trao giải của tạp chí uy tín Global Finance là minh chứng cho thành công của VietinBank trong mảng Dịch vụ Ngoại hối.
- **Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ Thương mại (TTTM) tốt nhất Việt Nam 2022 (Best Services for Trade Finance in Vietnam 2022 do tạp chí Asiamoney trao tặng:** Giải thưởng được xây dựng và trao tặng sau khi khảo sát 10.714 ngân hàng, định chế tài chính, tổ chức, doanh nghiệp và độc giả trên toàn cầu. Giải thưởng là sự ghi nhận khách quan, có ý nghĩa và giá trị trong giới tài chính quốc tế đối với những thành tích nổi trội, uy tín và chất lượng sản phẩm, dịch vụ đa dạng, hướng tới khách hàng của VietinBank.
- **Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2022 và Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2022 theo xếp hạng của Alphabe:** Đây là sự ghi nhận thành quả của việc đầu tư trọng điểm vào yếu tố con người, nhằm duy trì môi trường phát triển nghề nghiệp tốt nhất tại VietinBank.
- **Top 10 Báo cáo Thường niên (BCTN) tốt nhất tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết lần thứ 15, năm 2022 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Handwritten initials and a signature in blue ink.

(HOSE) tổ chức: Đây là năm thứ 3 liên tiếp, VietinBank được bình chọn Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có BCTN tốt nhất nhóm vốn hóa lớn. VietinBank cũng là ngân hàng TMCP có vốn Nhà nước duy nhất được vinh danh nhờ sự đầu tư kỹ lưỡng và liên tục cải tiến cả về hình thức và nội dung cho BCTN 2021.

- **Top 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới:** TOP500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới theo bảng xếp hạng của Brand Finance – hãng đánh giá và xếp hạng thương hiệu hàng đầu thế giới - với vị trí 171, tăng 13 bậc so với xếp hạng năm 2022. Giá trị thương hiệu được Brand Finance định giá 1,3 tỷ USD. Chỉ số sức mạnh thương hiệu là 82.13 và xếp loại AA.
- **Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2023:** Tại Lễ trao giải Sản phẩm, dịch vụ tài chính xuất sắc toàn cầu năm 2023 do The Asian Banker tổ chức, VietinBank đã được vinh danh Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam. Đây là năm thứ 3 liên tiếp VietinBank dành được giải thưởng danh giá này (2021 – 2023). VietinBank cũng đã lọt Top 10 Ngân hàng SME tốt nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, tăng 2 bậc so với năm 2022, theo bình chọn của Hội đồng Giám khảo The Banker Asian.
- **Giải thưởng Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022:** Ngày 29/03/2023 tại Hà Nội, Wells Fargo (Ngân hàng lớn thứ 4 tại Mỹ) đã trao tặng VietinBank giải thưởng “Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022 (Wells Fargo Operational Excellence Award 2021 – 2022). Giải thưởng này do Ủy ban độc lập của Wells Fargo tại Mỹ trao tặng cho ngân hàng điển hình về chất lượng dịch vụ trong hoạt động thanh toán toàn cầu, thể hiện chất lượng xử lý giao dịch vượt trội, đem lại hiệu quả cao, tiết giảm chi phí ngày càng tốt hơn và tôn trọng cam kết đối với khách hàng. Chất lượng giao dịch TTQT giữa VietinBank và Wells Fargo được khẳng định qua các con số ấn tượng trong năm 2021 - 2022: Tỷ lệ điện đạt chuẩn trên 97% và tỷ lệ tra soát dưới 1%.
- **Giải thưởng Sao Khuê 2023:** VietinBank đã xuất sắc giành ba giải thưởng trong mùa giải Sao Khuê 2023 bao gồm: i) Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay tại lĩnh vực: Ngân hàng số; ii) Hệ thống Quản lý tập trung hồ sơ khách hàng - Customer Profile Management tại lĩnh vực: Ngân hàng số; iii) Dịch vụ ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp - VietinBank eFAST tại lĩnh vực: Các nền tảng chuyển đổi số.
- **Giải thưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Sáng tạo của năm – Excellence in Innovation Contact Center Vietnam 2023:** do Global Banking and Finance Review trao tặng. Trước đó VietinBank cũng xuất sắc giành giải thưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng tốt nhất Việt Nam trong 05 năm liên tiếp do Global Banking and Finance Review trao tặng.
- **Giải thưởng Ngân hàng có chất lượng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT và TTTM) xuất sắc năm 2022 - 2022 Elite Quality Recognition Award:** Trong khuôn khổ Diễn đàn Thanh toán ASEAN (Diễn đàn) lần thứ 13 do J.P.Morgan tổ chức tại Jakarta, Indonesia trong các ngày 21, 22/02/2023, VietinBank đã được trao tặng giải thưởng này. Giải thưởng 2022 Elite Quality Recognition Award được bộ phận độc lập tại Mỹ của J.P.Morgan đánh giá hàng năm dựa trên tỷ lệ điện TTQT (MT103) và TTTM (MT202) đạt chuẩn (Straight Through Processing - STP). Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng TTQT và TTTM của các ngân hàng.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ (VĐL)

Kể từ khi cổ phần hóa và trở thành công ty đại chúng với số VĐL là 11.252.972.800.000 đồng, tính đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank đã thực hiện 08 lần tăng vốn với số VĐL hiện tại là 53.699.917.480.000 đồng, chi tiết như sau:

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
1	18/10/2010	3.919.318.410.000	15.172.291.210.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%)	391.931.841	- Nghị quyết số 02/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2009 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 3679/NHNN-TTGSNH ngày 19/5/2010 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 651/UBCK-GCN ngày 24/8/2010 của UBCKNN; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/10/2010. - Công văn số 876/CV-HĐQT-NHCT26 ngày 25/10/2010 của VietinBank về Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ năm 2010.
2	10/03/2011	1.685.810.130.000	16.858.101.340.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC (tỷ lệ 10%)	168.581.013	- Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/04/2010 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của VietinBank; - Văn bản số 822/NHNN-TTGSNH ngày 24/01/2011 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/03/2011.
3	28/12/2011	3.371.620.270.000	20.229.721.610.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 20%)	337.162.027	- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/5/2011 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 8956/NHNN-TTGSNH ngày 18/11/2011 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 118/UBCK-GCN ngày 18/11/2011 của UBCKNN; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 cho VietinBank vào ngày 28/12/2011; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VietinBank ký ngày 28/12/2011
4	09/04/2012	5.987.823.760.000	26.217.545.370.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu	598.782.376	- Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2012 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 của VietinBank; - Văn bản số 1633/NHNN-TTGSNH ngày 21/03/2012 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Thông báo ngày 21/3/2012 của UBCKNN về việc đã nhận đủ hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						đòi cho VietinBank vào ngày 13/04/2012. - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VietinBank ký ngày 09/04/2012.
5	14/05/2013	6.443.898.110.000	32.661.443.480.000	Chào bán cổ phần riêng lẻ (tỷ lệ 19,73%) cho BTMU, nay là MUFG Bank	644.389.811	- Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/02/2013 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 của VietinBank; - Văn bản số 1812/NHNN-TTGSNH ngày 19/03/2013 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa đổi lần thứ 8 cho VietinBank vào ngày 14/05/2013.
6	14/10/2013	4.572.602.080.000	37.234.045.560.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 14%)	457.260.208	- Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/7/2013 của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2013 của VietinBank; - Văn bản số 5832/NHNN-TTGSNH ngày 15/8/2013 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 37/UBCK-GCN ngày 26/08/2013 của UBCKNN; - Báo cáo số 1173/HĐQT-NHCT55 ngày 14/10/2013 của VietinBank về kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký sửa đổi lần thứ 9 cho VietinBank vào ngày 22/10/2013.
7	08/07/2021	10.823.460.530.000	48.057.506.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 (tỷ lệ 29,0695%) cho cổ đông hiện hữu	1.082.346.053	- Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2020 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 4142/NHNN-TTGSNH ngày 11/6/2021 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Văn bản số 3074/UBCK-QLCB ngày 23/6/2021 của UBCKNN về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank; - Báo cáo số 802/HĐQT-NHCT2.1 ngày 21/07/2021 của VietinBank về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Văn bản số 3890/UBCK-QLCB ngày 23/7/2021 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VietinBank; - Quyết định số 1340/QĐ-NHNN ngày 20/8/2021 của NHNN về sửa đổi nội dung VĐL tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank; - GCNĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.

Handwritten signature

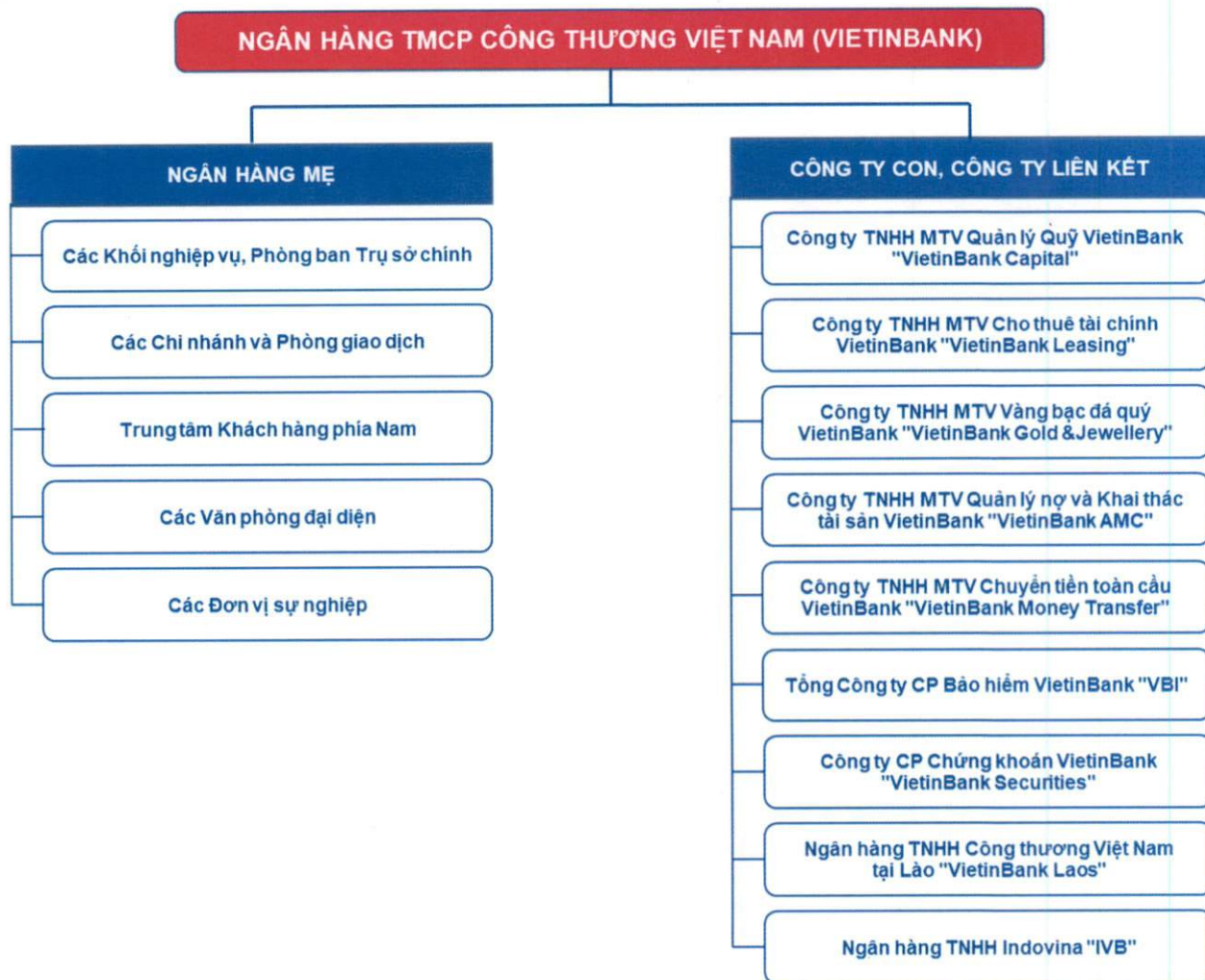


TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
8	01/12/2023	5.642.411.390.000	53.699.917.480.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ thực hiện 11,7415%) cho cổ đông hiện hữu	564.241.139	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của ĐHĐCĐ VietinBank; - Văn bản số 7558/NHNN-TTGSNH ngày 28/09/2023 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của VietinBank; - Văn bản số 7742/UBCK-QLCB ngày 10/11/2023 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTG; - Báo cáo số 1210/HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 13/12/2023 của VietinBank về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; <p><i>Hiện VietinBank đang thực hiện báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đến UBCKNN và thực hiện các thủ tục để đăng ký thay đổi nội dung vốn điều lệ trên GCNDKDN với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và sửa đổi vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động với NHNN.</i></p>

(Nguồn: VietinBank)

Handwritten signature

2. Cơ cấu tổ chức của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của VietinBank bao gồm:

a. Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành), trụ sở chính của VietinBank bao gồm 13 Khối nghiệp vụ tương đương và các phòng ban, đơn vị chức năng;
- 155 Chi nhánh trong nước và 02 Chi nhánh nước ngoài tại Cộng hòa Liên bang Đức; 02 văn phòng đại diện trong nước và 01 văn phòng đại diện nước ngoài tại Myanmar; 01 trung tâm khách hàng phía Nam; 08 đơn vị sự nghiệp và 957 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước.

b. Công ty con/Ngân hàng con

VietinBank có 07 công ty con và 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ (tại 30/09/2023)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital)	300 tỷ đồng	100%
2	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính VietinBank (VietinBank Leasing)	1.000 tỷ đồng	100%

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ (tại 30/09/2023)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank
3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Gold & Jewellery)	200 tỷ đồng	100%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank AMC)	120 tỷ đồng	100%
5	Công ty TNHH MTV Chuyên tiền toàn cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Money Transfer)	50 tỷ đồng	100%
6	Tổng công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI hoặc VietinBank Insurance)	666,67 tỷ đồng	73,37%
7	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities)	1.487,38 tỷ đồng	75,64%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Laos)	62 triệu USD	100%

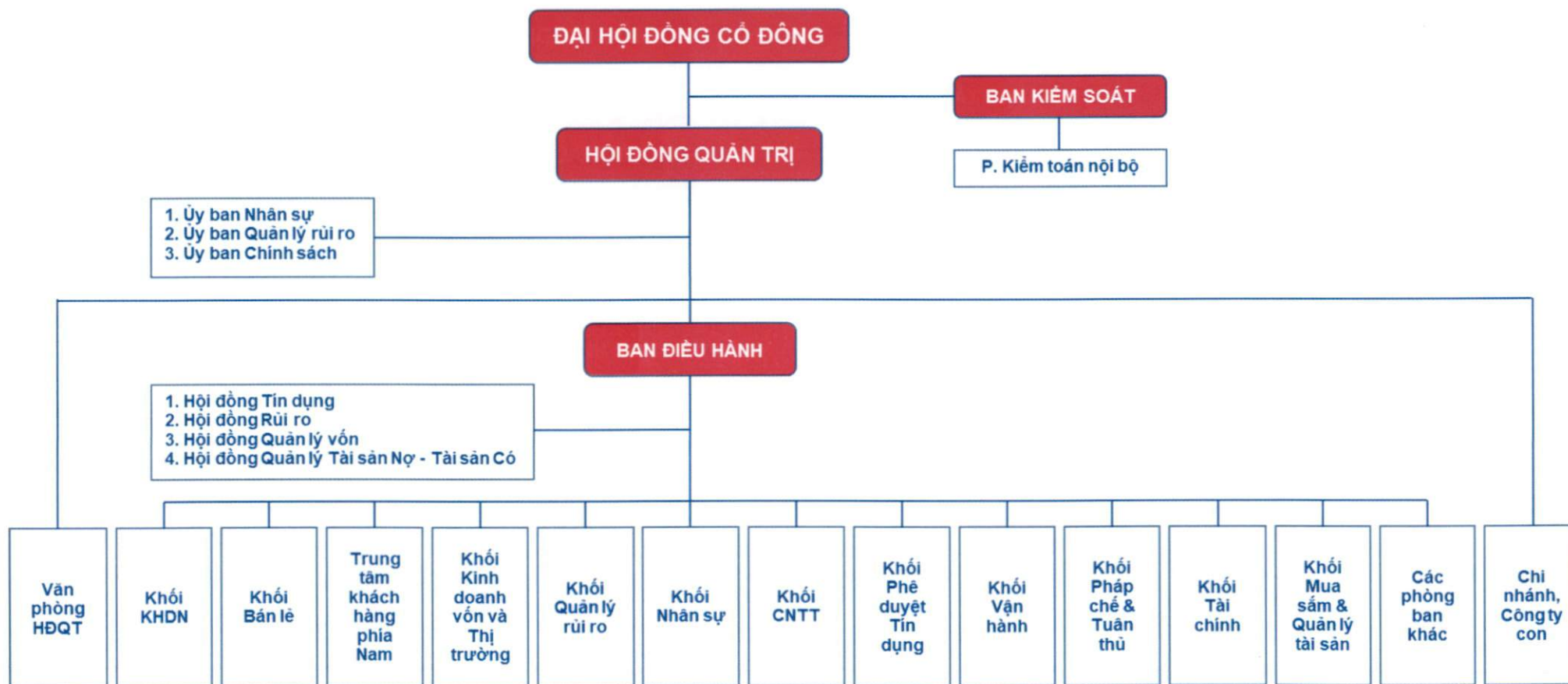
(Nguồn: VietinBank)

c. Khối liên doanh

VietinBank có 01 công ty liên doanh là Ngân hàng TNHH Indovina (IVB), có vốn điều lệ là 193 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại IVB là 50% vốn điều lệ.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng hoạt động và phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

3.2 Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietinBank và xác định các ưu tiên trong HĐKD của VietinBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Cơ cấu HĐQT tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 09 thành viên HĐQT, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban Chính sách. Việc thành lập các Ủy ban này đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.

- ❖ Ủy ban Nhân sự (UBNS): tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT trong việc xây dựng chính sách nhân sự, tuyển chọn và bố trí nhân sự đối với các chức danh thuộc thẩm quyền HĐQT; giúp HĐQT thực hiện giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank. Về thành phần, UBNS có tối thiểu 3 thành viên, Chủ tịch HĐQT VietinBank đồng thời là Chủ nhiệm UBNS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành theo quy định của pháp luật.
- ❖ Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR): tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trong công tác xây dựng chính sách QLRR và các hoạt động QLRR của NHCT. Về thành phần, UBQLRR có tối thiểu 3 thành viên, bao gồm 1 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên trong Ủy ban do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành của NHCT và có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.
- Ủy ban Chính sách (UBCS): tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hệ thống văn bản chính sách của VietinBank; đề xuất HĐQT kịp thời điều chỉnh hệ thống văn bản chính sách, đưa ra định hướng cụ thể đối với việc ban hành mới/hủy bỏ/sửa đổi, bổ sung/thay thế văn bản chính sách trên cơ sở đánh giá về tính cần thiết, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản chính sách. Về thành phần, 1 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm UBCS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ VietinBank trong việc quản trị và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ

VietinBank. Ban Kiểm soát có vai trò thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Cơ cấu Ban kiểm soát tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên.

3.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc (TGD) và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NHNN. TGD là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.

3.5 Các Hội đồng

- ❖ **Hội đồng Tín dụng (HĐTD):** Là bộ phận trực thuộc TGD, do TGD thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của TGD liên quan đến công tác phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ một cách an toàn hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN; quy định nội bộ của VietinBank.
- ❖ **Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản nợ - Tài sản có của VietinBank phù hợp với định hướng phát triển, khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT; Tối đa hóa lợi nhuận theo định hướng phát triển của VietinBank; Kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, rủi ro thị trường của VietinBank ở mức hợp lý; Đảm bảo chính sách lãi suất, chính sách giá, chính sách điều chuyển vốn nội bộ của VietinBank hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch kinh doanh của VietinBank.
- ❖ **Hội đồng rủi ro:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đánh giá các chính sách QLRR đề trình HĐQT; Xây dựng và thực thi các văn bản chính sách QLRR thuộc thẩm quyền TGD; Tham mưu cho TGD trình HĐQT xem xét, phê duyệt Hạn mức kiểm soát rủi ro thông qua Ủy ban QLRR; Tham mưu cho TGD phê duyệt Hạn mức rủi ro toàn hàng và Hạn mức rủi ro cấp khối và giám sát việc thực hiện; Giám sát trạng thái rủi ro của VietinBank; Đánh giá, nhận diện rủi ro trọng yếu đối với các SPDV có ảnh hưởng lớn đến trạng thái rủi ro, có nguy cơ dẫn đến vi phạm Hạn mức rủi ro toàn hàng; Đánh giá tác động của kịch bản căng thẳng lên Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu và kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản; Tổ chức thực hiện, tham mưu cho TGD về giám sát việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về QLRR theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập các cơ quan chức năng khác, Ban kiểm soát và phòng Kiểm toán nội bộ.
- ❖ **Hội đồng Quản lý vốn:** Tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác quản lý vốn, nhằm đảm bảo: VietinBank tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và cam kết với các đối tác liên quan; VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi; Mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT trên cơ sở diễn biến của các rủi ro trọng yếu.

3.6 Các Khối nghiệp vụ

- ❖ **Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHĐN):** Trực tiếp bán hàng với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, KHĐN quan trọng, phát triển hoàn thiện các sản phẩm phục vụ phân khúc KHĐN đồng thời triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, thúc đẩy bán hàng, phối hợp với các khối kinh doanh khác thúc đẩy bán chéo SPDV.
- ❖ **Khối Bán lẻ:** Đầu mối xây dựng thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng liên quan đến mảng bán lẻ trong chiến lược kinh doanh tổng thể; Hỗ trợ chi nhánh trong công tác bán hàng, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động bán hàng liên quan đến khách hàng bán lẻ.
- ❖ **Khối Kinh doanh vốn và thị trường:** Là đơn vị tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý, điều hành

Mb A

và tổ chức kinh doanh Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng; Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng, giao dịch kinh doanh, tư vấn, môi giới, huy động vốn và đầu tư trên thị trường tiền tệ hoặc thị trường vốn trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng; đầu mối quản lý các đơn vị nhận vốn góp của VietinBank.

- ❖ **Khôi Phê duyệt tín dụng:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong việc kiểm soát thẩm định tín dụng đối với hồ sơ tín dụng của khách hàng trong hệ thống VietinBank, thực hiện phê duyệt tín dụng theo phân cấp thẩm quyền.
- ❖ **Khôi Quản lý rủi ro (QLRR):** Đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ hai, có nhiệm vụ xây dựng chính sách QLRR, các quy định nội bộ về QTRR; Theo dõi, giám sát và báo cáo độc lập đối với quá trình nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa toàn diện các loại rủi ro phát sinh trong HĐKD của hệ thống VietinBank đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, VietinBank và phù hợp thông lệ quốc tế; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ VietinBank.
- ❖ **Khôi Pháp chế và Tuân thủ:** Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và HĐKD của ngân hàng; Xây dựng các chính sách quản lý tuân thủ, giám sát và quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của VietinBank bao gồm công tác Phòng chống rửa tiền, FATCA; Hỗ trợ hoặc xử lý các khoản nợ có vấn đề.
- ❖ **Khôi Nhân sự:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong công tác hoàn thiện bộ máy mô hình tổ chức mạng lưới, xây dựng các quy chế quản trị nội bộ, chính sách quản trị nhân sự, tiền lương đãi ngộ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống VietinBank; cung cấp các dịch vụ nhân sự, đào tạo cho cán bộ, người lao động.
- ❖ **Khôi CNTT:** Có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT phục vụ cho chiến lược phát triển kinh doanh SPDV và công tác quản trị, điều hành của VietinBank; đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, ổn định và an toàn.
- ❖ **Khôi Vận hành:** Có nhiệm vụ tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch thuộc các nghiệp vụ của ngân hàng; vận hành về nghiệp vụ các hệ thống công nghệ xử lý giao dịch nhằm đảm bảo thực thi chính xác, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, giao dịch của VietinBank; hỗ trợ khách hàng và thúc đẩy bán hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài Contact Center; xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng dịch vụ và giám sát công tác quản lý chất lượng của VietinBank.
- ❖ **Khôi Tài chính:** Thực hiện tập trung hóa công tác quản trị tài chính, đồng thời tổ chức chuyên môn hóa giữa các nhóm chức năng: (i) Quản lý hiệu quả hoạt động toàn hàng, (ii) Đối tác chiến lược tài chính, (iii) Quản lý cân đối vốn, (iv) Thuế, (v) Chính sách kế toán, (vi) Hạch toán kế toán, (vii) Báo cáo quản trị toàn hàng.
- ❖ **Khôi Mua sắm và Quản lý tài sản:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc, vật kiến trúc, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý, khai thác tài sản, đảm bảo: (i) công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ đáp ứng kịp thời về tiến độ, chất lượng theo nhu cầu của các đơn vị, tối ưu hóa về chi phí, (ii) công tác quản lý tài sản được theo dõi chính xác và khai thác, sử dụng tối ưu đối với tài sản hiện hữu của VietinBank, (iii) tuân thủ các quy định, quy trình của pháp luật và VietinBank trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý tài sản.
- ❖ **Trung tâm khách hàng phía Nam:** Tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong công tác phát triển khách hàng, quản lý và triển khai HĐKD đối với các Chi nhánh được phân công phụ trách thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ.
- ❖ **Văn phòng HĐQT:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong: (i) Xây dựng Chiến lược toàn

hàng của VietinBank trong từng thời kỳ và cụ thể hóa chiến lược toàn hàng thành kế hoạch trung hạn trong từng giai đoạn và hỗ trợ HĐQT giám sát triển khai Chiến lược; (ii) Quản trị thương hiệu VietinBank, định vị thương hiệu và phát triển nâng giá trị thương hiệu của VietinBank; quản trị công tác an sinh xã hội, trách nhiệm cộng đồng của VietinBank; hợp tác phát triển thương hiệu VietinBank; quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng thương hiệu; (iii) Thư ký HĐQT và quản lý quan hệ cổ đông.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VietinBank (tại ngày 01/12/2023)

STT	Tên cổ đông	GCNĐKDN/ Mã số giao dịch	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15/SL	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	3.461.676.283	64,46%
2	MUFG Bank, Ltd.	CA6217	7-1, Marunouchi 2-Chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8388, Japan.	1.059.477.261	19,73%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VietinBank chốt tại ngày 01/12/2023 do VSDC cấp)

4.2 Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của VietinBank: Không có.

4.3 Cơ cấu cổ đông của VietinBank (tại thời điểm ngày 01/12/2023)

STT	Loại cổ phiếu và cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ phiếu phổ thông	5.369.991.748	100%
1	Cổ phiếu phổ thông do cổ đông trong nước nắm giữ	3.908.502.933	72,78%
	- Tổ chức	3.673.232.551	68,40%
	- Cá nhân	235.270.382	4,38%
2	Cổ phiếu phổ thông do cổ đông nước ngoài nắm giữ	1.461.488.815	27,22%
	- Tổ chức	1.457.446.094	27,14%
	- Cá nhân	4.042.721	0,08%
II	Cổ phiếu quỹ	0	0%
III	Cổ phiếu ưu đãi	0	0%
	Tổng cộng (= I + II + III)	5.369.991.748	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VietinBank chốt tại ngày 01/12/2023 do VSDC cấp)

5. Danh sách các công ty mẹ và công ty con của VietinBank, các công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, các công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank

5.1. Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VietinBank:

VietinBank hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với VietinBank là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Vốn điều lệ: Không có, vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước.
- Giá trị và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của NHNN tại VietinBank (tại thời điểm 01/12/2023): 3.461.676.283 đồng, chiếm 64,46% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty mà VietinBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối (tại ngày 30/09/2023):

1	<p>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“VietinBank Capital”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/10/2010. - Giấy phép hoạt động: Số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC ngày 03/11/2022 của UBCKNN. - Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: 300 tỷ đồng. - Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 300 tỷ đồng. - HKKD chính: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán và một số nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
2	<p>Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Insurance” hoặc “VBI”):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 17/12/2008. - Giấy phép hoạt động: Số 21GP/KDBH ngày 12/12/2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC33/KDBH ngày 03/03/2022 của Bộ Tài chính. - Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: 666.666.670.000 đồng. - Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty: 489.150.000.000 đồng.

Handwritten signature/initials

	- HĐKD chính:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	73,37%.
3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Leasing”):	
	- Trụ sở chính:	16 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	26/01/1998 (theo Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 của NHNN)
	- GCNĐKKD:	Số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/06/2022.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	1.000 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	1.000 tỷ đồng.
	- HĐKD chính:	Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
4	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (“VietinBank Securities”):	
	- Trụ sở chính:	306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	01/09/2000 (theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- Giấy phép hoạt động:	Số 107/UBCK-GP ngày 01/7/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022 của UBCKNN.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	1.487.383.110.000 đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	597.231.940.000 đồng
	- Giá trị cổ phần nắm giữ của VietinBank tại Công ty (theo mệnh giá):	1.124.988.330.000 đồng
	- HĐKD chính:	Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	75,64%.
5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Gold & Jewellery”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	15/09/2010 (theo Quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- GCNĐKKD:	Số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần 9 ngày 19/12/2022
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	200 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	200 tỷ đồng

	- HĐKD chính:	Kinh doanh vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
6	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank AMC”):	
	- Trụ sở chính:	76 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	10/07/2000.
	- GCNĐKKD:	Số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/07/2010, thay đổi lần 6 ngày 12/01/2021.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	120 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	120 tỷ đồng
	- HĐKD chính:	Quản lý nợ và khai thác tài sản; định giá tài sản; tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; cho thuê tài sản; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
7	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Money Transfer”):	
	- Trụ sở chính:	Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	03/01/2012.
	- GCNĐKKD:	Số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố. Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/3/2015.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	50 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	50 tỷ đồng
	- HĐKD chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
8	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (“VietinBank Laos”):	
	- Trụ sở chính:	Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientian, CHDCND Lào.
	- Ngày thành lập:	03/02/2012.
	- Giấy phép đầu tư:	Số 4116/ERO ngày 10/11/2011 và Giấy phép đầu tư sửa đổi số 512/BLA ngày 13/07/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp.
	- Giấy phép hoạt động:	Giấy phép thành lập Chi nhánh ngân hàng nước ngoài số 068/BOL ngày 27/01/2012 và Giấy phép chuyển đổi thành ngân hàng con số 068/BOL ngày 08/07/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lào.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	62 triệu USD
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	62 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.493.890 triệu đồng) (tỷ giá ngày 30/09/2023: 1 USD = 24.095 VND)

	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành đăng ký kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Giấy phép hoạt động do NHNN Lào cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
9	Ngân hàng TNHH Indovina (“IVB”):	
	- Trụ sở chính:	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố. Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	21/11/1990 (theo Giấy phép Đầu tư số 135/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác)
	- GCNĐKKD hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019, thay thế cho Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992.
	- Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh ngân hàng.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	193 triệu USD
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	96,5 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.688.788 triệu đồng)
	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	50%.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Nb R

6. Hoạt động kinh doanh của VietinBank

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của VietinBank

6.1.1. *Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

SPDV CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (KHCN)

(a) **Ngân hàng số:** Dịch vụ ngân hàng số của VietinBank hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất cứ nơi đâu với một thiết bị kết nối Internet.

- **VietinBank iPay:** Là dịch vụ Ngân hàng số cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet, hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch an toàn với nhiều hình thức bảo mật và xác thực với các chức năng chính: Quản lý tài chính cá nhân, Chuyển khoản, Gửi và tất toán tiết kiệm trực tuyến, Thanh toán hóa đơn trực tuyến, Trả nợ vay trực tuyến...
- **VietinBank iPay Mobile:** Là ứng dụng Ngân hàng số trên điện thoại di động thông minh, cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch với hạn mức giao dịch cao phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Bên cạnh việc sử dụng tất cả các chức năng của VietinBank iPay, VietinBank iPay Mobile còn có các tính năng vượt trội như: Mở tài khoản trực tuyến, Thanh toán QRPay, Thanh toán hóa đơn các loại, Gửi tiền và vay trực tuyến với nhiều hình thức, Mua sắm trực tuyến, Đặt mua và thanh toán bằng thẻ tín dụng, ...
- **Bank Plus:** Là dịch vụ Ngân hàng số của VietinBank đối với khách hàng sử dụng sim điện thoại Viettel, hỗ trợ các chức năng: Chuyển khoản trong hệ thống VietinBank, Thanh toán hóa đơn Viettel và Truy vấn số dư tài khoản.
- **SMS Banking:** Là dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn trên điện thoại di động, giúp khách hàng cập nhật tức thì các thông tin biến động số dư, biến động thông tin tài khoản hoặc thông báo đến hạn khoản vay.

(b) **Tiền gửi**

- Tiền gửi không kỳ hạn:
 - Tiền gửi thanh toán: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR,... cho khách hàng cá nhân với các tiện ích như: được gửi và rút tiền tại bất kỳ thời điểm và địa điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng: SMS Banking, Mobile Banking, Internet Banking, thẻ ghi nợ nội địa (ATM)/thẻ ghi nợ quốc tế (Visa Debit)..., được phát hành séc; được hưởng bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - Tiết kiệm không kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho KHCN với các tiện ích như: được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm và tại bất kỳ điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm để vay vốn; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; được lựa chọn phương thức thanh toán; được xác nhận số dư; được sử dụng các tiện ích gia tăng khác; được bảo mật tuyệt đối; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
- Tiết kiệm có kỳ hạn/tiền gửi có kỳ hạn:
 - Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường/tiền gửi có kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho KHCN với tiền VND, USD, EUR với các tiện ích như: gửi/tất toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền gửi; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được lựa chọn phương thức

thanh toán lãi/gốc.

- Tiền gửi tiết kiệm ưu đãi tỷ giá: Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng bán ngoại tệ tại VietinBank để gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam với số tiền gửi tối thiểu bằng số tiền ngoại tệ quy đổi ra VND. Ngoại tệ của khách hàng được mua với tỷ giá ưu đãi so với tỷ giá niêm yết, đồng thời khoản tiền gửi tiết kiệm VND được hưởng lãi suất ưu đãi so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường, được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
- Tiền gửi tiết kiệm tích lũy: là hình thức gửi góp theo định kỳ hàng tháng, phục vụ KHCN có thu nhập ổn định, có kế hoạch tích lũy một khoản tiền lớn trong tương lai cho bản thân hoặc gia đình, Khách hàng được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào và tại bất kỳ điểm giao dịch VietinBank trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp;
- Tiết kiệm trực tuyến: Là sản phẩm tiết kiệm VND cho KHCN với kỳ hạn từ 01 đến 36 tháng, lãi suất hấp dẫn, được gửi và tất toán mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật.
- GTCG gồm: Kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu được VietinBank phát hành trong từng thời kỳ với mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, được chuyển nhượng và cầm cố GTCG để vay vốn hoặc bảo lãnh cho người thứ 3 vay vốn tại VietinBank hoặc các TCTD khác.

(c) Thẻ

VietinBank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho KHCN và cả KHDN. Ngoài việc cung cấp dịch vụ thanh toán truyền thống như Rút tiền, chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM, Thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua máy cả thẻ POS/mPOS, VietinBank hỗ trợ nhiều dịch vụ tiện ích như: Dịch Vụ Thanh Toán Trực Tuyến; Dịch Vụ Nộp Tiền Vào Tài Khoản Tại ATM Deposit; Dịch Vụ SMS Banking; Dịch Vụ Gửi Tiết Kiệm Tại ATM; Dịch Vụ Rút Tiền Không Dùng Thẻ; Dịch vụ Thanh toán hóa đơn, Dịch vụ Tự động thu nợ khoản vay, Tự động thu nợ thẻ tín dụng, Dịch vụ Trả lương qua thẻ, Dịch vụ thu học phí, Thu viện phí, Dịch Vụ Nhận Tiền Kiềm Hối Qua Thẻ ATM, Dịch Vụ nạp tiền vào điện thoại VNTOP UP. Các sản phẩm thẻ hiện nay của VietinBank cung cấp cho KHCN bao gồm:

- Thẻ ghi nợ nội địa: đa dạng theo từng đối tượng khách hàng: thẻ dành cho KH cao cấp VietinBank E-Partner Chip Contactless Premium, VietinBank E-Partner Chip Contactless, VietinBank E-Partner Vpay.
- Thẻ tín dụng nội địa: VietinBank iZero, Thẻ Tài chính cá nhân.
- Thẻ ghi nợ quốc tế: VietinBank Visa Debit Vpay, VietinBank Visa Debit Sống khỏe, Thẻ ghi nợ Quốc Tế Premium Banking, Visa Debit EMV USD, Visa Debit Sakura.
- Thẻ tín dụng quốc tế: VietinBank Mastercard Cashback, VietinBank Visa/ Mastercard/ JCB Platinum, Thẻ Visa Signature, Thẻ Tín Dụng Quốc Tế Premium Banking; Thẻ tín dụng đồng thương hiệu như Thẻ VietinBank JCB Platinum Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Quốc Tế VietinBank JCB Ultimate Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Visa Paywave SaigonCoop.
- Thẻ Quà tặng nội địa và Thẻ quà tặng quốc tế.

(d) Cho vay

Các sản phẩm cho vay do VietinBank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietinbank cung cấp đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp

ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng: Cho vay mua, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; Cho vay mua nhà dự án; Cho vay mua nhà ở xã hội; Cho vay mua ô tô; Gói sản phẩm cho vay du học; Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống cán bộ nhân viên; Cho vay phát hành thẻ tài chính cá nhân; Cho vay thấu chi phục vụ nhu cầu đời sống; Cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao...

- Cho vay SXKD: là giải pháp tài chính đối với các KHCN phục vụ HĐKD với các nhu cầu đa dạng như: Cho vay phục vụ phát triển Nông nghiệp Nông thôn; Cho vay phát triển thủy sản; Cho vay phục vụ hoạt động đầu tư/kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Cho vay đầu tư, xây dựng địa điểm kinh doanh; Cho vay nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, xây dựng, sửa chữa nhà để ở và kinh doanh một phần; Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Hợp tác kinh doanh thuốc; Cho vay kinh doanh tại chợ; Cho vay Sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay SXKD siêu nhỏ; Cho vay mua ô tô; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD; Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán...

(e) **Bảo hiểm**

- Bảo hiểm Nhân thọ: VietinBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Manulife Việt Nam (MVL) cung cấp các giải pháp Tài chính - Bảo hiểm toàn diện, ưu việt cho Khách hàng. Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng như: các sản phẩm bảo hiểm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các SP Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe nhóm sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ với các quyền lợi hỗ trợ y tế, bệnh lý... giúp bảo vệ cho cả gia đình của Khách hàng. VietinBank hợp tác chặt chẽ với đối tác MVL để liên tục đưa ra các chính sách sản phẩm/cơ chế khuyến mại hấp dẫn nhằm giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận với Sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ
- Bảo hiểm Phi nhân thọ: VietinBank liên kết chặt chẽ cùng Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN như: Bảo hiểm Sức khỏe, Bảo hiểm Người vay vốn, Bảo hiểm Tai nạn cá nhân, Bảo hiểm Ô tô, Bảo hiểm Xe máy, Bảo hiểm Nhà tư nhân, Bảo hiểm Du lịch (trong nước và quốc tế), Bảo hiểm thẻ, Bảo hiểm Ung thư, Bảo hiểm trễ chuyến bay... Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại tất cả các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc, cũng như có thể mua trực tuyến và được hỗ trợ giải pháp khai báo bồi thường online qua ứng dụng My VBI. VietinBank và VBI tự hào là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng CNTT nhằm mang đến những trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng trong quá trình tham gia sản phẩm.

SPDV CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (KHDN)

Là ngân hàng lớn, giữ vai trò chủ đạo, trụ cột trong hệ thống NHTM tại Việt Nam, VietinBank cung cấp SPDV tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế. VietinBank luôn song hành với sự đổi mới của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực SXKD và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, trở thành địa chỉ tin cậy cung ứng vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

VietinBank luôn nỗ lực mang đến những giải pháp tài chính toàn diện cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các KHDN.

(a) **Tiền gửi**

VietinBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản, cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, qua đó tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thanh toán, chỉ tiêu phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

Handwritten signature or initials in blue ink.

- *Tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán*: Cho phép doanh nghiệp thực hiện gửi/rút tiền mặt, thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tới các đối tác trong/ngoài nước thuận tiện, nhanh chóng.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền và hình thức lãi lãi đa dạng, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- *Tiền gửi ký quỹ*: Doanh nghiệp vừa được xác nhận về khoản tiền đã ký quỹ tại VietinBank để chứng minh năng lực tài chính trong các lĩnh vực/ngành nghề/dịch vụ mà pháp luật Việt Nam quy định phải ký quỹ, đồng thời vẫn được hưởng lãi tiền gửi có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn.
- *Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động*: Doanh nghiệp được tối ưu hóa việc sử dụng dòng tiền nhàn rỗi, định kỳ theo tần suất đã thỏa thuận, VietinBank tự động chuyển số dư vượt ngưỡng trên tài khoản thanh toán của doanh nghiệp để gửi tiền gửi có kỳ hạn và ngược lại.
- *Chứng chỉ tiền gửi VND*: Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn chứng chỉ tiền gửi phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.

(b) Cho vay

Là một trong những ngân hàng có quy mô VCSH lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ thống chi nhánh, điểm giao dịch rộng khắp trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân viên tận tình, chuyên nghiệp, VietinBank cam kết cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn cũng như vốn trung dài hạn của doanh nghiệp. VietinBank tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cho vay ngắn hạn: VietinBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở dòng tiền và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp:
 - Cho vay vốn lưu động: Đáp ứng mọi nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, hợp pháp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
 - Cho vay thấu chi: Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp.
 - Các sản phẩm tài trợ theo hệ sinh thái dành cho doanh nghiệp chính và các nhà cung cấp/nhà phân phối: VietinBank luôn đi đầu trong việc chuyên biệt hóa sản phẩm phục vụ cho từng đối tượng khách hàng và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó từ mối quan hệ hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp chính, VietinBank cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho các nhà phân phối/nhà cung cấp của doanh nghiệp chính với quy trình cấp và quản lý tín dụng phù hợp với đặc thù kinh doanh của hệ sinh thái, cung cấp trên đa dạng các kênh phân phối (kênh quầy, kênh điện tử) với chi phí tài chính cạnh tranh.
- Cho vay trung và dài hạn: VietinBank đồng hành và tài trợ nguồn vốn trung dài hạn dành cho doanh nghiệp để đầu tư dự án hay mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay đầu tư dự án: Đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn dành cho doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc dự án nâng cấp, mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay hợp vốn: VietinBank cùng một hoặc một số TCTD khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - Cho vay chuyên biệt: VietinBank cung cấp đa dạng giải pháp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu vay vốn chuyên biệt của doanh nghiệp như cho vay mua xe ô tô, cho vay đại lý kinh doanh ô tô, cho vay đầu tư tài sản cố định...

(c) Dịch vụ thanh toán và Quản lý dòng tiền

VietinBank cung cấp đa dạng dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, bao gồm:

- Thanh toán, chuyển tiền: Với việc tham gia triển khai các thỏa thuận song phương, đa phương trong việc xây dựng các hệ thống kết nối thanh toán điện tử, các hệ thống chấp nhận thanh toán với đa dạng các phương tiện thanh toán qua QR, POS, ECOM; VietinBank có khả năng cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế một cách nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại (internet banking, mobile banking, kết nối trực tiếp qua API...) của VietinBank.
- Quản lý khoản phải thu: Với hệ thống các kênh giao dịch hiện đại, mạng lưới quầy giao dịch của VietinBank và các điểm giao dịch/kênh giao dịch của các đối tác liên kết rộng khắp trên cả nước, VietinBank cung cấp đa dạng các giải pháp thu hộ cho doanh nghiệp nhằm đưa dòng tiền của doanh nghiệp về tài khoản mở tại VietinBank một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác nhất, hỗ trợ doanh nghiệp đối trừ công nợ thông qua báo cáo quản lý khoản phải thu hoặc tích hợp trực tiếp với Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp. Dịch vụ quản lý khoản phải thu bao gồm dịch vụ thu hộ qua mã Định danh Tài khoản, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo lô, ủy nhiệm thu, thu hộ tiền mặt tại điểm chỉ định,...
- Quản lý khoản phải trả: Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mạng lưới rộng khắp cùng mối quan hệ gắn kết lâu năm, VietinBank đã kết nối hệ thống với các nhà cung cấp dịch vụ, kho bạc nhà nước, thuế, hải quan, cơ quan bảo hiểm xã hội, liên đoàn lao động,... để cung cấp các dịch vụ đáp ứng toàn bộ nhu cầu thanh toán khoản phải trả của doanh nghiệp như chi lương, thanh toán thuế, bảo hiểm, thanh toán hóa đơn, thanh toán kinh phí công đoàn, phải trả các nhà cung cấp đầu vào,... Các dịch vụ được thực hiện đơn giản qua các kênh giao dịch của VietinBank hoặc tích hợp thực hiện trực tiếp trên Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp.
- Quản lý dòng tiền tập trung: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp quản lý và điều tiết dòng tiền một cách tự động, linh hoạt giữa tài khoản thanh toán của doanh nghiệp và các đơn vị thành viên mở tại VietinBank, đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tần suất điều chuyển, số tiền điều chuyển được cài đặt linh hoạt, hệ thống VietinBank xử lý điều tiết dòng tiền hoàn toàn tự động, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.
- Nộp Ngân sách Nhà nước: Với hệ thống kết nối trực tiếp với Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải Quan, VietinBank có thể hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu, các khoản phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính một cách nhanh chóng, thuận tiện thông qua các hình thức đa dạng và tiện ích như tại các quầy giao dịch của VietinBank, qua Internet Banking/Mobile Banking, qua cổng thông tin của Tổng Cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong những năm qua, VietinBank đã tích cực phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ứng dụng công nghệ triển khai nhiều giải pháp nộp thuế tiện ích cho khách hàng như Nộp thuế điện tử, Nộp thuế hải quan điện tử và thông quan 24/7, Hải quan điện tử nhờ thu... đáp ứng xử lý tự động các yêu cầu nộp thuế của cá nhân, doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.
- Thu phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành kết nối với Cổng một cửa quốc gia: Với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi cho các doanh nghiệp, VietinBank đã tiên phong phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và triển khai dịch vụ thu phí, lệ phí cho các cơ quan quản lý có kết nối trao đổi thông tin điện tử với Cổng một cửa quốc gia và kết nối trực tiếp với hệ thống thu phí của cơ quan ban ngành địa phương. Giải pháp đã được triển khai thành công cho việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, cảng biển tại Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh là cơ sở để tiếp tục phối hợp triển khai cho các Sở/ban/ngành.

- Thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công và nộp thuế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công trực tuyến các tỉnh/TP: Triển khai chỉ đạo của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực hành chính công, thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền tảng cho Chính phủ điện tử và thành phố thông minh, VietinBank đã tiên phong xây dựng giải pháp tích hợp thanh toán đáp ứng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành trên Cổng thông tin điện tử của các Tỉnh/Thành phố. Với việc triển khai thành công các giải pháp thanh toán tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp, VietinBank đã vinh dự được Văn Phòng Chính Phủ lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tích hợp toàn bộ các dịch vụ hành chính công của các Sở/ban/ngành/địa phương. VietinBank đã và đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như: Thu phí, lệ phí, Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông, Nộp BHXH tự nguyện, gia hạn thẻ BHYT, Nộp thuế cá nhân, thuế đất đai, lệ phí trước bạ, thanh toán viện phí và các dịch vụ thanh toán khác theo lộ trình triển khai của Văn phòng Chính phủ.
- Thu kinh phí công đoàn: VietinBank được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai thu kinh phí công đoàn qua một tài khoản của Công đoàn Việt Nam tại VietinBank. Giải pháp đáp ứng việc quản lý tập trung nguồn thu kinh phí công đoàn và tự động phân bổ kinh phí công đoàn về cho các cấp theo cấu trúc và tỷ lệ quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thông qua giải pháp này, các giao dịch thu nộp kinh phí công đoàn của doanh nghiệp được thực hiện nhanh chóng, tự động; dữ liệu được công khai, minh bạch, tập trung; hỗ trợ cho công tác chỉ đạo, giám sát, đôn đốc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thu kinh phí công đoàn.
- Nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng phương thức điện tử: Phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ nhằm cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, VietinBank đã xây dựng giải pháp thu nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, đáp ứng cho khách hàng thực hiện nộp tiền bảo hiểm tại các kênh giao dịch của VietinBank, thông tin nộp bảo hiểm sau đó sẽ được gửi đến cơ quan bảo hiểm để ghi nhận nhanh chóng cho Người được bảo hiểm, nhờ đó quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn nguồn thu và lợi ích cho người lao động.
- Chứng khoán phái sinh: Với uy tín trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý ứng dụng hiệu quả công nghệ và triển khai các giải pháp thanh toán hiện đại, VietinBank đã được UBCKNN lựa chọn là Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó VietinBank thực hiện toàn bộ các giao dịch thanh toán, bù trừ chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu rất khắt khe của thị trường về tốc độ xử lý và an toàn, bảo mật tuyệt đối. Trong năm 2023, VietinBank đã phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) trao đổi và thực hiện các công tác kiểm thử với VSDC và 23 thành viên thị trường, rà soát văn bản nghiệp vụ về các nội dung của Đề án nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin chứng khoán (KRX) và sẵn sàng nguồn lực tiếp tục phối hợp chặt chẽ đảm bảo lộ trình của Bộ Tài chính, VSDC.

(d) Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT & TTTM, bên cạnh các sản phẩm truyền thống đang được VietinBank cung cấp rất hiệu quả cho khách hàng như: Thư tín dụng xuất nhập khẩu, nhờ thu xuất nhập khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, bảo lãnh, tái bảo lãnh..., VietinBank luôn tiên phong phát triển các sản phẩm TTQT & TTTM mới, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như một số sản phẩm đặc thù sau:

- **UPAS LC (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán trả ngay):** VietinBank triển khai ngay

từ năm 2013 và không ngừng cải tiến nhằm tăng thêm lựa chọn cho khách hàng. Là ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam có quan hệ ngân hàng đại lý khắp các châu lục, VietinBank luôn được cấp hạn mức lớn nhất, lãi suất tốt nhất trên thị trường, từ đó chuyển hóa thành mức phí dịch vụ hấp dẫn cho khách hàng.

- **Các sản phẩm tài trợ thương mại cấu trúc, đặc thù thiết kế riêng phù hợp nhu cầu khách hàng** như Thanh toán trước hạn bộ chứng từ theo LC nội bộ, Chiết khấu miễn truy đòi... Với nhiều ưu điểm nổi trội, cho phép người bán nhận được tiền thanh toán trước thời hạn bộ chứng từ, miễn truy đòi lên đến 100% giá trị lô hàng mà không làm tăng dư nợ tại ngân hàng. Từ đó, doanh nghiệp có thể đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động; tăng hiệu quả quản lý dòng tiền và công nợ phải thu hoạt động kinh doanh; tối ưu hóa giới hạn tín dụng tại ngân hàng và cải thiện các chỉ số trên báo cáo tài chính.
- **Thư tín dụng nội địa:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán thư tín dụng bằng VND cho các hợp đồng mua bán trong nước, VietinBank đang tích cực triển khai sản phẩm Thư tín dụng nội địa. Ngoài ưu thế về nguồn vốn VND mạnh nhất thị trường, VietinBank tự tin thực hiện các giao dịch LC nội địa nhanh nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng và đối tác thông qua mạng lưới 155 chi nhánh, hơn 1.000 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành và xử lý tập trung cho cả bên bán và bên mua tại Trung tâm TTTM.
- **Hợp tác Ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm:** Với khách hàng xuất khẩu hàng hóa theo LC trả chậm, VietinBank cung cấp sản phẩm “Hợp tác ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm”. Khách hàng được bổ sung vốn lưu động kịp thời, được đảm bảo rủi ro thanh toán trong trường hợp Ngân hàng phát hành LC mất khả năng thanh toán và hưởng mức lãi suất chiết khấu cạnh tranh.
- **Bao thanh toán:** VietinBank hiện là thành viên chủ chốt của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế FCI. VietinBank luôn được các đại lý bao thanh toán nhập khẩu/bên mua xếp hạng cao. Với tiềm lực vốn mạnh, không chỉ chào được lãi suất chiết khấu cạnh tranh, cùng uy tín và danh tiếng của mình, VietinBank luôn có các đối tác để đảm bảo rủi ro thanh toán bên nhập khẩu/bên mua với mức phí thấp nhất giúp mang lại giải pháp tài chính hiệu quả nhất cho khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm Bao thanh toán truyền thống, VietinBank còn cung cấp sản phẩm Bao thanh toán hiện đại là Bao thanh toán trong Tài trợ chuỗi cung ứng, mang lại nhiều giải pháp tiện ích hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng.
- **Chuyển tiền ngoại tệ đặc thù:** Chuyển tiền ngoại tệ cũng là một thế mạnh của VietinBank với danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ truyền thống, VietinBank cung cấp cho khách hàng sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ đặc thù, mang tính cạnh tranh như: chuyển tiền đa tệ ghi có cho người hưởng bằng các loại ngoại tệ khác nhau ngay cả đồng tiền bản tệ, đồng tiền không tự do chuyển đổi với tỷ giá cạnh tranh; Ngoài ra, VietinBank có thể đảm bảo các khoản chuyển tiền ngoại tệ của khách hàng trước giờ cut-off time tới thị trường châu Á được ghi có cho ngân hàng hưởng nhanh nhất trong ngày giao dịch; VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu đồng Nhân dân tệ, Việt Nam đồng tại khu vực cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc. Với tỷ lệ điện xử lý tự động STP lên tới 99,93%, VietinBank là một trong số ít ngân hàng tại khu vực châu Á cũng như toàn cầu đạt được tỷ lệ “xuất sắc” này.
- **Kênh giao dịch TTTM qua Internet Banking (VietinBank Trade Portal):** VietinBank là NHTM Việt Nam đầu tiên phát triển thành công kênh TTTM qua Internet Banking. Khách hàng có thể gửi đề nghị thực hiện giao dịch TTTM, nhận kết quả giao dịch 24/7 trên hệ thống kết nối Internet.

Ngoài ra, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, VietinBank tiếp tục phát triển và triển khai đa

dạng các sản phẩm khác, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế mang đến những giải pháp tốt nhất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng như tài trợ xuất khẩu, thư tín dụng theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản Mỹ, tài trợ nhập khẩu theo các chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu (ECA), tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ nhà phân phối...

(e) Sản phẩm bảo lãnh

Vietinbank là ngân hàng hàng đầu trong việc cung cấp các sản phẩm bảo lãnh đến khách hàng như bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán, SBLC... Trong hành trình phát triển VietinBank luôn chú trọng vào nâng cao trải nghiệm khách hàng, không ngừng đổi mới sáng tạo tư vấn và cung cấp cho khách hàng các cấu trúc bảo lãnh phù hợp với đặc thù của từng khách hàng.

(f) Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn

VietinBank cung cấp các SPDV đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VietinBank đã triển khai hệ thống hỗ trợ mua bán ngoại tệ online (FX Online 24/7) trên kênh eFAST áp dụng cho đối tượng KHDN (bên cạnh các dịch vụ mua, bán, chuyển tiền ngoại tệ Online trên kênh VietinBank iPay dành cho đối tượng khách hàng cá nhân)- trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ hiện đại này, đáp ứng nhu cầu giao dịch hiệu quả, an toàn đi đầu trong xu hướng làm việc online mọi lúc (bao gồm cả nhu cầu giao dịch trong phiên, ngoài phiên, ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ...), tại nhà hoặc bất kỳ đâu mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý:

- Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Với thế mạnh về nguồn vốn ngoại tệ cùng mạng lưới rộng trên toàn quốc, VietinBank sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cả cạnh tranh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Giao dịch ngoại tệ giao ngay: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Góp vốn liên doanh với nước ngoài; Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, các giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích được phép điển hình như du học, chữa bệnh, du lịch, công tác,...
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng bao gồm: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ quyền chọn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Xác định mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán)...; Lựa chọn mức tỷ giá giúp tối đa hóa lợi ích; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ các biến động có lợi của tỷ giá.
- Hoán đổi lãi suất: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tái cơ cấu dòng tiền và cân đối nguồn tài sản nợ; Xác định trước chi phí phải sử dụng từ đó xây dựng kế hoạch tài chính và chủ động trong kinh doanh; Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất cho từng khoản nợ.
- Hoán đổi tiền tệ chéo: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất và tỷ giá, đặc biệt trong trung và dài hạn; Kiểm soát hiệu quả các dòng lưu chuyển tiền tệ của mình; Giảm thiểu chi phí vốn hoặc chi phí cơ hội về lãi trên cơ sở nhận định tốt xu

hướng thị trường.

- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: VietinBank và thông qua các công ty con (công ty chứng khoán...) cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa kênh huy động vốn, tái cơ cấu tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.
 - Tư vấn phát hành trái phiếu: Giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc mở rộng hoạt động SXKD, đầu tư dự án mới, cơ cấu tình hình tài chính.
 - Tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Là dịch vụ tư vấn giúp tăng quy mô vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, đưa giá trị doanh nghiệp đến tiếp cận với giá trị thị trường.
 - Tư vấn cổ phần hóa: Giúp khách hàng chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần, tận dụng các lợi thế của loại hình công ty cổ phần trong việc huy động vốn.
 - Tư vấn niêm yết chứng khoán: Giúp khách hàng niêm yết cổ phiếu trên SGDCK tập trung, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của doanh nghiệp.
 - Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Tư vấn cho khách hàng trong quá trình xác định giá trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá như chiết khấu dòng tiền, chỉ số so sánh giá và phương pháp tài sản ròng.
 - Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: Tư vấn tìm kiếm và thực hiện giao dịch với đối tác tài chính/ đối tác chiến lược cung cấp vốn lẫn năng lực điều hành quản trị nhằm nâng cao hiệu quả HĐKD và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

(g) Dịch vụ ngân hàng điện tử - VietinBank eFAST

VietinBank eFAST là dịch vụ ngân hàng điện tử do VietinBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet. Các tiện ích dịch vụ bao gồm: Quản lý tài khoản, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ thanh toán; Dịch vụ tiền gửi và tín dụng; Dịch vụ nộp NSNN; Báo cáo; Dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp. Khách hàng còn có thể thực hiện được giao dịch với ngân hàng trên phần mềm kế toán hoặc Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của khách hàng thông qua kết nối trực tiếp giữa hệ thống Khách hàng với ngân hàng.

(h) Dịch vụ thẻ

Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa dạng, VietinBank mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp như thẻ tín dụng nội địa SME Business card, Thẻ tín dụng quốc tế Diner Club....

(i) Bảo hiểm nhân thọ

VietinBank đem đến những giải pháp bảo hiểm phù hợp và tối ưu nhất dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

(j) Bảo hiểm phi nhân thọ

VietinBank liên kết cùng Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm đa dạng dành cho doanh nghiệp với chi phí hợp lý và nhiều giá trị gia tăng bao gồm: Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm hàng hóa; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm tàu thuyền; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo an doanh nghiệp...

6.1.2. Huy động vốn

➤ Tình hình huy động vốn:

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2021, đạt xấp xỉ 1.365,18 nghìn tỷ đồng, tăng 15,82% so với 31/12/2020. Trong đó: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đạt gần 1.161,85 nghìn tỷ đồng, tăng 17,32% so với 31/12/2020; Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 138,83 nghìn tỷ đồng, tăng 8,03% so với 31/12/2020; Số dư phát hành GTCG là 64,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,72% so với 31/12/2020.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt gần 1.550 nghìn tỷ đồng, tăng 13,54% so với 31/12/2021. Đóng góp phần lớn trong tổng giá trị huy động vốn vẫn là tiền gửi của khách hàng khi tăng 7,52% so với 31/12/2021, lên 1.249 nghìn tỷ đồng, tiếp theo là tiền gửi và vay các TCTD khác với giá trị đạt 209,4 nghìn tỷ đồng, tăng 50,85% so với 31/12/2021. Số dư phát hành GTCG đạt 91,4 nghìn tỷ đồng, tăng 41,67% so với 31/12/2021.

Tại thời điểm 30/09/2023, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt khoảng 1.686,8 nghìn tỷ đồng, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Tình hình và cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tiền gửi của KH	1.161.848	85,11%	1.249.176	80,59%	7,52%	1.310.324	77,68%
Phát hành GTCG	64.497	4,72%	91.370	5,89%	41,67%	87.879	5,21%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	138.834	10,17%	209.430	13,51%	50,85%	288.613	17,11%
Tổng cộng	1.365.179	100%	1.549.976	100%	13,54%	1.686.816	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Tình hình và cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tiền gửi của KH	1.159.761	85,45%	1.247.163	80,87%	7,54%	1.308.217	78,06%
Phát hành GTCG	64.497	4,75%	91.370	5,92%	41,67%	87.879	5,24%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	132.994	9,80%	203.706	13,21%	53,17%	279.851	16,70%
Tổng cộng	1.357.252	100%	1.542.239	100%	13,63%	1.675.947	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động trong nước và ngoài nước**

Tình hình và cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Huy động vốn trong nước	1.276.448	93,50%	1.493.169	96,33%	16,98%	1.666.054	98,77%
Huy động vốn ngoài nước	88.731	6,50%	56.807	3,67%	-35,98%	20.762	1,23%
Tổng cộng	1.365.179	100%	1.549.976	100%	13,54%	1.686.816	100%

(Nguồn: VietinBank)

Tình hình và cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng
Huy động vốn trong nước	1.268.521	93,46%	1.485.432	96,32%	17,10%	1.655.186	98,76%
Huy động vốn ngoài nước	88.731	6,54%	56.807	3,68%	-35,98%	20.761	1,24%
Tổng cộng	1.357.252	100%	1.542.239	100%	13,63%	1.675.947	100%

(Nguồn: VietinBank)

6.1.3. Hoạt động tín dụng

➤ **Hiệu quả, tỷ lệ an toàn vốn (CAR):**

VietinBank luôn bảo đảm đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, thực hiện có hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn của VietinBank (*)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	Tại 30/09/2023
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	10,79%	9,14%	8,98%	9,25%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Công ty mẹ	10,51%	8,98%	8,90%	9,20%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú (): Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).*

➤ **Tổng dư nợ cho vay**

Theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt

Như

1.275 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm cuối năm 2021. Đến thời điểm hết quý III/2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.386 nghìn tỷ đồng, tăng 11,33% so với cùng kỳ năm 2022.

Hoạt động tín dụng của VietinBank tiếp tục tăng trưởng bền vững, phù hợp với diễn biến chung toàn ngành ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động khó lường, hoạt động SXKD đang dần hồi phục nên nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tăng cao. Theo số liệu hợp nhất, cơ cấu danh mục cho vay có xu hướng tăng dư nợ cho vay ngắn hạn (tăng từ 60,5% năm 2021 lên 60,6% năm 2022 và lên 64,2% tại 30/09/2023). Tỷ trọng nợ dài hạn trên tổng dư nợ cho vay có xu hướng giảm dần qua các năm (giảm từ 33,7% năm 2021 xuống 32,9% năm 2022 và xuống 30,0% tại thời điểm kết thúc quý III/2023).

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Hợp nhất)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	683.530	60,5%	772.204	60,6%	13,0%	889.653	64,2%
Nợ trung hạn	66.215	5,9%	83.413	6,5%	26,0%	80.062	5,8%
Nợ dài hạn	380.923	33,7%	419.205	32,9%	10,0%	416.565	30,0%
Tổng dư nợ cho vay	1.130.668	100%	1.274.822	100%	12,7%	1.386.280	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	680.023	60,7%	768.842	60,8%	13,1%	885.298	64,4%
Nợ trung hạn	62.825	5,6%	78.960	6,2%	25,7%	75.167	5,5%
Nợ dài hạn	377.215	33,7%	416.375	32,9%	10,4%	414.052	30,1%
Tổng dư nợ cho vay	1.120.063	100%	1.264.177	100%	12,9%	1.374.518	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

➤ **Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

Chất lượng tín dụng luôn được VietinBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 31/12/2021 là 1,26% (tăng 0,32% so với cùng kỳ năm 2020); tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 180,4%, cao hơn nhiều so với năm 2020 (là 132,2%). Tại 31/12/2022, tỷ lệ nợ xấu là 1,24%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188,0%, tăng 7,6% so với cuối năm 2021. Tại 30/09/2023, tỷ lệ nợ xấu là 1,35%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 174%, giảm 14% so với cuối năm 2022. VietinBank luôn chủ động nhận diện sớm các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro và có biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp

để kiểm soát chất lượng nợ.

Trong năm 2023, nền kinh tế có nhiều biến động khó lường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các khách hàng vay vốn ngân hàng. Do đó, VietinBank tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng tín dụng, đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1,8%. Hết quý III/2023, VietinBank vẫn tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu (hợp nhất) là 1,37%, đảm bảo mục tiêu kiểm soát nợ xấu trong năm 2023 của VietinBank.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.104.465	97,7%	1.229.062	96,4%	11,3%	1.334.479	96,3%
Nợ cần chú ý	11.902	1,1%	29.958	2,3%	151,7%	32.860	2,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	7.096	0,6%	7.305	0,6%	2,9%	4.557	0,3%
Nợ nghi ngờ	2.003	0,2%	2.261	0,2%	12,9%	7.320	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	5.202	0,5%	6.235	0,5%	19,9%	7.064	0,5%
Tổng dư nợ cho vay	1.130.668	100%	1.274.821	100%	12,7%	1.386.280	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,26%		1,24%			1,37%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.093.966	97,7%	1.218.720	96,4%	11,4%	1.323.175	96,3%
Nợ cần chú ý	11.846	1,1%	29.748	2,4%	151,1%	32.742	2,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	7.094	0,6%	7.292	0,6%	2,8%	4.456	0,3%
Nợ nghi ngờ	1.995	0,2%	2.209	0,2%	10,7%	7.287	0,5%
Nợ có khả năng mất vốn	5.163	0,5%	6.209	0,5%	20,3%	6.858	0,5%
Tổng dư nợ cho vay	1.120.063	100%	1.264.178	100%	12,9%	1.374.518	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,27%		1,24%			1,35%	

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

➤ **Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng**

Rủi ro lãi suất được VietinBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi

Handwritten signature/initials

ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường...

Đối với việc phân loại nợ và trích lập DPRR tín dụng:

VietinBank tuân thủ và thực hiện theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, VietinBank chủ động sàng lọc khách hàng để phân ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VietinBank luôn được duy trì ở mức tốt trong các năm qua.

Việc trích lập DPRR tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của VietinBank

Khoản mục (Đơn vị: Tỷ đồng)	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2021	31/12/2022	% tăng (giảm) 2022/2021	30/09/2023	31/12/2021	31/12/2022	% tăng (giảm) 2022/2021	30/09/2023
Dự phòng chung	8.423	9.488	12,6%	10.300	8.343	9.411	12,8%	10.213
Dự phòng cụ thể	17.372	20.276	16,7%	22.361	17.259	20.131	16,6%	22.116
Tổng cộng	25.795	29.764	15,4%	32.661	25.602	29.542	15,4%	32.329

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán; BCTC hợp nhất và riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

(a) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

HĐKD ngoại tệ của VietinBank tập trung mạnh với trọng tâm là công tác phát triển khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm và các loại ngoại tệ giao dịch với khách hàng nhằm khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Bên cạnh đó, VietinBank đặc biệt chú trọng đến phân khúc khách hàng FDI, SME cũng như các giao dịch mua bán sáp nhập (M&A), các giao dịch thoái vốn, bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2021, lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất năm 2021 đạt 1.812 tỷ đồng, giảm 9,36% so với năm 2020. Năm 2022, lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ theo kết quả hợp nhất đạt 3.556 tỷ đồng, tăng 96,25% so với cùng kỳ năm 2021.

9 tháng đầu năm 2023, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ theo kết quả hợp nhất đạt 3.485 tỷ đồng, tăng 42,79% so với cùng kỳ năm 2022.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Handwritten signature/initials

Kết quả HĐKD ngoại tệ

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2022
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất)	1.812	-9,36%	3.556	96,25%	3.485	42,79%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Công ty mẹ)	1.886	-0,08%	3.581	89,87%	3.502	43,14%

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

(b) Hoạt động thanh toán

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2021, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của VietinBank đạt 723,86 triệu giao dịch tăng 58,4% so với năm 2020; doanh số thanh toán đạt 43.031 nghìn tỷ đồng, tăng 46,6% so với năm 2020. Năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 1.331,38 triệu giao dịch, tăng 83,93% so với năm 2021; doanh số thanh toán đạt 49.458 nghìn tỷ đồng, tăng 14,94% so với năm 2021.

Số lượng giao dịch thanh toán 9 tháng năm 2023 đạt 1.496 triệu giao dịch, tăng 64,52% so với cùng kỳ 2022; doanh số thanh toán đạt 38.178 nghìn tỷ đồng, tăng 4,07% so với cùng kỳ.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9 tháng năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2022
Số lượng giao dịch (triệu giao dịch)	723,86	58,4%	1.331,38	83,93%	1.496	64,52%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	43.031	46,6%	49.458	14,94%	38.718	4,07%

(Nguồn: VietinBank)

VietinBank đẩy mạnh triển khai SPDV thanh toán cho tất cả các phân khúc khách hàng, trong đó chú trọng đến các giải pháp thanh toán điện tử cung ứng cho khách hàng sử dụng dịch vụ như thanh toán qua Mobile App, QR code..., triển khai kết nối hệ thống thanh toán với các NHTM, các trung gian thanh toán, các công ty công nghệ, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán bằng các phương thức hiện đại như Giao diện lập trình ứng dụng (API), áp dụng chuẩn quốc tế ISO 20022 trong trao đổi dữ liệu điện tử.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm mới về TTQT, TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ

thống kê thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

❖ **Về hoạt động Tài trợ thương mại**

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm về TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Năm 2021 doanh số thanh toán TTTM của VietinBank đạt 16.613,44 triệu USD, tăng 39,7% so với năm 2020; số lượng giao dịch là 62.424 giao dịch, tăng 6,7% so với năm 2020.

Năm 2022, doanh số thanh toán TTTM đạt 21.288,66 triệu USD, tăng 28,1% so với năm 2021; số lượng giao dịch là 66.221 giao dịch, tăng 6,1% so với năm 2021.

9 tháng đầu năm 2023, doanh số thanh toán TTTM của VietinBank đạt 16.280,05 triệu USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là con số khá tích cực khi kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước 9 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 497,66 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2022.

Kết quả hoạt động tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9 tháng năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2022
Doanh số thanh toán TTTM (triệu USD)	16.613,44	39,7%	21.288,66	28,1%	16.280,05	3,6%

(Nguồn: VietinBank)

❖ **Về hoạt động Thanh toán quốc tế:**

Năm 2021, doanh số thanh toán quốc tế của VietinBank đạt 61.627,18 triệu USD, tăng 31,98% so với năm 2020; số lượng giao dịch là 464.041 giao dịch, tăng 4,7% so với năm 2020.

Năm 2022, doanh số thanh toán quốc tế đạt 72.180,60 triệu USD, tăng 17,12% so với năm 2021; số lượng giao dịch thanh toán đạt 507.877 giao dịch, tăng 9,45% so với năm 2021.

09 tháng đầu năm 2023, doanh số thanh toán quốc tế đạt 65.068 triệu USD, tăng 25,04% so với cùng kỳ năm 2022; số lượng giao dịch thanh toán đạt 427.912 giao dịch, tăng 14,69% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9 tháng năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ 2022
Số lượng giao dịch	464.041	4,70%	507.877	9,45%	427.912	14,69%
Doanh số thanh toán (triệu USD)	61.627,18	31,98%	72.180,60	17,12%	65.068	25,04%

(Nguồn: VietinBank)

Handwritten initials/signature

6.1.5. Hoạt động đầu tư

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, VietinBank chú trọng đa dạng hóa SPDV, phát triển sản phẩm đầu tư hiện đại, giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường. VietinBank không ngừng đa dạng hóa HĐKD, đầu tư và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phái sinh lãi suất, tiền tệ. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời, đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống và nâng cao vai trò, vị thế của VietinBank trên thị trường.

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Hợp nhất)

Danh mục đầu tư (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	149.317	44,9%	242.432	56,7%	62,4%	254.955	60,2%
Tiền gửi tại các TCTD khác	129.799	39,0%	222.455	52,0%	71,4%	232.233	54,9%
Cho vay các TCTD khác	19.517	5,9%	19.977	4,7%	2,4%	22.722	5,4%
2. Chứng khoán kinh doanh	2.475	0,7%	1.406	0,3%	-43,2%	1.568	0,4%
Chứng khoán kinh doanh	2.523	0,7%	1.623	0,4%	-35,7%	1.770	0,4%
DPRR chứng khoán kinh doanh	-47	-0,0%	-217	-0,1%	n/a	-202	0,0%
3. Chứng khoán đầu tư	177.545	53,4%	180.313	42,2%	1,6%	163.428	38,6%
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	174.973	52,6%	178.685	41,8%	2,1%	162.252	38,3%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.697	0,8%	1.697	0,4%	-37,1%	1.267	0,3%
DPRR chứng khoán đầu tư	-126	-0,0%	-69	-0,0%	n/a	-91	0,0%
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.290	1,0%	3.519	0,8%	7,0%	3.287	0,8%
Góp vốn liên doanh	3.073	0,9%	3.303	0,8%	7,5%	3.071	0,7%
Đầu tư dài hạn khác	241	0,1%	234	0,1%	-2,8%	234	0,1%
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-24	-0,0%	-18	-0,0%	n/a	-18	0,0%
Tổng cộng	332.627	100%	427.670	100%	28,6%	423.238	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Công ty mẹ)

Danh mục đầu tư (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	147.331	44,7%	241.389	56,8%	63,8%	250.982	60,2%
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	130.826	39,7%	223.982	52,7%	71,2%	232.911	55,9%
Cho vay các TCTD khác	16.505	5,0%	17.407	4,1%	5,5%	18.071	4,3%

Danh mục đầu tư (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		% tăng (giảm) 2022/2021	Tại 30/09/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
2. Chứng khoán kinh doanh	1.085	0,3%	0	0,0%	-100,0%	50	0,0%
Chứng khoán kinh doanh	1.093	0,3%	0	0,0%	-100,0%	50	0,0%
DPRR chứng khoán kinh doanh	-8	-0,0%	0	0,0%	-100,0%	0	0,0%
3. Chứng khoán đầu tư	175.660	53,3%	177.796	41,9%	1,2%	159.797	38,4%
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	173.192	52,5%	176.271	41,5%	1,8%	158.654	38,1%
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.587	0,8%	1.587	0,4%	-38,7%	1.187	0,3%
DPRR chứng khoán đầu tư	-119	0,0%	-62	-0,0%	n/a	-44	0,0%
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	5.552	1,7%	5.552	1,3%	0,0%	5.836	1,4%
Đầu tư vào công ty con	3.840	1,2%	3.840	0,9%	0,0%	4.124	1,0%
Vốn góp liên doanh	1.689	0,5%	1.689	0,4%	0,0%	1.689	0,4%
Đầu tư dài hạn khác	23	0,0%	23	0,0%	0,0%	23	0,0%
Tổng cộng	329.628	100%	424.737	100%	28,9%	416.665	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: n/a: Không áp dụng

6.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

VietinBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Hiện tại VietinBank có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, VietinBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu và có uy tín tốt (nổi bật như tại khu vực Bắc Mỹ là 49 ngân hàng, bao gồm JPMorgan Chase Bank, N.A, Citibank N.A., Bank of America, N.A., The Bank of Nova Scotia, Bank of Montreal; tại khu vực Châu Âu là 194 ngân hàng bao gồm BNP Paribas SA, Credit Agricole SA, Deutsche Bank AG, Commerzbank AG, HSBC Bank plc, Standard Chartered Bank, Intesa Sanpaolo SpA, UniCredit SpA,; tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương là 197 ngân hàng bao gồm Industrial & Commercial Bank of China Limited, Agricultural Bank of China Limited, China Construction Bank Corporation, MUFG Bank Ltd., Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Mizuho Bank Ltd, Kookmin Bank, Shinhan Bank, KEB Hana Bank, Australia and New Zealand Banking Group Limited, ...; khu vực Trung Đông là 25 ngân hàng bao gồm First Abu Dhabi Bank PJSC, Emirates NBD Bank PJSC, Abu Dhabi Commercial Bank PJSC, Qatar National Bank, ...). Lĩnh vực và phạm vi hợp tác bao gồm tài trợ thương mại, kinh doanh vốn và thị trường vốn, thanh toán chuyển tiền, tư vấn, đào tạo, ...

Trong thời gian tới, chiến lược của Vietinbank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán SPDV của VietinBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

NH D

6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

VietinBank định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả. Để đạt được mục tiêu trên, VietinBank sẽ tiếp tục nỗ lực chủ động rà soát, kiểm soát chất lượng tín dụng, **triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch**. Theo đó:

- **Tại cấp độ danh mục:** Bên cạnh việc thiết lập hạn mức rủi ro và định hướng tín dụng hàng năm, VietinBank thường xuyên thực hiện giám sát danh mục tín dụng, cảnh báo sớm các khách hàng có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro (thông qua Hệ thống cảnh báo sớm, công tác giám sát từ xa và kiểm tra trực tiếp), tăng cường cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.
- **Tại cấp độ giao dịch:** VietinBank chú trọng công tác thẩm định, sàng lọc kỹ khách hàng, tăng cường quản lý giám sát, kiểm soát dòng tiền, chất lượng tài sản và theo sát diễn biến hoạt động của khách hàng để triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp, kịp thời, hạn chế tối đa tác động lên chất lượng nợ của Ngân hàng.

b. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

VietinBank thực hiện việc áp dụng các thông lệ quốc tế về QTRR hoạt động thông qua một số công cụ như (i) tự đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (RCSA); (ii) chỉ số rủi ro chính (KRI); (iii) thu thập và quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) và (iv) sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

VietinBank xây dựng chính sách và hướng dẫn cho công tác QLRR hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN như hạn mức rủi ro hoạt động (bao gồm hạn mức về tổn thất tài chính và phi tài chính); QLRR trong ứng dụng công nghệ, hoạt động thuê ngoài, đảm bảo kinh doanh liên tục (BCP). VietinBank liên tục đẩy mạnh và nâng cao nhận thức, văn hóa QLRR hoạt động trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu rủi ro hoạt động, cũng như các cuộc thi nội bộ để tạo ra những làn sóng đổi mới, khơi gợi ý tưởng, sáng kiến cải tiến, QTRR. Đồng thời, VietinBank tiếp tục chú trọng đào tạo, xây dựng và tuyển dụng một đội ngũ cán bộ triển khai QLRR hoạt động chủ chốt có kinh nghiệm, có năng lực.

Việc QLRR hoạt động tại VietinBank được vận hành theo mô hình 03 tuyến bảo vệ, quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi tuyến bảo vệ. Trên thực tế, các đơn vị thuộc các tuyến bảo vệ phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác QLRR hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các HĐKD, nghiệp vụ, phát huy tốt hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ, đảm bảo HĐKD đúng định hướng, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

c. Chính sách quản lý rủi ro thị trường

VietinBank xây dựng chiến lược QLRR thị trường nhằm thiết lập mục tiêu kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động phát sinh rủi ro thị trường, các biện pháp kiểm soát phù hợp năng lực QLRR thị trường gắn với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược.

Tất cả các rủi ro thị trường phát sinh được quản lý tập trung tại Trụ sở chính VietinBank theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Phòng Kinh doanh vốn đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ nhất, chủ động nhận dạng, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường, thiết lập các chốt kiểm soát và giám sát tại đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ các hạn mức, khẩu vị rủi ro thị trường. Phòng QLRR thị trường đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 2, thực hiện chức năng kiểm soát rủi ro thị trường một cách độc lập thông qua thiết lập các văn bản chính sách và xây dựng mô hình đo lường rủi ro, đồng thời báo cáo trực tiếp cho Phó

TGD phụ trách/Giám đốc Khối QLRR và độc lập với đơn vị Kinh doanh vốn & Thị trường. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba, kiểm toán tại các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai, đảm bảo kiểm tra, giám sát rủi ro thị trường một cách độc lập, hiệu quả.

VietinBank đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về QLRR thị trường, trong đó QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ các bước nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, định kỳ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu HĐKD thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế (Basel II, Basel III) và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mục tiêu của việc kiểm soát rủi ro thị trường là quản lý mức độ tổn thất của VietinBank trước các biến động có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro thị trường (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, giá cổ phiếu, mức độ tập trung giao dịch tự doanh). VietinBank thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc thiết lập, cập nhật, duy trì và quản lý, giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro thị trường và hạn mức rủi ro thị trường thông qua các chỉ số đo lường như: lãi/lỗ, trạng thái, giá trị chịu rủi ro (VaR), chỉ số đo lường độ nhạy với lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác giao dịch thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung; mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng (Stress loss); tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường; thực hiện kiểm định mô hình (test hệ thống, xác thực giá độc lập, backtesting).

d. Chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên Sổ Ngân hàng

VietinBank đã thiết lập hệ thống quy định, quy trình và hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và theo thông lệ Basel II. Công tác quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng được triển khai thông qua mô hình 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo sự chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và phù hợp với thông lệ thị trường. VietinBank áp dụng bộ công cụ quản lý RRLS theo các chỉ số về (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap), (ii) tác động thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Delta NII) và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Delta EVE). VietinBank đã triển khai hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính Vietinbank, cung cấp tự động các báo cáo đo lường chỉ số, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát RRLS trong phạm vi cho phép, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xây dựng các chính sách lãi suất phù hợp. Ở cấp độ giao dịch, tất cả các hợp đồng tín dụng của VietinBank đều phải có các điều khoản phòng ngừa RRLS để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.

e. Chính sách quản lý, bảo đảm hệ số an toàn vốn

VietinBank đã ban hành quy định và quy trình quản lý vốn tự có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hệ thống VietinBank bao gồm (i) các nguyên tắc, chính sách quản lý vốn tự có; (ii) quy trình cụ thể nhằm xác định vốn mục tiêu và lập kế hoạch vốn; (iii) giám sát và báo cáo về vốn và tỷ lệ CAR; (iv) trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan; đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, cam kết với các đối tác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hàng năm, kế hoạch vốn được xây dựng trên cơ sở dự kiến về các biện pháp tăng vốn tự có và kiểm soát tài sản có rủi ro, từ đó làm cơ sở xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Định kỳ, kế hoạch vốn được rà soát, cập nhật nhằm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tuân thủ, đồng thời tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Về hệ thống, VietinBank đã xây dựng hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn tự động trên nền tảng các dữ liệu nguồn của Ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Vốn và tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

Mb

6.2.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Trong năm 2022, trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động SXKD của người dân và doanh nghiệp trên cả nước, VietinBank đã triển khai rất quyết liệt nhiều biện pháp kiểm soát chất lượng nợ, chủ động nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để phân luồng giải pháp thu hồi xử lý nợ kịp thời, giảm tổn thất cho ngân hàng. Bên cạnh đó, VietinBank tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng phù hợp, thiết thực, kịp thời như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ theo các văn bản hướng dẫn của NHNN, chủ động cắt giảm lợi nhuận từ giảm lãi suất cho vay và phí dịch vụ, đưa ra các gói giải pháp hỗ trợ giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi và phát triển HĐKD. Công tác trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được triển khai tuân thủ quy định của pháp luật và NHNN. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2022 đã được kiểm soát ở mức 1,24%, tuân thủ hạn mức NHNN và ĐHĐCĐ giao. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu được cải thiện tích cực ở mức 188%, tiếp tục được cải thiện so với cuối năm 2021 (180,4%).

VietinBank đã liên tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng trên kênh điện tử để cung cấp một cách nhanh chóng, thuận tiện, đa tiện ích và bảo đảm an toàn, bảo mật cho các khách hàng, tăng mức độ tiếp cận và bao phủ về dịch vụ tài chính ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân. VietinBank tiếp tục phát triển mạnh các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật, đẩy mạnh chuyên dịch kênh thông qua đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng từ quản lý tài khoản, mở thẻ trực tuyến, cho vay thấu chi online, thanh toán với hệ sinh thái đa dạng cho tới các dịch vụ tiện ích như tài khoản số đẹp, biệt danh tài khoản (Alias)... Triển khai nền tảng ngân hàng số eFAST mới cho gần 70% khách hàng tổ chức của VietinBank, tích hợp toàn bộ các sản phẩm ngân hàng giao dịch như thanh toán, quản lý khoản phải thu/phải trả, quản lý thanh khoản, tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi cung ứng... Mở rộng hệ sinh thái, tiến tới Ngân hàng mở, cung cấp dịch vụ kết nối ERP doanh nghiệp, mở tài khoản, mở thẻ của VietinBank trên ứng dụng của Grab, Shopee, Sendo... VietinBank triển khai phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo, học máy trong phân tích và xử lý dữ liệu, giúp ích cho công tác quản trị điều hành và hoạch định kinh doanh. Trong năm, VietinBank triển khai hệ thống hóa đơn điện tử (e-Invoice) và ứng dụng các giải pháp số hóa trong công tác vận hành như Chatbox 4.0 – Trợ lý ảo thông minh LUNA, Sổ điện tử, Chữ ký số, tự động hóa quy trình... giúp tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao năng lực thực thi nhanh.

Bên cạnh đó, việc hoàn tất việc tăng VDL từ 37.234 tỷ đồng lên 48.058 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức tiền mặt các năm 2017 – 2019 với tỷ lệ 29,0695% vào tháng 07/2021 và tăng lên 53,7 nghìn tỷ đồng vào tháng 12/2023 thông qua phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 (tỷ lệ phát hành: 11,7415%) đã tạo tiền đề để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng HĐKD, tăng cường khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế; đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, nâng cao năng lực QTRR, tạo đà tăng trưởng bền vững của VietinBank. Đồng thời, với dòng vốn được khơi thông, VietinBank có thể chủ động phát huy tối đa vị thế, tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ, kiện toàn mạng lưới, góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng, thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước cũng như nâng cao giá trị cho cổ đông.

6.3 Thị trường hoạt động

6.3.1 Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

- **Mạng lưới trong nước:** Tính đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 155 Chi nhánh trong nước; 957 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành. Ngoài ra, VietinBank còn có 02 văn phòng đại diện đặt tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Mạng lưới quốc tế:** Tính đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 02 Chi nhánh hoạt động tại Đức, 01 ngân hàng con hoạt động tại Lào và 01 Văn phòng đại diện đặt tại Myanmar.

6.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- **Mạng lưới khách hàng của VietinBank:** Tính đến thời điểm 30/09/2023, mạng lưới khách hàng của VietinBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:
 - ✓ **KHDN lớn:** bao gồm 8.455 khách hàng, chiếm 2,7% tổng số KHDN và tăng 12,7% so với đầu năm 2023. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 3.738 (chiếm 44,2%), miền Trung là 1.468 (chiếm 17,4%) và miền Nam là 3.249 (chiếm 38,4%).
 - ✓ **KHDN nhỏ và vừa:** gồm có 295.988 khách hàng, chiếm 95,8% tổng số KHDN và tăng 9,5% so với đầu năm 2023. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 137.435 khách hàng (chiếm 46,4%), miền Trung có 60.751 khách hàng (chiếm 20,5%) và miền Nam có 97.802 khách hàng (chiếm 33%).
 - ✓ **KHDN FDI:** bao gồm 4.675 khách hàng, chiếm 1,5% tổng số KHDN và tăng 13,1% so với đầu năm 2023. Theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 2.378 khách hàng (chiếm 50,9%), miền Trung có 399 khách hàng (chiếm 8,5%) và miền Nam có 1.898 khách hàng (chiếm 40,6%).
 - ✓ **Khách hàng Định chế tài chính (“ĐCTC”):** VietinBank thiết lập và mở rộng quan hệ với 262 khách hàng ĐCTC, bao gồm:
 - 149 khách hàng ĐCTC là TCTD; trong đó: có 53 TCTD trong nước (gồm 46 NHTM, 5 công ty tài chính và 2 tổ chức tài chính vi mô) và 91 NHTM nước ngoài và 05 công ty tài chính nước ngoài.
 - 111 khách hàng ĐCTC phi TCTD; trong đó: có 45 công ty bảo hiểm (gồm 25 công ty trong nước và 20 công ty nước ngoài) và 66 công ty chứng khoán (53 công ty trong nước và 13 công ty nước ngoài);
 - 02 khách hàng ĐCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)
 - ✓ **KHCN:** Quy mô KHCN của VietinBank đến 30/09/2023 đạt hơn 16,4 triệu khách hàng¹, tăng 11% so với đầu năm 2023. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại, dự kiến đến cuối 2023, quy mô KHCN của VietinBank sẽ đạt mức 17 triệu khách hàng.
- **Các SPDV cho khách hàng:**
 - ✓ **Các SPDV dành cho cá nhân:** bao gồm:
 - **Ngân hàng số:** bao gồm các dịch vụ như VietinBank iPay, iPay Mobile, SMS Banking và Bank Plus;
 - **Tiền gửi:** gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi tài khoản thanh toán và sản phẩm GTCG khác như kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu...
 - **Thẻ:** bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
 - **Cho vay:** gồm các sản phẩm cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ SXKD;
 - **Bảo hiểm:** gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.
 - ✓ **Các SPDV dành cho doanh nghiệp:** bao gồm:
 - **Tiền gửi:** gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi có kỳ hạn; tiền

¹ Khách hàng đang hoạt động tại thời điểm báo cáo

- gửi ký quỹ; đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động;
- *Cho vay*: bao gồm các sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; cho vay chuyên biệt; các chương trình tín dụng quốc tế;
 - *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại*: gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; VietinBank Trade Portal...;
 - *Thanh toán và quản lý dòng tiền*: gồm thanh toán chuyển tiền, quản lý khoản phải thu/ khoản phải trả và quản lý thanh khoản
 - *Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn*: gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
 - *Ngân hàng điện tử*: dịch vụ VietinBank eFAST cung cấp và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet.
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Thị phần của VietinBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành giai đoạn từ năm 2021 đến 30/09/2023 như sau:

Chỉ tiêu (Nghìn tỷ đồng)	31/12/2021			31/12/2022			30/09/2023		
	Toàn ngành	CTG	Thị phần của CTG	Toàn ngành	CTG	Thị phần của CTG	Toàn ngành	CTG	Thị phần của CTG
Tổng tài sản	10.916	1.531	14,03%	12.774	1.808	14,15%	13.596	1.888	13,89%
Dư nợ cho vay	7.357	1.131	15,37%	8.530	1.275	14,95%	9.316	1.386	14,88%
Tiền gửi của KH	7.489	1.162	15,52%	8.290	1.249	15,07%	9.226	1.310	14,20%

(Nguồn: Số liệu được tính toán dựa trên số liệu tổng hợp BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021, 2022, BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của 27 NHTM đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên 3 sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam là HOSE, HNX và UPCOM)

6.3.4 Các dự án phát triển HĐKD đang thực hiện

Lĩnh vực	Dự án/ Chương trình	Thời gian kế hoạch	Tình hình triển khai đến tháng 10/2023	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án/Chương trình đến HĐKD của VietinBank
Kênh phân phối	Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHCCN	Liên tục	Hoàn thành triển khai các phiên bản cập nhật ứng dụng iPAY app cung cấp tính năng tiện ích cho KH	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh

Lĩnh vực	Dự án/ Chương trình	Thời gian kế hoạch	Tình hình triển khai đến tháng 10/2023	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án/Chương trình đến HĐKD của VietinBank
	Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHDN	Liên tục	Hoàn thành triển khai các phiên bản cập nhật ứng dụng eFAST cung cấp tính năng tiện ích cho KH	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh
	Kết nối ERP KHDN lấy VietinBank làm trung tâm thanh toán	Triển khai theo tiến độ kết nối đối tác, KHDN	Thực hiện kết nối triển khai các dịch vụ sao kê, biến động số dư cho các CN đối tác theo tiến độ làm việc	Phát triển kênh phân phối tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh
Sản phẩm dịch vụ	Dự án kết nối thanh toán chuyển tiền song phương thời gian thực	Tiếp tục mở rộng hệ thống với các NH tham gia hệ thống thanh toán	Hoàn thành kết nối thanh toán trực tiếp với MB, VCB, BIDV, Agribank	Tăng cường chất lượng dịch vụ chuyển tiền, giảm phí thanh toán cho các tổ chức trung gian
	Kết nối thanh toán song phương Krungsri	Năm 2023	Đang phát triển tích hợp dịch vụ	Tăng cường chất lượng dịch vụ chuyển tiền, giảm phí thanh toán cho các tổ chức trung gian
	Tài khoản số ngắn	Năm 2023	Đang kiểm thử, tích hợp	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Mô hình thu hồi và xử lý nợ tập trung	Năm 2023	Đang kiểm thử phần phát triển 2 báo cáo Xử lý nợ	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Dự án nhắc nợ tập trung	Năm 2023	Đã triển khai quản lý khoản vay tín chấp và thẻ tín dụng toàn hàng	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Dự án phòng chống rửa tiền AML2	Năm 2023	Đang thực hiện phân tích GAP, rà soát tài liệu	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Giải ngân online	Năm 2023	Đã triển khai thí điểm dịch vụ giải ngân online trong tháng 10/2023, tiếp tục kiểm thử mở rộng dịch vụ	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Bảo lãnh online	Năm 2023	Kiểm thử	Tăng cường chất lượng dịch vụ
	Kết nối cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia	Năm 2023	Theo kế hoạch tiến độ kết nối dữ liệu dân cư quốc gia	Tăng cường chất lượng dịch vụ

Lĩnh vực	Dự án/ Chương trình	Thời gian kế hoạch	Tình hình triển khai đến tháng 10/2023	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án/Chương trình đến HĐKD của VietinBank
Chuyên đổi Số	Dự án tư vấn Chuyên đổi Số VietinBank	Năm 2023-2024	Hoàn thành giai đoạn xây dựng danh sách kế hoạch triển khai sáng kiến ngắn hạn và dài hạn, chuẩn bị nguồn lực triển khai các sáng kiến ngắn hạn	Dự án quan trọng có ảnh hưởng toàn hàng trong đó xây dựng chiến lược kế hoạch Chuyên đổi Số VietinBank đến 2025-2030 và đưa ra các bài toán triển khai chuyên đổi nhanh, hiệu quả
Vận hành	Nâng cao chất lượng hoạt động thanh toán	Trong năm 2023	Cập nhật tinh chỉnh hệ thống đáp ứng gia tăng sản phẩm dịch vụ	Tăng cường chất lượng dịch vụ, tự động hoá, tăng năng suất lao động
	Triển khai tự động hoá quy trình	Năm 2023-2024	Đang xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi cho 10 quy trình	Tăng cường tự động hoá, tăng năng suất lao động cho các quy trình có số lượng thao tác thủ công lớn, lặp đi lặp lại
	Triển khai hệ thống Contact Center mới	Năm 2023-2024	Triển khai hệ thống mới tại 5 chi nhánh, kiểm thử mở rộng các kênh tích hợp qua IB, ATM, đánh giá KH kênh quầy	Triển khai hệ thống chăm sóc KH mới tích hợp các kênh bán, quản lý KH đồng bộ
Hạ tầng CNTT	Chuyển dịch hạ tầng CNTT lên điện toán đám mây (cloud)	Năm 2023-2025	Hoàn thành triển khai dịch vụ ngân hàng điện tử cho KHCN, website tuyển dụng VietinBank lên cloud	Tối ưu hoá hạ tầng công nghệ tiết kiệm chi phí, giảm thời gian triển khai đưa hệ thống mới/ SPDV mới vào hoạt động
	Triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu mới tại Vân Canh (Hoài Đức, Hà Nội)	Năm 2023-2024	Hoàn thành mời thầu, đang đánh giá lựa chọn nhà thầu triển khai thiết bị	Tăng cường đảm bảo hạ tầng CNTT vận hành an toàn thông suốt, đáp ứng nhu cầu mở rộng hệ thống ứng dụng mới/ sản phẩm dịch vụ

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Báo Bạch]

M

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về HĐKD của VietinBank trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

7.1.1. Kết quả HĐKD

Kết quả HĐKD Hợp nhất

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023
Tổng giá trị tài sản	1.531.587	1.808.430	18,1%	1.888.338
VCSH	93.650	108.168	15,5%	122.005
Thu nhập lãi thuần	41.788	47.792	14,4%	38.511
Tổng thu nhập hoạt động	53.167	64.117	20,6%	52.184
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	35.971	45.109	25,4%	38.044
Thuế và các khoản phải nộp	4.982	6.273	25,9%	4.863
LNTT	17.589	20.946	19,1%	17.401
LNST	14.215	16.835	18,4%	13.990
Tỷ lệ LNST trên Vốn chủ sở hữu (lần)	0,15	0,16	2,5%	0,11
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (%) (*)	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/ 2023 tự lập của VietinBank)

Kết quả HĐKD Công ty mẹ

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023
Tổng tài sản	1.515.618	1.793.240	18,3%	1.867.702
VCSH	90.138	104.477	15,9%	118.182
Thu nhập lãi thuần	41.020	46.850	14,2%	37.677
Tổng thu nhập hoạt động	51.571	62.337	20,9%	50.729
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	35.198	44.449	26,3%	37.468
Thuế và các khoản phải nộp	4.587	5.902	28,7%	4.544
LNTT	16.860	20.353	20,7%	16.935
LNST	13.622	16.379	20,2%	13.677
Tỷ lệ LNST trên Vốn chủ sở hữu (lần)	0,15	0,16	2,5%	0,12

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Handwritten signature

Ghi chú: () Theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên 2022, VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 từ toàn bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ năm 2021, số tiền 9.624 tỷ đồng. Tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 (phương án đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ngoài ra, cũng theo Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của ĐHĐCĐ thường niên 2023, VietinBank sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng với số tiền 11.521 tỷ đồng. Phương án trả cổ tức chính thức sẽ được quyết định trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2021, 2022 do cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Năm 2022, VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chủ trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực trên mọi mặt hoạt động trong năm 2022, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của Ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo. Cụ thể kết quả thực hiện một số chỉ tiêu hợp nhất năm 2022 như sau:

- Tổng tài sản của VietinBank đến ngày 31/12/2022 đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021;
- VCSH của Ngân hàng tăng 15,5% so với năm 2021 và đạt 108 nghìn tỷ đồng.
- Hiệu quả HĐKD ngày càng được cải thiện. LNTT riêng lẻ năm 2022 đạt 20.353 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021, hoàn thành 105% kế hoạch năm. LNTT hợp nhất năm 2022 đạt 20.946 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2021. LNST hợp nhất năm 2022 đạt 16.835 tỷ đồng, tăng 18,4% so với năm 2021 và đứng thứ 6 toàn ngành về lợi nhuận sau thuế.

Đến 30/09/2023, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất của VietinBank đều tăng so với cùng kỳ năm 2022. Tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 1.888 nghìn tỷ đồng, tăng 137,5 nghìn tỷ (7,86%) so với thời điểm cùng kỳ năm 2022; VCSH đạt gần 122 nghìn tỷ đồng, tăng 15,9 nghìn tỷ đồng so với thời điểm cùng kỳ năm 2022 (14,98%). VCSH tăng chủ yếu đến từ khoản LNST chưa phân phối (tăng 13,19 nghìn tỷ, tương đương mức tăng 38,86% so với cùng kỳ năm 2022). Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng đạt 38,04 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, đến hết 30/09/2023, LNTT hợp nhất của VietinBank đạt 17,40 nghìn tỷ đồng, LNST đạt 13,99 nghìn tỷ đồng, tăng 10,17% so với cùng kỳ năm 2022 và đứng vị trí thứ tư toàn ngành về lợi nhuận sau thuế, tăng hai bậc so với cuối năm 2022.

7.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.456	1,7%	3.060	2,9%	110,2%	3.153	3,2%
Thu nhập lãi cho vay KH	74.974	88,6%	92.897	88,8%	23,9%	88.555	88,8%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.423	7,6%	6.810	6,5%	6,0%	6.094	6,1%

Handwritten signature/initials

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	853	1,0%	873	0,8%	2,3%	984	1,0%
Thu nhập lãi cho thuê TC	327	0,4%	373	0,4%	14,1%	408	0,4%
Thu khác từ HĐ tín dụng	596	0,7%	651	0,6%	9,2%	521	0,5%
Tổng cộng	84.628	100%	104.664	100%	23,7%	99.715	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.439	1,7%	3.021	2,9%	109,9%	3.260	3,3%
Thu nhập lãi cho vay KH	74.500	89,1%	92.361	89,3%	24,0%	87.839	89,2%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.243	7,5%	6.499	6,3%	4,1%	5.898	6,0%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	853	1,0%	872	0,8%	2,2%	983	1,0%
Thu khác từ HĐ tín dụng	572	0,7%	633	0,6%	10,7%	500	0,5%
Tổng cộng	83.606	100%	103.386	100%	23,7%	98.480	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

b) Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	41.788	78,6%	47.792	74,5%	14,4%	38.511	73,8%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.961	9,3%	5.862	9,1%	18,2%	5.600	10,7%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.812	3,4%	3.556	5,5%	96,2%	3.485	6,7%

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	496	0,9%	-112	-0,2%	-122,6%	210	0,4%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	234	0,4%	-30	0,0%	-112,8%	4	0,0%
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.398	6,4%	6.537	10,2%	92,4%	4.208	8,1%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	477	0,9%	512	0,8%	7,3%	166	0,3%
Tổng cộng	53.167	100%	64.117	100%	20,6%	52.184	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	41.020	79,5%	46.850	75,2%	14,2%	37.677	74,3%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.369	8,5%	5.022	8,1%	14,9%	4.701	9,3%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.886	3,7%	3.581	5,7%	89,9%	3.502	6,9%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	187	0,4%	-40	-0,1%	-121,4%	-1	0,0%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	220	0,4%	-38	-0,1%	-117,3%	27	0,0%
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.139	6,1%	6.422	10,3%	104,6%	4.226	8,3%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	750	1,5%	540	0,9%	-28,0%	597	1,2%
Tổng cộng	51.571	100%	62.337	100%	20,9%	50.729	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

c) Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu tổng doanh thu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/ 2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	84.628	80,80%	104.665	78,74%	23,7%	99.715	81,98%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9.573	9,14%	11.549	8,69%	20,6%	9.079	7,46%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	5.069	4,84%	8.541	6,43%	68,5%	7.432	6,11%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	479	0,46%	123	0,09%	-74,3%	197	0,16%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	0	0,00%	29	0,02%	-	27	0,02%
Thu nhập từ hoạt động khác	4.516	4,31%	7.507	5,65%	66,2%	5.017	4,13%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	477	0,46%	512	0,39%	7,3%	166	0,14%
Tổng cộng	104.743	100%	132.926	100%	26,9%	121.633	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Cơ cấu tổng doanh thu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/ 2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	83.606	84,44%	103.386	81,51%	23,7%	98.480	83,78%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.981	7,05%	8.382	6,61%	20,1%	7.128	6,06%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	3.272	3,30%	7.176	5,66%	119,3%	6.383	5,43%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	237	0,24%	9	0,01%	-96,2%	1	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	0	0,00%	20	0,02%	-	12	0,01%
Thu nhập từ hoạt động khác	4.164	4,21%	7.320	5,77%	75,8%	4.947	4,21%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	750	0,76%	540	0,43%	-28,0%	597	0,51%

Handwritten signature or mark.

Tổng cộng	99.011	100%	126.833	100%	28,1%	117.548	100%
------------------	---------------	-------------	----------------	-------------	--------------	----------------	-------------

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/ 2023 tự lập của VietinBank)

d) Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	22	0,1%	25	0,1%	13,6%	17	0,1%
Chi cho nhân viên	10.013	58,3%	11.087	58,3%	10,7%	8.462	59,8%
Chi về tài sản	2.904	16,9%	2.693	14,2%	-7,3%	1.807	12,8%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.388	19,7%	4.234	22,3%	25,0%	3.053	21,6%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	772	4,5%	880	4,6%	14,0%	729	5,2%
Chi phí dự phòng	87	0,5%	88	0,5%	1,1%	71	0,5%
Tổng cộng	17.186	100%	19.007	100%	10,6%	14.139	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	14	0,1%	18	0,1%	28,6%	13	0,1%
Chi cho nhân viên	9.538	58,3%	10.382	58,0%	8,8%	7.893	59,5%
Chi về tài sản	2.834	17,3%	2.623	14,7%	-7,4%	1.740	13,1%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.217	19,6%	4.000	22,4%	24,3%	2.840	21,4%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	770	4,7%	877	4,9%	13,9%	727	5,5%
Chi phí dự phòng	0	0,0%	-10	-0,1%	-	49	0,4%
Tổng cộng	16.373	100%	17.890	100%	9,3%	13.262	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

M D

e) Báo cáo thay đổi VCSH

Báo cáo thay đổi VCSH (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	57.548	61,5%	57.869	53,5%	0,6%	57.869	47,4%
+ Vốn điều lệ	48.058	51,3%	48.058	44,4%	0,0%	48.058	39,4%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.975	9,6%	8.975	8,3%	0,0%	8.975	7,3%
+ Vốn khác	516	0,6%	836	0,8%	62,0%	836	0,7%
Quỹ của TCTD	13.673	14,6%	16.075	14,9%	17,6%	16.090	13,2%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	245	0,3%	121	0,1%	-50,6%	61	0,0%
LNST chưa phân phối	21.488	22,9%	33.364	30,8%	55,3%	47.148	38,6%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	695	0,7%	739	0,7%	6,3%	837	0,7%
Tổng cộng	93.650	100%	108.168	100%	15,5%	122.005	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Báo cáo thay đổi VCSH (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2021		Năm 2022		% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng		Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	57.027	63,3%	57.028	54,6%	0,0%	57.028	48,2%
+ Vốn điều lệ	48.058	53,3%	48.058	46,0%	0,0%	48.058	40,6%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.970	10,0%	8.970	8,6%	0,0%	8.970	7,6%
Quỹ của TCTD	13.230	14,7%	15.690	15,0%	18,6%	15.690	13,3%
LNST chưa phân phối	19.881	22,1%	31.759	30,4%	59,7%	45.464	38,5%
Tổng cộng	90.138	100%	104.477	100%	15,9%	118.182	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của VietinBank trong năm báo cáo

Năm 2022, tiến trình phục hồi sau đại dịch COVID-19 của thế giới đã đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tình hình kinh tế toàn cầu và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường. Nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ xảy ra như xung đột quân sự tại Nga – Ukraina, lạm phát cao kỷ lục tại nhiều quốc gia, thiên tai kéo dài trên diện rộng tại nhiều khu vực... khiến nhiều quốc gia đã ngay lập tức có những biện pháp, hành động để hạn chế ảnh hưởng bất lợi của tình hình vĩ mô thế giới như điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, áp dụng mọi biện pháp để đảm bảo an ninh năng lượng ..., từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam.

NH 2

Trong bối cảnh nhiều nền kinh tế thế giới suy giảm tăng trưởng, kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả tích cực và toàn diện. Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02% là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6 – 6,5%, nền tảng vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định.

Đóng góp tích cực vào thành tựu của nền kinh tế, NHNN đã cân đối các mục tiêu kinh tế vĩ mô trọng tâm và triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, ổn định tỷ giá, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an toàn hoạt động cho hệ thống tài chính. Dự nợ tín dụng toàn ngành năm 2022 tăng khoảng 14,2% đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục định hướng, chỉ đạo các NHTM sử dụng chi phí hợp lý, chú trọng chuyển đổi số, nỗ lực giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau giai đoạn dịch bệnh kéo dài, đồng thời chủ động, tích cực triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Năm 2022, bất chấp những khó khăn vĩ mô của thế giới và Việt Nam như trên, VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đi đầu trong việc thực thi các chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao với những kết quả ấn tượng trong năm 2022, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2021. Dự nợ tín dụng hợp nhất đạt 1,28 triệu tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2021; tỷ trọng dự nợ KHCN và KHDN vừa và nhỏ tiếp tục tăng trưởng giúp phân tán RRTD và nâng cao khả năng sinh lời của danh mục tín dụng ... LNTT hợp nhất đạt 20.946 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2021.
- Năm 2022 VietinBank tiếp tục chủ động tiết giảm chi phí và quản lý tốt chất lượng tài sản, tạo điều kiện tăng trưởng tín dụng và các SPDV ngân hàng hiện đại, triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất cho vay, giúp khách hàng tiếp cận được nguồn vốn tín dụng và các SPDV ngân hàng với chi phí thấp, đáp ứng tối ưu nhu cầu tài chính của nền kinh tế. VietinBank định hướng tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các ngành nghề, doanh nghiệp có lợi thế và tiềm năng phát triển, thuộc đối tượng được Chính phủ, NHNN ưu tiên khuyến khích; Phân bổ nguồn lực vào các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng hành cùng các vùng và các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước; Kiểm soát chặt tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tập trung phát triển nguồn lao động chất lượng cao cho các nghiệp vụ cốt lõi; chủ động trong nhận diện và đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ nhân tài (VietinBank Top 500). Ứng dụng công nghệ gia tăng tự động hóa thúc đẩy năng suất lao động, thay đổi phương thức làm việc linh hoạt ứng dụng công nghệ, đặc biệt trong giai đoạn yêu cầu giãn cách do dịch bệnh. Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động được kiểm soát.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi sau đại dịch COVID-19 nhưng còn nhiều khó khăn, thách thức. Nhiều yếu tố rất phức tạp, khó lường, khó dự báo hay thậm chí vượt qua dự báo xuất hiện, làm chậm đi quá trình phục hồi, đẩy kinh tế toàn cầu đối diện với nguy cơ suy thoái. Tổng cầu yếu, chi phí sản xuất gia tăng kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, thương mại bị thu hẹp. Tăng trưởng kinh tế thấp ở nhiều quốc gia phát triển, một số thậm chí đã bắt đầu rơi vào suy thoái kỹ thuật như khu vực Eurozone, New Zealand... Lạm phát, nhất là tại Mỹ, châu Âu, tuy đã hạ nhiệt nhưng áp lực giá cả hàng hóa tại nhiều quốc gia còn lớn khiến các ngân hàng trung ương trên thế giới phải tiếp tục chính sách tiền tệ thắt chặt, giữ lãi suất ở mức cao. Hệ thống tài chính, ngân

hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro sau sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Mỹ và Thụy Sĩ. Kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại nhưng phục hồi không như kỳ vọng; giá năng lượng, thực phẩm biến động mạnh; xu hướng bảo hộ, phòng thủ thương mại gia tăng... Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự Nga - Ukraine kéo dài; xung đột giữa Israel - Palestine. An ninh phi truyền thống đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ đến ổn định kinh tế, chính trị. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại lớn ở nhiều quốc gia...

Tại Việt Nam, Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011 - 2023. Nhằm hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế, NHNN đã 04 lần điều chỉnh giảm lãi suất để giúp doanh nghiệp và người dân tăng khả năng tiếp cận vốn, góp phần phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chính sách tiền tệ định hướng duy trì nới lỏng và linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, tăng trưởng tín dụng 14% theo đúng định hướng từ đầu năm. Chính phủ và các bộ ban ngành cũng đã ban hành nhiều thông tư, quyết định nhằm gỡ rối cho thị trường BĐS, cho các doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn vay. ...

9 tháng đầu năm 2023, đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và nước ngoài, VietinBank vẫn đạt được nhiều kết quả khả quan: tổng tài sản hợp nhất đạt 1.888,34 nghìn tỷ đồng, tăng 7,86% so với thời điểm cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận trước thuế đạt 17,40 nghìn tỷ đồng, tăng 10,38% so với thời điểm cùng kỳ năm 2022. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay 9 tháng đầu năm 2023 được kiểm soát ở mức 1,37%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 174%.

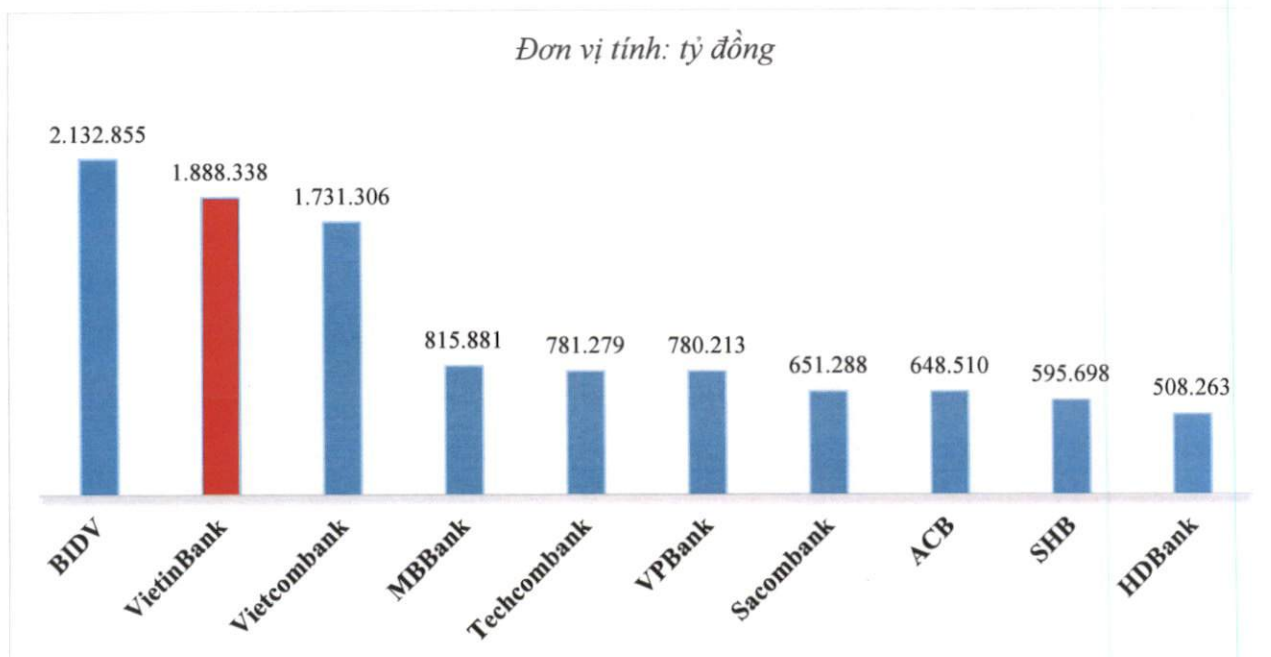
8. Vị thế của VietinBank so với các ngân hàng khác trong ngành

8.1 Vị thế của VietinBank trong ngành:

VietinBank là một trong số ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tổng tài sản và lợi nhuận. Tính tới thời điểm 30/09/2023, tổng tài sản của VietinBank lớn thứ hai trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với giá trị là 1.888,34 nghìn tỷ đồng. Xét về lợi nhuận, VietinBank đứng thứ tư trên thị trường, với giá trị LNST hợp nhất 9 tháng đầu năm 2023 đạt 13,99 nghìn tỷ đồng.

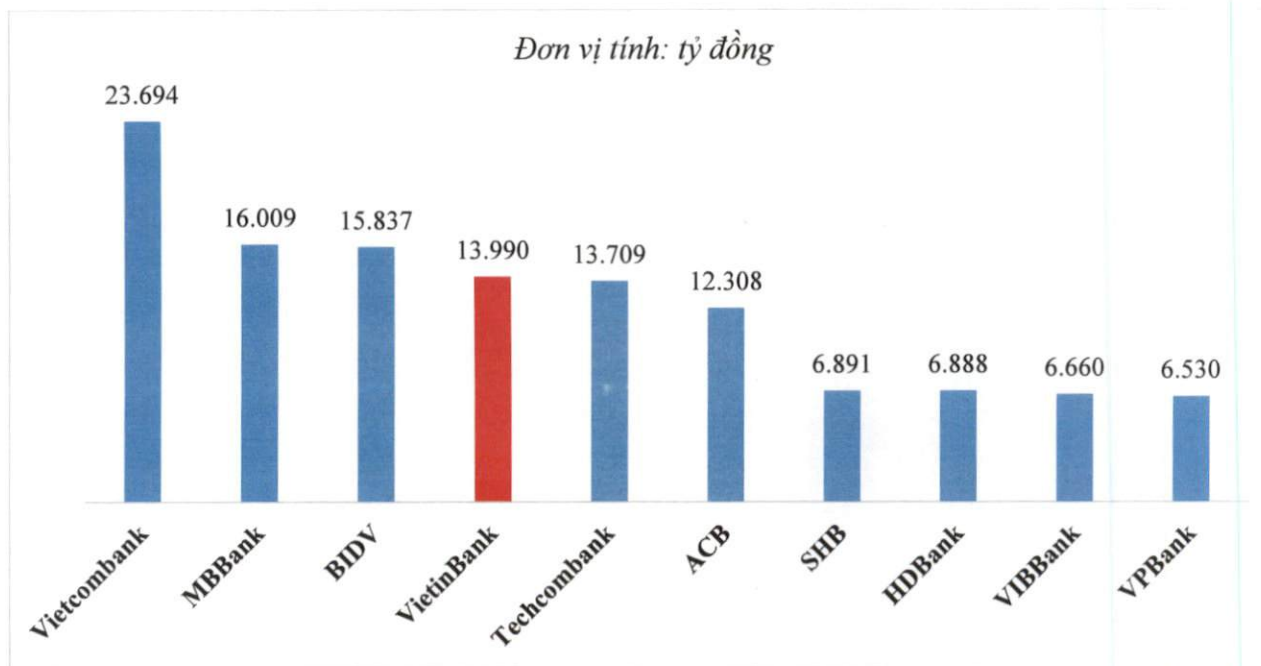
[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

**Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm 30/09/2023**



(Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của các ngân hàng)

**Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
có LNST lớn nhất 9 tháng đầu năm 2023**



(Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của các ngân hàng)

8.2 Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng:

Năm 2022, hệ quả từ các gói kích thích kinh tế trước đó và xung đột tại Ukraine, lạm phát toàn cầu tăng nhanh, khiến NHTW các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng nhanh lãi suất, khiến tỷ giá biến động, rủi ro tài chính – tiền tệ toàn cầu gia tăng. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó, khi mà NHNN phải nâng lãi suất điều hành, can thiệp thị trường ngoại hối, thực

my R

hiện nghiệp vụ thị trường mở,... để giảm áp lực tỷ giá và kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành, chính sách linh hoạt và phối hợp đồng bộ, thị trường tài chính Việt Nam đã cơ bản ổn định trở lại, góp phần tăng khả năng cung ứng vốn, đầu tư và phân bổ vốn cho nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô.

Sang năm 2023, trước bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái nhẹ, tăng trưởng chậm lại với giá cả, lạm phát đã dịu đi, tỷ giá ổn định hơn và lãi suất chững lại, nhưng còn ở mức cao, thị trường tài chính, ngân hàng có nhiều rủi ro tiềm ẩn, nhất là sau sự cố sụp đổ của một số ngân hàng Mỹ và Thụy Sĩ, dù đã được khoanh vùng xử lý. Kinh tế Việt Nam dự báo tăng trưởng chậm lại (5,5 – 6%) với lạm phát có thể sẽ cao hơn năm 2022 (4-4,5%).

Trong bối cảnh đó, chính sách tiền tệ của NHNN đã và đang chủ động, linh hoạt, thích ứng, ưu tiên hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, hạ dần lãi suất nhưng không chủ quan với lạm phát. Chính sách tài khóa mở rộng, có trọng tâm, trọng điểm với việc thúc đẩy giải ngân đầu tư công, tiếp tục một số chính sách giãn, hoãn, giảm thuế, phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, kích thích tăng trưởng.

"Các điều chỉnh chính sách như việc Chính phủ ban hành Nghị định 08/2023/NĐ-CP về phát hành TPDN riêng lẻ, Nghị quyết 33/2023/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững, Nghị định 10/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số nghị định hướng dẫn Luật đất đai, Đề án phát triển nhà ở xã hội... được kỳ vọng ổn định và lành mạnh hóa thị trường chứng khoán, BĐS nhưng cần theo dõi sát sao và phản ứng chính sách kịp thời vì rủi ro tài chính – ngân hàng toàn cầu gia tăng cũng như những tồn tại trên thị trường tài chính, BĐS cần thời gian để khắc phục..." - nhóm nghiên cứu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) nhận định tại Hội thảo công bố Báo cáo "Thị trường tài chính Việt Nam 2022 và triển vọng 2023" ngày 20/04/2023.

Bên cạnh đó, theo nhận định của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS), năm 2023 lợi nhuận các Ngân hàng sẽ kém tích cực, dự báo tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 13% – 15% khi lãi suất cho vay tăng mạnh, các rủi ro liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp và các yếu tố vĩ mô như lạm phát, tỷ giá và bất ổn chính trị trên thế giới vẫn tiếp diễn. Nợ xấu có xu hướng gia tăng do sự đóng băng của thị trường BĐS và sức khỏe tài chính của doanh nghiệp cũng như người vay tiền có xu hướng yếu đi trong môi trường lãi suất cao, tuy nhiên có sự phân hóa giữa các nhóm ngân hàng khi các nhóm ngân hàng có rủi ro là các ngân hàng (1) có tỷ trọng cho vay BĐS và trái phiếu doanh nghiệp cao và (2) có tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp. VCBS cũng dự báo LNTT toàn ngành ngân hàng sẽ giảm tốc trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 10%, trong đó một số ngân hàng thuộc nhóm quy mô nhỏ có thể ghi nhận suy giảm mạnh về tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2023.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và HĐKD của các ngân hàng trong ngành (tại 30/09/2023)

So sánh một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/09/2023 của VietinBank so với một số ngân hàng lớn đang niêm yết

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí/ Mã cổ phiếu niêm yết của các ngân hàng	CTG	BID	VCB	MBB	VPB	TCB
Vốn điều lệ	48.058	50.585	55.891	52.141	67.434	35.172
Vốn chủ sở hữu	122.005	119.088	159.244	91.763	109.992	127.130
Tiền gửi của khách hàng	1.310.324	1.583.544	1.349.007	479.733	421.472	409.045

Tiêu chí/ Mã cổ phiếu niêm yết của các ngân hàng	CTG	BID	VCB	MBB	VPB	TCB
Cho vay khách hàng	1.386.280	1.653.452	1.189.831	536.302	521.566	475.606
Tổng thu nhập hoạt động	52.184	52.422	51.765	35.556	36.402	29.044
Lợi nhuận sau thuế	13.990	15.837	23.694	16.009	6.530	13.709

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của các ngân hàng)

Trong số các ngân hàng trên thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nằm trong top đầu các ngân hàng có quy mô vốn, tài sản, tiền gửi/cho vay khách hàng và lợi nhuận cao.

8.4 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VietinBank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:*

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì VietinBank với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua việc đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại nhiều kết quả bứt phá.

- **Đổi mới mô hình tăng trưởng:** từ dựa vào lợi thế quy mô là chính, đến nay VietinBank đã có bước chuyển mình để tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng mảng khách hàng bán lẻ và SME.
- **Thay đổi phương thức kinh doanh:** VietinBank đã chuyển sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng/nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết thay vì cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng như trước kia.
- **Quản trị chi phí hiệu quả:** Hoạt động quản trị tài chính của Ngân hàng được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và có hiệu quả hơn.
- **Quản lý tốt chất lượng tài sản:** Trong thời gian qua, VietinBank đã tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro. Đối với những tài sản có rủi ro, Ngân hàng nhanh chóng đưa ra những phương án để tập trung quản trị đạt hiệu quả tối đa.
- **Kiến toàn mô hình cơ cấu tổ chức:** Bộ máy tổ chức được cơ cấu tinh gọn, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả trong mạng lưới.

Cùng với thế giới không ngừng chuyển mình với xu thế số hóa, VietinBank với những thế mạnh của mình đã không ngừng phát triển để sở hữu nền tảng và giải pháp công nghệ hiện đại bậc nhất như: xây dựng hệ thống CoreBanking hiện đại, phát triển các sản phẩm dịch vụ công nghệ tiện ích cho khách hàng mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao.

9. Chính sách đối với người lao động

- ❖ **Số lượng người lao động:** tính đến thời điểm ngày 30/09/2023, tổng số cán bộ, nhân viên tại VietinBank (hợp nhất) là 24.641 người, giảm 478 người so với đầu năm 2023; trong đó, số lượng cán bộ nhân viên tại công ty mẹ là 22.386 người, giảm 493 người so với đầu năm 2023.

❖ **Chính sách đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đãi ngộ khen thưởng, tuyển dụng**

✓ **Chính sách đào tạo**

Vietinbank luôn đề cao tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững của hệ thống. Đào tạo được đưa vào danh mục quyền lợi đối với tất cả cán bộ trong toàn hệ thống. Cán bộ được đào tạo thường xuyên kết hợp bởi các hình thức: Đào tạo tập trung, đào tạo tại đơn vị, đào tạo gắn liền với kèm cặp trong công việc (On job training)... giúp thuận tiện cho học viên trong công tác bố trí tham gia đào tạo cũng như thực hiện công tác chuyên môn. Nội dung khóa học phong phú, bám sát với nhu cầu đào tạo của các đơn vị nghiệp vụ và có tính ứng dụng cao trong công việc: Chương trình kỹ năng Lãnh đạo cấp trung vị trí TP/PP TSC, GD/PGD chi nhánh, TP/PP CN, chương trình Lãnh đạo đột phá dành cho Top 500, các chương trình đào tạo bắt buộc dành cho cán bộ mới, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nghiệp vụ theo khung năng lực của từng vị trí công việc. Hiệu quả đào tạo được đo lường cụ thể thông qua thực hiện các cam kết ứng dụng và xây dựng kế hoạch hành động sau đào tạo. Mức độ hài lòng đối với chất lượng khóa học của học viên trung bình trong năm đạt 95%.

✓ **Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ**

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công việc đối với cán bộ VietinBank được triển khai theo hướng hiệu quả, thiết thực. VietinBank chủ động nhận diện sớm cán bộ tiềm năng, tập trung phát triển nguồn lực và giữ chân nhân tài, chủ động xây dựng nguồn Lãnh đạo kế cận đối với các vị trí chủ chốt, nhận diện và bố trí nhân sự có năng lực đáp ứng yêu cầu theo vị trí công việc.

✓ **Chính sách đánh giá cán bộ**

Đánh giá cán bộ là cơ sở để đào tạo, phát triển, quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân sự và chi trả lương thưởng, đãi ngộ xứng đáng với đóng góp của CBNV đối với Ngân hàng. Là một trong các đơn vị tiên phong áp dụng hệ thống KPI trong đánh giá hiệu quả công việc từ năm 2013, VietinBank luôn chú trọng cải tiến công tác đánh giá hiệu quả công việc. Hệ thống Thẻ điểm cân bằng (BSC) được rà soát hàng năm đảm bảo bám sát với mục tiêu chiến lược của VietinBank và có tính định lượng/thúc đẩy/cải tiến mục tiêu công tác của các khối/phòng ban/đơn vị/người lao động qua các năm. Dữ liệu đo lường KPI được tự động hóa từng bước, giảm thiểu tác nghiệp thủ công và sai sót dữ liệu. Cùng với kết quả đánh giá KPI, VietinBank đã triển khai đánh giá năng lực của cán bộ nhằm bổ sung tính rõ ràng/minh bạch trong đánh giá, xếp loại cán bộ; bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực đã đem lại hiệu quả trong định hướng hành vi năng lực của cán bộ để phấn đấu tới các cấp bậc cao hơn trong lộ trình công việc.

✓ **Chính sách đãi ngộ, khen thưởng**

Từ năm 2018, Quy chế chi trả tiền lương của VietinBank được ban hành mới, theo đó hệ thống tiền lương được xây dựng theo thông lệ quốc tế dựa trên nguyên tắc 3Ps (pay for position (P1) – trả lương theo vị trí công việc; pay for people (P2) – trả lương theo năng lực cá nhân và pay for performance (P3) – trả lương theo kết quả thực hiện công việc) nhằm 03 mục tiêu chính: (i) Đảm bảo ổn định tiền lương hàng tháng, hàng quý, hàng năm của người lao động; (ii) Tạo động lực đối với người lao động để nâng cao năng suất lao động; (iii) Linh hoạt trong công tác xếp lương, nâng lương hàng năm. Cùng với Quy chế tiền lương, VietinBank đã ban hành quy định Chế độ đãi ngộ phúc lợi tổng nhằm thể hiện sự quan tâm và ghi nhận những đóng góp của người lao động trong hệ thống VietinBank. Bên cạnh các chế độ đãi ngộ tổng thể, VietinBank còn xây dựng các chế độ đãi ngộ vượt trội dành cho cán bộ đạt thành tích cao, cán bộ nhân tài VietinBank Top 500 và các cán bộ đảm nhiệm các vị trí chủ chốt nhằm ghi nhận sự đóng góp với các cán

M
A

bộ có năng lực, thành tích cao, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ, tăng sự gắn kết và giữ chân nhân tài.

✓ *Chính sách tuyển dụng*

VietinBank là đơn vị đi tiên phong trong tổ chức công tác tuyển dụng công khai trên diện rộng nhằm lựa chọn các ứng viên được đào tạo bài bản, có năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu công việc. Định kỳ hằng năm, Trụ sở chính VietinBank chủ động triển khai hoạt động tuyển dụng về nguồn lực cho các đơn vị thông qua: (i) Kiểm soát chỉ tiêu tuyển dụng theo định biên đối với từng đơn vị, tập trung tuyển dụng cho các bộ phận trọng yếu; (ii) Sắp xếp bố trí lại nhân sự giữa các đơn vị thừa, thiếu phù hợp; (iii) Thúc đẩy nhanh, liên tục quy trình tuyển dụng Chi nhánh nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho các hoạt động kinh doanh.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank

10.1. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VietinBank, chính sách phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của VietinBank trong 03 năm gần nhất:

Hình thức trả cổ tức	Cổ tức năm 2022	Cổ tức năm 2021	Cổ tức năm 2020
Cổ tức bằng tiền mặt	Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2022 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 11.521.154 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 ngày 21/04/2023).	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2021 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 9.624.338 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 ngày 29/04/2022 và đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua phương án chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016).	8% vốn điều lệ, tương đương 3.844,6 tỷ đồng. Ngày thanh toán: 17/01/2022.
Cổ tức bằng cổ phiếu			Tỷ lệ thực hiện quyền: 11,7415%. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 564.241.139 cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành: 01/12/2023.

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của VietinBank

❖ Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng HĐKD, tùy từng thời điểm VietinBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ Thứ tự ưu tiên thanh toán

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Niêm Yết. Trong trường hợp VietinBank bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi VietinBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Nguyên tắc hạch toán kế toán

VietinBank thiết lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các TCDN tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Do quy mô hoạt động của ngân hàng rất lớn, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12;
- Ngoại tệ: Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập BCTC, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó. Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động.
- Dự phòng cụ thể: Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng cụ thể theo kết quả phân loại nhóm nợ tương ứng tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

- Dự phòng chung: Ngân hàng thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại TCTD nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 (Thông tư 11) của NHNN.
- Các khoản đầu tư:
 - + Chứng khoán kinh doanh: là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua hẫng và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu.
 - + Chứng khoán đầu tư:

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán: bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được nắm giữ với mục đích đầu tư sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng (và/hoặc công ty con) không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia HĐQT/Ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: là các chứng khoán nợ được mua hẫng với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẫng trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại
 - + Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

- + Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên BCTC. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Thời gian khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25
Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác	03 - 08

Quyền sử dụng đất của VietinBank được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

❖ **Trích lập các quỹ**

VietinBank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VietinBank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ LNST của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của VietinBank:

STT	Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2022 (*)	Năm 2021 (**)
1	LNST riêng lẻ	16.379	13.622
2	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	819	681
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	1.638	1.362
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.315	1.955
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	11.521	9.624
6	Chia cổ tức bằng tiền mặt/cổ phiếu	VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, số tiền 11.521 tỷ đồng	VietinBank dự kiến sử dụng toàn bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ năm 2021 để chia cổ tức, số tiền 9.624 tỷ đồng
7	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)		

(Nguồn: VietinBank)

M
A

Ghi chú:

(*) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank: (i) Quyết định và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (ii) Quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2023 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2022 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành.

(**) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 và đang trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank (i) quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2022 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2021 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành; (ii) quyết định Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 (phương án đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

❖ **Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được VietinBank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Số đã nộp trong kỳ			
	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng đầu năm 2023
a) Các khoản phải thu				
Thuế TNDN	0	2	-	0
Các loại thuế khác	0	0	-	10
Tổng	0	2	-	10
b) Các khoản phải trả				
Thuế GTGT	655	1.022	56,1%	559
Thuế TNDN	4.001	1.909	-52,3%	4.650
Các loại thuế khác	957	1.084	13,3%	1.038
Tổng	5.612	4.015	-28,5%	6.247

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	Số đã nộp trong kỳ			
	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	9 tháng đầu năm 2023
Thuế GTGT	544	903	66,0%	469
Thuế TNDN	3.848	1.731	-55,0%	4.523
Các loại thuế khác	856	974	13,7%	943

MK
FL

Tổng	5.248	3.608	-31,2%	5.935
-------------	--------------	--------------	---------------	--------------

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý III/2023 tự lập của VietinBank)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
1. Quy mô vốn				
+ Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	48.058	48.058	48.058	48.058
+ Tổng tài sản có (Tỷ đồng)	1.531.587	1.808.430	1.515.618	1.793.240
+ Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	9,14%	8,98%	8,98%	8,90%
2. Kết quả HĐKD				
+ Huy động tiền gửi khách hàng (Tỷ đồng)	1.161.848	1.249.176	1.159.761	1.247.162
+ Dư nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng)	1.130.668	1.274.822	1.120.063	1.264.177
+ Doanh số thu nợ khách hàng (Tỷ đồng) (**)	n/a	n/a	2.077.069	2.230.184
+ Nợ quá hạn (Tỷ đồng)	26.203	45.759	26.098	45.458
+ Nợ xấu (Nợ khó đòi) (Tỷ đồng)	14.301	15.801	14.252	15.710
+ Hệ số sử dụng vốn (Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn) (***)	n/a	n/a	24,34%	25,67%
+ Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	0,015%	0,004%	0,015%	0,004%
+ Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	2,32%	3,59%	2,33%	3,60%
+ Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ	1,26%	1,24%	1,27%	1,24%
3. Khả năng thanh khoản (***)				
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	n/a	n/a	13,32%	15,07%
+ Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	n/a	n/a	81,90%	81,85%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản vay đáo hạn, nợ quá hạn thu hồi được từ đầu kỳ đến thời điểm báo cáo; chi bao gồm cho vay và không bao gồm thẻ và trái phiếu doanh nghiệp.

(***) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của VietinBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

n/a: Không áp dụng

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

12. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Ông	Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2. Ông	Lê Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT
3. Ông	Trần Văn Tấn	- Thành viên HĐQT
4. Bà	Trần Thu Huyền	- Thành viên HĐQT
5. Ông	Koji Iriguchi	- Thành viên HĐQT
6. Ông	Masashige Nakazono	- Thành viên HĐQT
7. Bà	Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
8. Ông	Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
9. Ông	Nguyễn Đức Thành	- Thành viên HĐQT
10. Bà	Nguyễn Thị Bắc	- Thành viên độc lập HĐQT

12.1.1. Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Minh Bình**

Ngày sinh: 07/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011762154, Ngày cấp 04/01/2006, Nơi cấp Công an Hà Nội (theo danh sách chốt của VSDC)
C3446628, Ngày cấp 08/06/2017, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 1995 đến 1996	Nhân viên kinh doanh, Công ty Goldsun
Từ 1997 đến 12/1998	Nhân viên tư vấn, Công ty Tư vấn Sealine Consultant
Từ 11/1999 đến 07/2002	Nhân viên Phòng Thanh toán quốc tế VietinBank
Từ 08/2002 đến 04/2005	Thư ký Văn phòng Tổng giám đốc VietinBank
Từ 05/2005 đến 12/2007	Phó phòng Dịch vụ Thẻ VietinBank
Từ 01/2008 đến 07/2010	Bí thư Chi bộ - Giám đốc Trung tâm thẻ VietinBank
Từ 08/2010 đến 12/2011	- Trưởng Phòng Đầu tư VietinBank; - Thành viên Ban kiểm soát, kiêm thành viên HĐTV Công ty Cho thuê Tài chính NHCT VN
Từ 01/2012 đến 05/2012	Giám đốc VietinBank- Chi nhánh Nguyễn Trãi
Từ 05/2012 đến 09/2012	Phó Giám đốc VietinBank- Chi nhánh Hà Nội
Từ 09/2012 đến 12/2013	Bí thư Đảng ủy - Giám đốc VietinBank- Chi nhánh Hà Nội

MH

Từ 12/2013 đến 27/05/2014	- Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường VietinBank; Giám Trưởng phòng Thị trường Vốn VietinBank - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ NHCT VN
Từ 28/05/2014 đến 08/1/2017	- Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường VietinBank; - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ NHCT VN (đến tháng 06/2016)
Từ 09/01/2017 đến 08/08/2018	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng VietinBank
Từ 09/08/2018 đến 30/10/2018	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng VietinBank.
Từ 31/10/2018 đến 07/12/2018	Quyền Tổng giám đốc VietinBank
Từ 08/12/2018 đến 06/09/2021	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc VietinBank
Từ 07/09/2021 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3.468 cổ phiếu, chiếm 0,000065% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.384.670.513 cổ phiếu, chiếm 25,79% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.370,32 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ 01/01/2021 – 06/09/2021 và Chủ tịch HĐQT từ 07/09/2021 – 31/12/2021)	2.461,19 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.2. Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lê Thanh Tùng**
Ngày sinh: 08/09/1978
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001078040200, Ngày cấp 29/11/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Paris Dauphine CFGV
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 08/2001 đến 06/2002	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán Arthur Andersen
Từ 07/2002 đến 09/2002	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán KPMG
Từ 02/2003 đến 09/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ và Ngân hàng điện tử VietinBank
Tháng 10/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ VietinBank
Từ 11/2006 đến 10/2007	Thư ký TGD VietinBank
Từ 11/2007 đến 09/2008	Thư ký HĐQT VietinBank
Từ 10/2008 đến 01/2010	Phó phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo VietinBank
Từ 02/2010 đến 09/2010	Phó phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank
Từ 09/2010 đến 08/2011	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank
Từ 08/2011 đến 01/2013	- Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank; - Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
Từ 01/2013 đến 08/2013	- Giám đốc Khối QLRR VietinBank; - Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
Từ 08/2013 đến 10/2013	- Giám đốc Khối QLRR VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
Từ 10/2013 đến 05/2014	- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối QLRR VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
Từ 05/2014 đến 04/2016	Chánh Văn phòng, NHNN
Từ 04/2016 đến 06/2016	Vụ trưởng, Trợ lý Thống đốc NHNN
Từ 06/2016 đến 11/2017	Vụ trưởng, Thư ký Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 11/2017 đến 02/2021	Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 02/2021 đến 10/2021	Trợ lý nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 03/11/2021 đến nay	Thành viên HĐQT VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.038.502.885 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
299,77 triệu đồng (cho giai đoạn từ 03/11/2021 – 31/12/2021)	1.592,98 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.3. Ông Trần Văn Tần - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Văn Tần**
 Ngày sinh: 02/11/1968
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 035068000005, Ngày cấp 09/09/2022, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 12/1998 đến 01/2001	Phó Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 02/2001 đến 04/2008	Trưởng Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 05/2008 đến 10/2013	Trưởng Phòng Tín dụng, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 11/2013 đến 03/2017	Trưởng Phòng Tín dụng ngành nông nghiệp, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
Từ 04/2017 đến 04/2019	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
Từ 23/04/2019 đến 04/07/2021	Thành viên HĐQT VietinBank
Từ 05/07/2021 đến 06/09/2021	Thành viên phụ trách HĐQT VietinBank
Từ 07/09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.038.502.885 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.497,14 triệu đồng	1.620,70 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.4. Bà Trần Thu Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Thu Huyền**
 Ngày sinh: 20/11/1977
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019177000052, Ngày cấp 24/03/2023, Nơi cấp Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 04/2001 đến 05/2003	Cán bộ kiểm tra VietinBank - Chi nhánh Thái Nguyên
Từ 06/2003 đến 02/2006	Cán bộ Phòng Kinh doanh VietinBank - Chi nhánh Thái Nguyên
Từ 02/2006 đến 01/2010	Cán bộ Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank
Từ 01/2010 đến 03/2012	Phó Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank
Từ 03/2012 đến 23/07/2014	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank
Từ 24/07/2014 đến 31/03/2015	Thành viên HĐQT VietinBank
Từ 01/04/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 57.931 cổ phiếu, chiếm 0,00108% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.028,77 triệu đồng	2.123,91 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.5. Ông Koji Iriguchi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Koji Iriguchi

Ngày sinh: 11/04/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TR3481984, Ngày cấp 30/06/2016, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Luật, Đại học Meiji, Tokyo, Nhật Bản

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 04/1998 đến 10/2000	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Chi nhánh Hatchobori Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2000 đến 10/2002	Cán bộ Phân tích tín dụng doanh nghiệp, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Phòng Tín dụng Doanh nghiệp Tokyo, Nhật Bản

Từ 10/2002 đến 11/2003	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Chi nhánh Shinjuku Tokyo, Nhật Bản
Từ 11/2003 đến 10/2004	Cán bộ Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản
Từ 10/2004 đến 12/2005	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản
Từ 01/2006 đến 07/2010	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Tokyo, Nhật Bản (MUFG Bank, Ltd.)
Từ 07/2010 đến 02/2013	Trưởng phòng Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Chi nhánh New York, New York, Hoa Kỳ
Từ 02/2013 đến 04/2015	Giám đốc Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Chi nhánh New York, New York, Hoa Kỳ
Từ 04/2015 đến 04/2018	Giám đốc Kế hoạch kinh doanh toàn cầu, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, Tokyo, Nhật Bản
Từ 05/2018 đến 04/2022	Giám đốc điều hành Xúc tiến kinh doanh, Ngân hàng Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ Ltd., Phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 10, Tokyo, Nhật Bản
Từ 05/2022 đến nay	Đồng Trưởng phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch Tài chính (từ ngày 01/05/2022 – 22/05/2022) VietinBank; Đồng Trưởng phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính kiêm Đồng Trưởng ban Chiến lược và Quản trị thay đổi (từ ngày 23/05/2022 đến nay) VietinBank
Từ 02/06/2023 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có (*).

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản	Lợi ích khác
Năm 2022	Cổ tức
Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (**)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, đại diện vốn của cổ đông lớn, MUFG Bank, Ltd., là:

- Ông Satoshi Watanabe: Đồng Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược.
- Ông Kenki Nishikawa: Đồng Trưởng phòng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO) kiêm Đồng Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư.

(**) Ông Koji Iriguchi không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Koji Iriguchi là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd. và VietinBank.

12.1.6. Ông Masashige Nakazono - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Masashige Nakazono**
 Ngày sinh: 07/05/1975
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TS2318688, Ngày cấp 19/12/2018, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản.
 Quốc tịch: Nhật Bản
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Luật, Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản; Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Wharton thuộc Trường Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 04/1998 đến 11/2000	Cán bộ ngân hàng, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd., Chi nhánh Honjo, Tokyo, Nhật Bản
Từ 11/2000 đến 07/2005	Cán bộ ngân hàng, Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd., Tokyo, Nhật Bản
Từ 07/2005 đến 06/2006	Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Sản phẩm Tài chính, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi Ltd., Tokyo, Nhật Bản
Từ 07/2006 đến 06/2008	Sinh viên Thạc sỹ, Trường Wharton thuộc Trường Đại Học Pennsylvania, Bang Pennsylvania, Hoa Kỳ
Từ 07/2008 đến 01/2013	Phó Phòng, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa (Securitization Group), Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. Chi nhánh New York, Hoa Kỳ
Từ 02/2013 đến 06/2014	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa (Securitization Group), Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Chi nhánh New York, Hoa Kỳ
Từ 07/2014 đến 03/2018	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Tokyo, Nhật Bản
Từ 04/2018 đến 06/2018	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản (trước đây là Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.)
Từ 07/2018 đến 02/2019	Giám đốc Điều hành, Trưởng phòng Kế hoạch Toàn cầu, Bộ phận Kế hoạch Doanh nghiệp, Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản
Từ 02/2019 đến 03/2021	Giám đốc Điều hành, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, Ngân Hàng MUFG Bank, Ltd., Chi nhánh Singapore, Singapore
Từ 03/2021 đến 15/04/2021	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, Ngân Hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản
Từ 16/04/2021 đến nay	- Thành viên HĐQT VietinBank;

	- Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
--	--

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch - Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu (*): Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản		Lợi ích khác
Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Cổ tức
Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (**)		Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Ghi chú:

(*) Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, đại diện vốn của cổ đông lớn, MUFG Bank, Ltd., là:

- Ông Satoshi Watanabe: Đồng Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược.
- Ông Kenki Nishikawa: Đồng Trưởng phòng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO) kiêm Đồng Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư.

(**) Ông Masashige Nakazono không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Masashige Nakazono là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd., và VietinBank.

12.1.7. Bà Phạm Thị Thanh Hoài - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Thị Thanh Hoài**

Ngày sinh: 29/10/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019178000338, Ngày cấp 22/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 03/2001 đến 07/2001	Cán bộ tư vấn, Công ty tư vấn tài chính kế toán kiểm toán Việt Nam
Từ 08/2001 đến 12/2002	Cán bộ Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 02/2003 đến 10/2003	Nhân viên, Phòng Tín dụng trung dài hạn và Quản lý dự án VietinBank
Từ 11/2003 đến 10/2008	Nhân viên, Phòng Chế độ tín dụng, Đầu tư VietinBank
Từ 11/2008 đến 10/2009	Phó Phòng Chế độ Tín dụng, Đầu tư VietinBank
Từ 10/2009 đến 04/2010	Phó Phòng Đầu tư VietinBank
Từ 04/2010 đến 08/2010	Phó phụ trách Phòng Đầu tư VietinBank
Từ 08/2010 đến 01/2012	Phó Phòng Đầu tư VietinBank
Từ 01/2012 đến 03/2013	Phó phụ trách Phòng Đầu tư VietinBank
Từ 04/2013 đến 04/2014	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn VietinBank
Từ 05/2014 đến 05/2016	- Trưởng Phòng Kinh doanh vốn – Khối Kinh doanh vốn và thị trường VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
Từ 05/2016 đến 04/2019	- Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế - Khối KHDN VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
Từ 04/2019 đến 10/2021	Thành viên HĐQT VietinBank
Từ 06/10/2021 đến nay	- Thành viên HĐQT VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 131 cổ phiếu, chiếm 0,000002% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.466,90 triệu đồng	1.592,98 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.8. Ông Nguyễn Thế Huân - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thế Huân

Ngày sinh: 19/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019074000322, Ngày cấp 25/12/2018, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Luật, Ngôn ngữ, Kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 12/1995 đến 12/2003	Cán bộ tín dụng, Phòng Kinh doanh đối nội, VietinBank – Chi nhánh Ba Đình
Từ 01/2004 đến 08/2004	Cán bộ tín dụng, Phòng KHDN lớn, VietinBank – Chi nhánh Ba Đình
Từ 09/2004 đến 02/2006	Phó Trưởng Phòng, Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Ba Đình
Từ 03/2006 đến 11/2008	Trưởng Phòng, Phòng KHDN vừa & nhỏ, VietinBank Chi nhánh Ba Đình
Từ 12/2008 đến 08/2009	Phó phòng, Phòng Xây dựng & Quản lý ISO VietinBank
Từ 09/2009 đến 03/2010	Phó Phòng, Phòng KHCN VietinBank
Từ 04/2010 đến 06/2011	Phó giám đốc, VietinBank Chi nhánh Bắc Giang
Từ 07/2011 đến 03/2012	Phó trưởng Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ VietinBank
Từ 04/2012 đến 03/2013	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán tuân thủ VietinBank
Từ 04/2013 đến 03/2015	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ VietinBank
Từ 04/2015 đến 04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát VietinBank
Từ 23/04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.746,24 triệu đồng	1.825,81 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.9. Ông Nguyễn Đức Thành – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Đức Thành

Ngày sinh: 08/09/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011070000015, Ngày cấp 24/4/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 11/1994 đến 12/1998	Chuyên viên Vụ Châu Phi-Tây Á-Nam Á, Bộ Thương mại cũ (nay là Bộ Công thương)
Từ 12/1998 đến 03/2002	Tùy viên Thương mại - Đại Sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ả Rập Ai Cập
Từ 03/2002 đến 08/2002	Chuyên viên Vụ Châu Phi-Tây Á-Nam Á, Bộ Thương mại cũ (nay là Bộ Công thương)
Từ 08/2002 đến 04/2007	Phó Vụ trưởng – Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 04/2007 đến 08/2007	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 08/2007 đến 01/2010	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh – Bộ Công Thương
Từ 02/2010 đến 08/2012	Trưởng Phòng Định chế tài chính VietinBank
Từ 08/2012 đến 03/2014	- Phó Tổng giám đốc VietinBank; - Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm nhân thọ VietinBank – Aviva; - Chủ tịch HĐQT Công ty Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ 03/2014 đến 07/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm đồng Giám đốc Chi nhánh VietinBank tại Đức
Từ 07/2018 đến 08/2018	Phó Tổng Giám đốc VietinBank
Từ 08/2018 đến 12/2018	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường VietinBank
Từ 12/2018 đến 10/2021	- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường VietinBank; - Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
Từ 10/2021 đến 11/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường VietinBank
Từ 11/2021 đến 04/2022	Phó Tổng Giám đốc VietinBank

Handwritten signature/initials

Từ 29/04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT VietinBank
-----------------------	----------------------------

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Hoàng Việt Phương (Vợ): 07 cổ phiếu, chiếm 0,00000013% vốn điều lệ.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.841,38 triệu đồng	1.987,11 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Phó Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 28/04/2022 và Thành viên HĐQT từ 29/04/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.1.10. Bà Nguyễn Thị Bắc - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bắc**
 Ngày sinh: 12/10/1953
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001153025084, Ngày cấp 08/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Luật
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 1978 đến 1980	Giảng viên, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
Từ 1980 đến 1984	Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1984 đến 1988	Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1989 đến 1992	Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1992 đến 1994	Phó vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1994 đến 2002	Vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 07/2002 đến 07/2007	Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, Đại biểu Quốc hội khóa XI
Từ 08/2007 đến 11/2008	Chuyên viên cao cấp Văn phòng Quốc hội
Từ 01/2009 đến 02/2012	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 02/2012 đến 07/2014	Thành viên HĐQT độc lập VietinBank;

Handwritten signature/initials

	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 06/2019 đến 05/2020	Giám đốc Khối QLRR, Ngân hàng TNHH Indovina; kiêm Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 23/05/2020 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập VietinBank; - Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.464,40 triệu đồng	1.800,00 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Bà Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3.	Bà Phạm Thị Thơm	- Thành viên

12.2.1. Bà Lê Anh Hà - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Lê Anh Hà**

Ngày sinh: 02/11/1973

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001173018920, Ngày cấp 21/01/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 02/1995 đến 06/1995	Cán bộ tín dụng, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội
Từ 07/1995 đến 10/2003	Cán bộ tín dụng, VietinBank
Từ 11/2003 đến 03/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng VietinBank
Từ 03/2005 đến 02/2006	Trưởng Phòng Quản lý và khai thác nguồn vốn VietinBank
Từ 03/2006 đến 10/2009	Trưởng Phòng QLRR tín dụng, đầu tư VietinBank
Từ 10/2009 đến 12/2011	Trưởng Phòng KHCN VietinBank

Từ 01/2012 đến 07/2013	Phó Giám đốc Trường Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực VietinBank
Từ 07/2013 đến 06/2014	Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ VietinBank
Từ 07/2014 đến 04/2019	Phó Giám đốc Khối QLRR kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ
Từ 23/04/2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 4.476 cổ phiếu, chiếm 0,000083% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.524,41 triệu đồng	1.588,50 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2.2. Bà Nguyễn Thị Anh Thu - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Thu

Ngày sinh: 24/05/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001176003755, Ngày cấp 08/08/2022, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Ngân hàng; Tiếng Anh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 11/1998 đến 12/2003	Cán bộ Phòng Kinh doanh, VietinBank – Chi nhánh Hoàn Kiếm
Từ 01/2004 đến 05/2005	Phó Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm
Từ 06/2005 đến 09/2006	Trưởng Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm
Từ 10/2006 đến 12/2006	Trưởng Phòng QLRR, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm
Từ 01/2007 đến 05/2012	Trưởng Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm
Từ 05/2012 đến 12/2012	Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ VietinBank
Từ 01/2013 đến 06/2014	Phó Phòng Kiểm soát giải ngân VietinBank
Từ 07/2014 đến 01/2015	Phó Phòng Phê duyệt tín dụng VietinBank
Từ 02/2015 đến 07/2015	Phó Phòng QLRR Tín dụng, Khối QLRR VietinBank
Từ 08/2015 đến 04/2019	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ VietinBank

Từ 23/04/2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát VietinBank
-----------------------	-------------------------------------

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.493 cổ phiếu, chiếm 0,000028% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.082,12 triệu đồng	1.173,86 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.2.3. Bà Phạm Thị Thơm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Thị Thơm**

Ngày sinh: 05/02/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037169000304, Ngày cấp 31/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 03/1991 đến 09/2001	Nhân viên Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 10/2001 đến 09/2003	Phó phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 10/2003 đến 12/2005	Trưởng phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 01/2006 đến 10/2006	Chuyên viên phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 11/2006 đến 12/2008	Phó phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 01/2009 đến 06/2009	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 06/2009 đến 04/2019	Thành viên Ban Kiểm soát VietinBank; Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 04/2019 đến 04/2021	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 16/04/2021 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

MH R

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thứ Tám (Anh trai): 13 cổ phiếu, chiếm 0,0000002% vốn điều lệ.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
623,14 triệu đồng (cho giai đoạn từ 16/04/2021 – 31/12/2021)	914,63 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3. Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Ông	Đỗ Thanh Sơn	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
2. Ông	Koji Iriguchi	- Phó Tổng Giám đốc
3. Ông	Trần Công Quỳnh Lâm	- Phó Tổng Giám đốc
4. Ông	Nguyễn Đình Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
5. Bà	Lê Như Hoa	- Phó Tổng Giám đốc
6. Ông	Lê Duy Hải	- Phó Tổng Giám đốc
7. Ông	Nguyễn Trần Mạnh Trung	- Phó Tổng Giám đốc
8. Ông	Hoàng Ngọc Phương	- Phó Tổng Giám đốc
9. Ông	Nguyễn Hải Hưng	- Kế toán trưởng

12.3.1. Ông Đỗ Thanh Sơn - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành

Họ và tên: **Đỗ Thanh Sơn**
 Ngày sinh: 23/02/1976
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 285211999, Ngày cấp: 09/09/2009, Nơi cấp: Công An Tỉnh Bình Phước
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Đại học, chuyên ngành Kế toán kiểm toán; Tiến sĩ, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 01/07/1998 đến 30/06/1999	Cán bộ thanh tra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Phước
Từ 01/07/1999 đến 31/07/2000	Nhân viên QHKKH, Phòng KHDN, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước
Từ 01/08/2000 đến 31/10/2003	Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước

Từ 01/11/2003 đến 05/01/2010	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước
Từ 06/01/2010 đến 05/12/2010	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh Bình Phước
Từ 06/12/2010 đến 20/11/2011	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh
Từ 21/11/2011 đến 02/04/2015	Giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh
Từ 03/04/2015 đến 05/05/2015	Người đại diện Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương
Từ 06/05/2015 đến 09/10/2022	Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương
Từ 10/11/2022 đến 31/08/2023	Phó Tổng Giám đốc VietinBank
Từ 01/09/2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 125 cổ phiếu, chiếm 0,0000023% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
0 triệu đồng (về làm việc tại VietinBank từ năm 2022)	420,26 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.2. Ông Koji Iriguchi - Phó Tổng Giám đốc (Xem Mục 12.1.5 ở trên)

12.3.3. Ông Trần Công Quỳnh Lâm – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Trần Công Quỳnh Lâm**
 Ngày sinh: 16/01/1979
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 290691924, Ngày cấp 02/12/2014, Nơi cấp Công an Tây Ninh
 Quốc tịch: Việt Nam

Handwritten initials: *MS Q*

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành CNTT

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 02/2001 đến 04/2003	Chuyên viên cao cấp Phân tích hệ thống, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2003 đến 04/2005	Trợ lý giám đốc, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2005 đến 04/2008	Trợ lý Phó Chủ tịch, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2008 đến 04/2012	Phó Chủ tịch (Vice President) CNTT, Ngân hàng bán lẻ (Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư), Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 05/2012 đến 03/2015	Giám đốc Trung tâm CNTT VietinBank
Từ 03/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.173,64 triệu đồng	2.262,02 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.4. Ông Nguyễn Đình Vinh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Đình Vinh

Ngày sinh: 30/09/1980

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040080000057, Ngày cấp 26/03/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 12/2002 đến 12/2005	Cán bộ Tín dụng, Phòng Kinh doanh, VietinBank – Chi nhánh Đồng Đa

Từ 01/2006 đến 12/2009	Chuyên viên Phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 12/2009 đến 06/2010	Phó phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 06/2010 đến 11/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 11/2011 đến 07/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Quang Trung
Từ 07/2012 đến 10/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hải Dương
Từ 10/2013 đến 06/2014	Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Khối QLRR VietinBank
Từ 07/2014 đến 07/2015	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Từ 07/2015 đến 11/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối KHDN VietinBank; Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
Từ 11/2018 đến 09/2019	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR VietinBank; Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
Từ 03/09/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO) VietinBank; Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.837,87 triệu đồng	1.920,96 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.5. Bà Lê Như Hoa - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Như Hoa

Ngày sinh: 23/11/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026169001195, Ngày cấp 08/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Kinh doanh quốc tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 05/1986 đến 02/1988	Nhân viên, NHNN Vĩnh Lạc - Vĩnh Phúc
Từ 03/1990 đến 07/1991	Nhân viên kế toán, VietinBank - Chi nhánh Vĩnh Phú
Từ 07/1991 đến 09/1991	Kiểm ngân, VietinBank - Chi nhánh Vĩnh Phú
Từ 09/1991 đến 08/1994	Nhân viên kế toán, VietinBank - Chi nhánh Vĩnh Phú
Từ 09/1994 đến 06/1995	Cán bộ Kế toán, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên
Từ 07/1995 đến 12/1996	Kiểm soát viên, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên
Từ 01/1997 đến 05/1997	Phó phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên
Từ 06/1997 đến 09/2002	Phó phụ trách Phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên
Từ 10/2002 đến 02/2005	Phó phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên
Từ 03/2005 đến 03/2010	Trưởng phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên
Từ 03/2010 đến 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Từ 06/2011 đến 07/2014	Phó Giám đốc VietinBank Thành phố Hà Nội
Từ 07/2014 đến 08/2016	Trưởng phòng Quản lý Kế toán tài chính VietinBank
Từ 08/2016 đến 06/2019	Phó Tổng Giám đốc VietinBank
Từ 07/2019 đến 05/2022	Phó Tổng Giám đốc VietinBank; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý VietinBank
Từ 01/06/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 39.937 cổ phiếu, chiếm 0,000744% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Lê Xuân Sơn (Bố ruột): 407 cổ phiếu, chiếm 0,000008% vốn điều lệ, (ii) Lê Thanh Mai (Chị gái): 24.817 cổ phiếu, chiếm 0,000462% vốn điều lệ.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.704,19 triệu đồng	1.767,94 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.6. Ông Lê Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc

MR

Họ và tên: **Lê Duy Hải**
 Ngày sinh: 06/01/1977
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025077000292, ngày cấp 23/11/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Anh.
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 01/07/2004 đến 31/08/2005	Quản lý bán hàng, New World Fashion Group
Từ 01/09/2005 đến 31/10/2006	Phó giám đốc, Công ty TNHH Quốc tế DT
Từ 01/2007 đến 09/2008	Cán bộ Phòng Đầu tư VietinBank
Từ 10/2008 đến 06/2010	Thư ký Ban thư ký HĐQT VietinBank
Từ 07/2010 đến 02/2011	Phó phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 02/2011 đến 12/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 01/2012 đến 06/2013	Trưởng phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 06/2013 đến 05/2014	Phó Giám đốc Khối KHDN VietinBank
Từ 06/2014 đến 11/2018	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Ba Đình
Từ 11/2018 đến 05/2022	Giám đốc Khối KHDN VietinBank
Từ 20/02/2019 đến 08/05/2022	Giám đốc Khối KHDN Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 09/05/2022 đến 04/10/2022	Phó Tổng Giám đốc VietinBank
Từ 05/10/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Vietinbank Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 22.348 cổ phiếu, chiếm 0,000416% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.811,48 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc)	1.726,30 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng

M/2

Khối Khách hàng Doanh nghiệp)	Khối Khách hàng Doanh nghiệp cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 08/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 09/05/2022)	năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)
-------------------------------	---	--

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.7. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Trần Mạnh Trung**
 Ngày sinh: 21/09/1983
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012174588, Ngày cấp 31/05/2005, Nơi cấp Công An TP Hà Nội (theo danh sách chốt của VSDC).
 001083005084, ngày cấp 22/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 01/09/2005 đến 30/04/2011	Cán bộ Quan hệ KHDN, Phòng KHDN vừa và nhỏ, VietinBank - CN Đồng Đa
Từ 05/2011 đến 06/2011	Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề, VietinBank Chi nhánh Đồng Đa
Từ 07/2011 đến 11/2011	Thư ký TGD, Văn phòng VietinBank
Từ 12/2011 đến 05/2014	Thư ký TGD/HĐQT, Văn phòng VietinBank
Từ 06/2014 đến 10/2014	Quyền Trưởng Phòng Quản lý HĐKD VietinBank
Từ 10/2014 đến 07/2015	Phó Giám đốc Khối KHDN kiêm Trưởng phòng Quản lý hoạt động kinh doanh Khối KHDN VietinBank
Từ 07/2015 đến 05/2022	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Từ 12/05/2022 đến 28/9/2022	Phó Tổng Giám đốc VietinBank kiêm Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội
Từ 29/9/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu, chiếm 0,00000006% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.436,12 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội)	1.958,14 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 11/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 12/05/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.8. Ông Hoàng Ngọc Phương – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Hoàng Ngọc Phương**

Ngày sinh: 26/07/1984

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019084000488, Ngày cấp: 13/02/2020, Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 01/07/2007 đến 01/07/2009	Chuyên viên phát triển kinh doanh, NH TMCP Nhà Hà Nội
Từ 01/08/2011 đến 01/11/2011	Phó giám đốc PT Kinh doanh, Công ty CP ICEL Tư vấn và ĐT
Từ 02/11/2011 đến 29/01/2012	Chuyên viên Quan hệ KHDN, Standard Charter Bank
Từ 30/01/2012 đến 04/02/2012	Nhân viên nhân sự, Phòng TCCB&ĐT VietinBank
Từ 02/2012 đến 03/2012	Thư ký TGD/HĐQT cấp 1, Ban thư ký HĐQT VietinBank
Từ 04/2012 đến 10/2013	Thư ký HĐQT, Ban thư ký HĐQT VietinBank
Từ 10/2013 đến 10/2014	Phó phòng Quản lý HĐKD VietinBank
Từ 10/2014 đến 07/2015	Phó phòng KHDN lớn VietinBank
Từ 07/2015 đến 06/2016	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội

Từ 06/2016 đến 08/2020	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Sông Nhuệ (nay là Chi nhánh Đô Thành)
Từ 08/2020 đến 11/2021	Phó Giám đốc Khối QLRR VietinBank
Từ 11/2021 đến 05/2022	Giám đốc Khối Vận hành VietinBank
Từ 12/05/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.411,78 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Vận hành và Khối Quản lý Rủi ro)	1.545,34 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Vận hành và Khối Quản lý Rủi ro cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 11/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 12/05/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

12.3.9. Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Hải Hưng

Ngày sinh: 13/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034072005082, Ngày cấp 24/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ
Từ 04/1991 đến 06/2001	Nhân viên Phòng Kế toán, VietinBank - Chi nhánh Thái Bình
Từ 07/2001 đến 03/2007	Nhân viên Phòng Kế toán Thanh toán VietinBank
Từ 04/2007 đến 05/2008	Phó Phòng Kế toán Thanh toán VND VietinBank
Từ 06/2008 đến 09/2009	Phó phụ trách Phòng Kế toán Thanh toán VND (VietinBank)
Từ 10/2009 đến 05/2011	Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VND (VietinBank)
Từ 06/2011 đến nay	Kế toán trưởng VietinBank

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 01/12/2023), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 27.816 cổ phiếu, chiếm 0,000518% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Thanh Phương (Vợ): 4.131 cổ phiếu, chiếm 0,000077% vốn điều lệ.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và lợi ích liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.792,74 triệu đồng	1.869,16 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

13. Tài sản

Tình hình các tài sản thuộc sở hữu của VietinBank (Hợp nhất)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2022			Tại 30/09/2023		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	16.191	6.047	37,3%	16.406	5.791	35,3%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.192	5.119	62,5%	8.199	4.899	59,8%
2	Máy móc thiết bị	5.777	428	7,4%	5.868	388	6,6%
3	Phương tiện vận tải	1.817	444	24,4%	1.906	445	23,3%
4	TSCĐ hữu hình khác	405	56	13,8%	433	59	13,6%
II	TSCĐ vô hình	6.779	4.155	61,3%	6.796	3.975	58,5%
1	Quyền sử dụng đất	4.114	3.654	88,8%	4.112	3.615	87,9%
2	TSCĐ vô hình khác	2.665	501	18,8%	2.684	360	13,4%
	Tổng cộng	22.970	10.202	44,4%	23.202	9.766	42,1%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán và số liệu do VietinBank cung cấp)

Tình hình các tài sản thuộc sở hữu của VietinBank (Công ty mẹ)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2022			Tại 30/09/2023		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	15.880	5.902	37,2%	16.095	5.656	35,1%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.078	5.027	62,2%	8.094	4.818	59,5%
2	Máy móc thiết bị	5.692	416	7,3%	5.795	381	6,6%
3	Phương tiện vận tải	1.708	403	23,6%	1.794	406	22,6%
4	TSCĐ hữu hình khác	402	56	13,9%	412	51	12,4%
II	TSCĐ vô hình	6.643	4.076	61,4%	6.657	3.898	58,6%
1	Quyền sử dụng đất	4.042	3.591	88,8%	4.042	3.563	88,1%
2	TSCĐ vô hình khác	2.601	485	18,6%	2.615	335	12,8%
	Tổng cộng	22.523	9.978	44,3%	22.752	9.554	42,0%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán và số liệu do VietinBank cung cấp)

14. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

14.1. Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh của VietinBank

Chỉ tiêu (Công ty mẹ)	Năm 2022	9 tháng đầu năm 2023	Năm 2023		
			Kế hoạch (*)	% tăng/giảm so với năm 2022	% hoàn thành so với kế hoạch năm 2023
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	126.833	117.548	132.361	4,4%	88,81%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	16.379	13.677	18.000	9,9%	75,98%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) (**)	104.477	118.182	120.523	15,4%	98,06%
Tỷ lệ LNST trên Tổng doanh thu (%)	12,9%	12,64%	13,6%	5,3%	92,94%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (%)	16,8%	12,40%	16,0%	-4,9%	77,50%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.				

(Nguồn: VietinBank)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (*)
1	Tổng tài sản	Tăng trưởng 5-10%
2	Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
3	Nguồn vốn huy động	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản
4	Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	<1,8%
5	Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	22.500 tỷ đồng
6	Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Tuân thủ quy định của NHNN

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 của VietinBank và Nghị quyết HĐQT số 350/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 02/10/2023)

Ghi chú:

(*) Các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của VietinBank sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và theo phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

(**) Kế hoạch vốn chủ sở hữu năm 2023 của VietinBank được tính toán dựa trên số liệu về LNST và Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

14.2. Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank

Để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đề ra, Ban Điều hành của VietinBank xác định một số giải pháp chủ đạo dự kiến được áp dụng như sau:

- Thứ nhất, triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chương trình phục

M R

hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đồng thời triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo định hướng chỉ đạo của NHNN.

- Thứ hai, tiếp tục tăng trưởng quy mô bền vững, tăng tỷ trọng các sản phẩm có hiệu quả cao và rủi ro trong hạn mức quy định, đa dạng hóa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho người dân và doanh nghiệp.
- Thứ ba, quản trị hiệu quả cân đối vốn, tập trung nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn đảm bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn CASA và các nguồn vốn có chi phí thấp.
- Thứ tư, tăng hiệu quả thu ngoài lãi (trọng tâm là thu dịch vụ, thu kinh doanh ngoại tệ). Cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi mặt hoạt động, bám sát kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Thứ sáu, đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu.
- Thứ bảy, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Thứ tám, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ CIR.
- Thứ chín, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

Đến hết quý III/2023, VietinBank đã hoàn thành được 88,81% kế hoạch tổng doanh thu và 75,98% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023. Trong 03 tháng cuối năm, VietinBank vẫn đang tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm hạn chế nợ xấu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, với việc tăng vốn điều lệ đầu tháng 12/2023 đã tạo tiền đề giúp VietinBank nâng cao năng lực tài chính, mở rộng HĐKD... Với các căn cứ nêu trên, VietinBank sẽ nỗ lực tối đa để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã đề ra.

14.3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023, Đại hội đồng cổ đông VietinBank đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua phương thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại của năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 của VietinBank. Phương án này đang được VietinBank trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, ĐHĐCĐ thường niên 2023 cũng thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là 11.521.154 triệu đồng và ủy quyền cho HĐQT VietinBank quyết định và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Với việc được tăng vốn điều lệ theo các phương án trả cổ tức nêu trên sẽ tạo tiền đề giúp VietinBank nâng cao năng lực tài chính trong các năm tiếp theo.

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận của VietinBank được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của VietinBank nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐKD có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của VietinBank, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận năm 2023 của VietinBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn

M R

trọng và hợp lý về thực trạng HĐKD của VietinBank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu/thu nhập, lợi nhuận và cổ tức của VietinBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietinBank.

Đánh giá về khả năng trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Theo Phương án phát hành Trái Phiếu, kế hoạch nguồn trả nợ của VietinBank như sau:

- *Nguồn trả nợ lãi Trái Phiếu:* Là dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/ cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của VietinBank bị lỗ.
- *Nguồn trả nợ gốc Trái Phiếu:* VietinBank sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietinBank và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực, HĐKD liên tục có lãi qua các năm, cùng với thương hiệu uy tín và tiềm lực tài chính mạnh của VietinBank, Tổ Chức Tư Vấn đánh giá khả năng trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu của VietinBank là có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của VietinBank.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của VietinBank

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VietinBank có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu niêm yết (nếu có)

Không có.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. **Tên trái phiếu:** Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (CTG2230T2/02)

2. **Loại trái phiếu:**

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 91/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/05/2023)

3. **Mệnh giá:** 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng)/ 1 (một) Trái Phiếu.

4. **Mã trái phiếu:** CTG123033

5. **Số lượng trái phiếu phát hành:** 15.000.000 (Mười lăm triệu) Trái Phiếu

6. **Tổng giá trị theo mệnh giá:** 1.500.000.000.000 (Một nghìn năm trăm tỷ đồng) đồng

7. **Ngày phát hành:** 01/11/2023 (“Ngày Phát Hành”)

8. **Ngày đáo hạn:** 01/11/2031 (“Ngày Đáo Hạn”)

9. **Thời hạn trái phiếu:** 08 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành.

10. **Mục đích phát hành trái phiếu:**

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietinBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu).

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng Đợt 2 (tương đương 3.092,370 tỷ đồng, trong đó có 1.500 tỷ đồng từ việc chào bán Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (CTG2230T2/02)), sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí liên quan, Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng toàn bộ để tăng vốn cấp 2 và cho vay nền kinh tế theo đúng nội dung đã nêu tại Bản Cáo Bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietinBank, cụ thể:

STT	Tên ngành	Số tiền (tỷ đồng)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.314,257
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.005,020
3	Ngành khác	773,093
	Tổng cộng	3.092,370

11. **Nguồn Thanh Toán Trái Phiếu:**

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu. VietinBank dự kiến sử dụng dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/ cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của VietinBank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu (là ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu). VietinBank dự kiến sẽ sử dụng nguồn tiền ((i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietinBank và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải

ngân để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

12. **Tổng Số Trái Phiếu Niêm Yết:** 15.000.000 (Mười lăm triệu) Trái Phiếu (chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành).

13. **Lãi suất:**

Lãi suất Trái Phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2%/năm.

Trong đó:

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 4 Ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

Tại thời điểm ký kết Bản Cáo Bạch này, Lãi Suất Tham Chiếu được xác định là **5,25%/năm**. Lãi suất Trái Phiếu cho kỳ tính lãi từ ngày 01/11/2023 cho đến, nhưng không bao gồm ngày 01/11/2024 là **6,45%/năm**.

14. **Kỳ Trả Lãi:**

Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.

15. **Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Niêm Yết:**

Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng theo Phương án phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022, Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 và Nghị quyết số 057/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 24/02/2023.

16. **Xếp hạng tín nhiệm:** Không có.

17. **Phương pháp tính giá:**

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

PV: là Giá của Trái Phiếu

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 01/11/2023
- Ngày đáo hạn: 01/11/2031
- Lãi suất Trái Phiếu: = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2%/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 31/12/2023
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 08 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Giả sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi là 6,45%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k): Bằng tổng của 1,2% và bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Định giá trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365
- Lãi suất tham chiếu giả định tại ngày niêm yết: 5,25%/năm

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 31/12/2023, giá của Trái Phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8
	01/11/2024	01/11/2025	01/11/2026	01/11/2027	01/11/2028	01/11/2029	01/11/2030	01/11/2031
Lãi suất coupon	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%
Dòng tiền lãi $CF(t) = CPN \times \text{số ngày thực tế của kỳ tính lãi}/365$	6.468	6.450	6.450	6.450	6.468	6.450	6.450	6.450
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày nắm giữ	306	671	1.036	1.401	1.767	2.132	2.497	2.862
Lãi suất chiết khấu	6,20%	6,20%	6,20%	6,20%	6,20%	6,20%	6,20%	6,20%

$$PV = \frac{6.468}{(1 + 6,2\%)^{306/365}} + \frac{6.450}{(1 + 6,2\%)^{671/365}} + \frac{6.450}{(1 + 6,2\%)^{1.036/365}} + \frac{6.450}{(1 + 6,2\%)^{1.401/365}} + \frac{6.468}{(1 + 6,2\%)^{1.767/365}} + \frac{6.450}{(1 + 6,2\%)^{2.132/365}} + \frac{6.450}{(1 + 6,2\%)^{2.497/365}} + \frac{106.450}{(1 + 6,2\%)^{2.862/365}}$$

$$PV = 6.150 + 5.775 + 5.438 + 5.120 + 4.834 + 4.539 + 4.274 + 66.420 = \mathbf{102.549 \text{ VND}}$$

18. Tính lợi suất đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu). Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

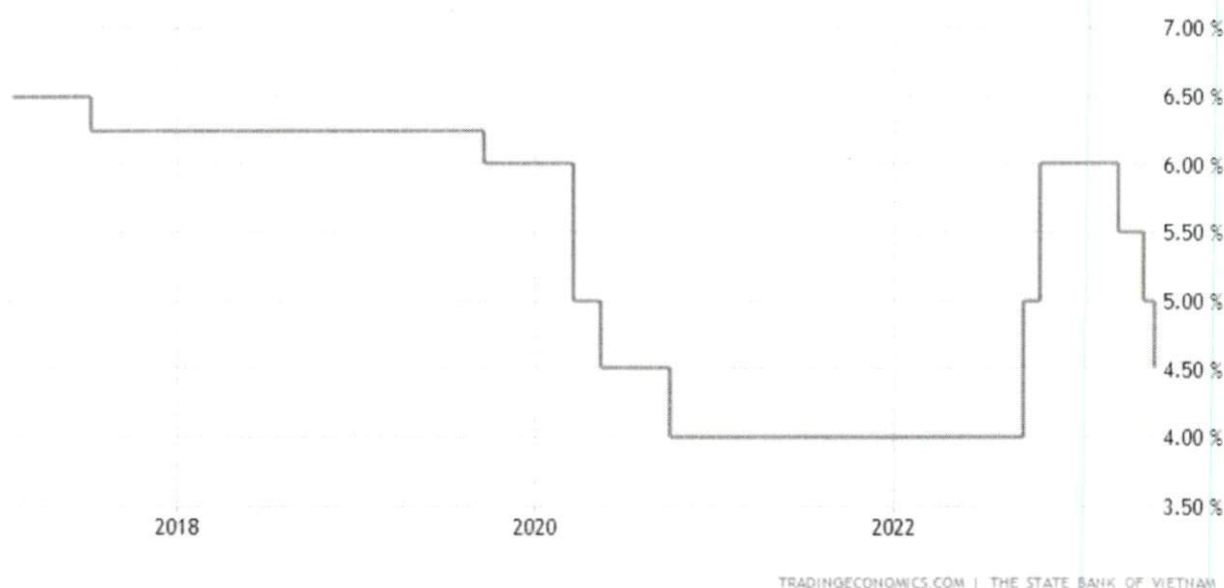
Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 01/11/2023
- Ngày đáo hạn: 01/11/2031
- Lãi suất Trái Phiếu giả định: 6,45%/năm
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 31/12/2023
- Giá giao dịch dự kiến: 103.000 đồng/Trái Phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 103.000 đồng/Trái Phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Ngày trả lãi	01/11/2024	01/11/2025	01/11/2026	01/11/2027	01/11/2028	01/11/2029	01/11/2030	01/11/2031
Kỳ trả lãi	1	2	3	4	5	6	7	8
Lãi suất (%/năm)	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%	6,45%

Diễn biến lãi suất giai đoạn 2018 - 2022



(Nguồn: Tradingeconomics.com)

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu. Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

21. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Không có, vì Trái Phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

22. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do VietinBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

23. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm

MD

cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư và người mua Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia thuế về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

(i) Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- ***Đối với thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:***

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ lãi trái phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- ***Đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu:***

Căn cứ Khoản 9 và 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- ***Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu:***

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(ii) Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính:

(i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi trái phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% trên lãi nhận được.

(ii) Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu mức thuế

suất 0,1% trên tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng.

(iii) Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng trái phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

(iv) Khấu trừ Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Niêm Yết thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí, lệ phí nào ("**Thuế**") theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Việc khấu trừ Thuế liên quan đến giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định của VSDC (sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký và niêm yết) và/hoặc theo quy của pháp luật Việt Nam.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

1. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02-T2 Khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600

3. Tổ Chức Kiểm Toán Báo Cáo Tài Chính

Từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 31/12/2021:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090

Từ ngày 01/01/2022 - nay:

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II** : Điều lệ VietinBank
- Phụ lục III** : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
- Phụ lục IV** : Báo cáo tài chính của Tổ chức Đăng ký Niêm yết (VietinBank):
- Báo cáo tài chính năm 2021 và 2022 riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán.
 - Báo cáo tài chính Quý III/2023 riêng lẻ và hợp nhất tự lập của VietinBank.
- Phụ lục V** : Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VIII. TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2023

Đại diện Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



TRẦN MINH BÌNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ ANH HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

ĐỖ THANH SƠN
Phó Tổng Giám đốc
phụ trách Ban Điều Hành

NGUYỄN HẢI HƯNG
Kế toán trưởng

LÊ DUY HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



[Handwritten signature]
PHẠM NGỌC HIỆP
Phó Tổng Giám đốc